

CÔNG CỤ QUẢN LÝ ABS

Tiêu chuẩn Thực hành tốt nhất và Cẩm nang

Cho

Thực hiện các hoạt động tiếp cận
nguồn gen và chia sẻ lợi ích

Soạn thảo bởi

Stratos Inc.
hợp tác với
Geoff Burton
và
Jorge Cabrera



Với sự hỗ trợ của
Ban Thư ký Nhà nước
Thụy Sĩ về các vấn
đề kinh tế (SECO)



Schweizerische Eidgenossenschaft
Confédération suisse
Confederazione Svizzera
Confederaziun svizra

Swiss Confederation

Federal Department of Economic Affairs FDEA
State Secretariat for Economic Affairs SECO

Biên dịch và hiệu đính: ThS. Nguyễn Đặng Thu Cúc, TS. Trần Thị Hương Trang, TS. Lê Văn Hưng,
CN. Lê Ngọc Hưng; (2014).

Ấn phẩm do Cục Bảo tồn đa dạng sinh học thực hiện với sự hỗ trợ của dự án UNEP-GEF
(số xác nhận dự án: 3853) và Trung tâm Đa dạng sinh học Đông Nam Á.

Lời mở đầu cho Bản cập nhật 2012

Kể từ khi công cụ quản lý ABS (ABS-MT) được xuất bản lần đầu vào năm 2007, luật pháp quốc tế đã được xây dựng để điều chỉnh việc sử dụng các nguồn gen và tri thức truyền thống về nguồn gen liên quan. *Nghị định thư Nagoya về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ công bằng và hợp lý các lợi ích phát sinh từ việc sử dụng nguồn gen theo Công ước về Đa dạng sinh học (Nghị định thư)* đã được thông qua vào cuối năm 2010, việc ký kết được mở ra vào 02/02/2011 và chính thức có hiệu lực khi 50 văn kiện phê chuẩn được ký kết. Với sự hỗ trợ của Ban Thư ký Nhà nước Thụy Sĩ về các vấn đề kinh tế, các tác giả đã cập nhật ABS-MT để bao hàm tinh thần mới của Nghị định thư Nagoya và hỗ trợ người sử dụng và cung cấp các nguồn gen áp dụng những phương thức thực hành tốt nhất hiện nay. Cẩm nang ABS-MT cập nhật bao gồm một phần mới cung cấp hướng dẫn cho các nước thành viên Công ước Đa dạng sinh học (CBD) trong việc chuẩn bị ban hành và triển khai Nghị định thư Nagoya.

Các tác giả đã tiếp tục cập nhật nội dung gốc và cấu trúc lại ABS-MT trong bối cảnh kinh nghiệm thực tế về ABS ngày càng tăng kể từ khi Ấn bản Công cụ quản lý được xuất bản lần đầu tiên.

Lời cảm ơn:

Các tác giả xin chân thành cảm ơn thành viên của Hội đồng Cố vấn vì những đóng góp vô giá của họ cho nội dung và cấu trúc của tài liệu này¹. Đồng thời, các tác giả xin cảm ơn IUCN - Liên minh Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên – đã tư vấn và đánh giá ABS-MT. Và cuối cùng, các tác giả xin cảm ơn Ban Thư ký Nhà nước Thụy Sĩ về các vấn đề kinh tế đã hỗ trợ cho quá trình xây dựng và hoàn thiện ABS-MT.

Tuyên bố từ chối trách nhiệm:

Nội dung và quan điểm thể hiện trong Công cụ quản lý ABS cập nhật này là ý kiến chủ quan của các tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của Chính phủ Thụy Sĩ.

¹ Julien Chupin, Marco D'Alessandro, Preston Hardison, Christoph Hauser, Suhel al Jenabi, Joaquim Machado, Tom Nickson, Maria Julia Oliva, Frank Peterson, Pierre du Plessis, and Seizo Sumida.

Quan sát viên của Ủy ban cố vấn: Jaime Cavalier and Valerie Normand.

Tác giả: Geoff Burton, Jorge Cabrera, George Greene, and Michael Gullo. Julien Chupin, Marco D'Alessandro, Preston Hardison, Christoph Hauser, Suhel al Jenabi, Joaquim Machado, Tom Nickson, Maria Julia Oliva, Frank Peterson, Pierre du Plessis, và Seizo Sumida.

Các nhà quan sát cho Ủy ban tư vấn: Jaime Cavalier và Valerie Normand.

Tác giả: Geoff Burton, Jorge Cabrera, George Greene, và Michael Gullo.

CÔNG CỤ QUẢN LÝ ABS

Cập nhật Tháng 5/2012

LỜI CẢM ƠN

Mục lục

CHƯƠNG I

TIÊU CHUẨN THỰC HÀNH ABS TỐT NHẤT	1
Lời mở đầu	1
1.1 Lời giới thiệu	1
1.2 ABS là gì và Tầm quan trọng của ABS	2
1.3 Mục đích và sử dụng ABS-MT	4
1.4 Sự phù hợp của ABS –MT với một vài điều khoản nhất định của Nghị định thư Nagoya	7
1.5 Các định nghĩa	9
1.6 Các trường hợp áp dụng ABS-MT	11
1.7 Những điều kiện cơ bản cho việc sử dụng ABS-MT	13
1.8 Cấu trúc ABS-MT	15
1.9 Quá trình ra các quyết định về ABS và cách sử dụng ABS-MT	16
Những tiêu chuẩn thực hành ABS tốt nhất	21
TIÊU CHUẨN 1.0: TIẾP CẬN	21
A. Thỏa thuận thông báo trước (PIC)	21
B. Điều khoản đồng thuận giữa các bên (MATs)	22
TIÊU CHUẨN 2.0: CHIA SẺ LỢI ÍCH	22
TIÊU CHUẨN 3.0: TUÂN THỦ	24
TIÊU CHUẨN 4.0: TRI THỨC TRUYỀN THỐNG GẮN LIỀN VỚI NGUỒN GEN	25
Các tiêu chuẩn bổ sung	26
TIÊU CHUẨN 5.0: BẢO TỒN + SỬ DỤNG BỀN VỮNG	26
TIÊU CHUẨN 6.0 GIAO CÔNG NGHỆ VÀ TRI THỨC	27
Hướng dẫn dành cho Chính phủ về Nghị định thư Nagoya	28
3.1 Lời giới thiệu	28
3.2 Hướng dẫn đối với các Chính phủ	29
1.0: TIẾP CẬN	29
A. Thỏa thuận thông báo trước (PIC)	29
B. Điều khoản đồng thuận giữa các bên (MATs)	29
C. Đầu mối quốc gia và cơ quan thẩm quyền quốc gia (NFPs and CNAs)	30
D. Trách nhiệm phát sinh từ việc sử dụng nguồn gen	31
2.0: CHIA SẺ LỢI ÍCH	31

3.0: TUÂN THỦ	32
A. Các biện pháp tuân thủ	32
B. Chứng nhận quốc tế về tuân thủ	33
4.0: TRI THỨC TRUYỀN THỐNG GẮN LIỀN VỚI NGUỒN GEN	34
Hướng dẫn quy trình quản lý thực hiện	36
4.1 Sự hợp nhất với các hệ thống quản lý	36
4.2 Sự tham gia của cộng đồng địa phương và bản địa	36
4.3 Báo cáo	38
PHỤ LỤC A: Các quy định của Nghị định thư Nagaoya và việc thực hiện tại quốc gia	41
CHƯƠNG II	57
CẨM NANG THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG VỀ TIẾP CẬN NGUỒN GEN VÀ CHIA SẺ LỢI ÍCH	57
PHẦN I:	58
Hướng dẫn thực hành tốt	59
TIÊU CHUẨN 1.0 TIẾP CẬN	59
TIÊU CHUẨN 2.0 CHIA SẺ LỢI ÍCH	65
TIÊU CHUẨN 3.0 TUÂN THỦ	68
TIÊU CHUẨN 4.0 TRI THỨC TRUYỀN THỐNG	70
TIÊU CHUẨN 5.0 BẢO TỒN VÀ SỬ DỤNG BỀN VỮNG	72
TIÊU CHUẨN 6.0 CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ VÀ TRI THỨC	73
PHẦN II:	75
Lộ trình về lồng ghép giữa Khuôn khổ pháp lý quốc gia và ABS-MT	76
Thỏa thuận ABS	78
A. Các hình thức thỏa thuận ABS	78
B. Các yếu tố ảnh hưởng đến nội dung thỏa thuận ABS	79
Thỏa thuận chuyển giao nguyên liệu (MTA)	81
Các phần trong Thỏa thuận chuyển giao nguyên liệu	81
Hướng dân phương thức/chiến lược đàm phán	84
Những yêu cầu về thông tin đối với PIC	88
Danh mục lợi ích tiềm năng	89
Những đường dẫn link đến các hướng dẫn cụ thể	93
Những đường dẫn khác và nguồn hữu ích khác	98

CHƯƠNG I

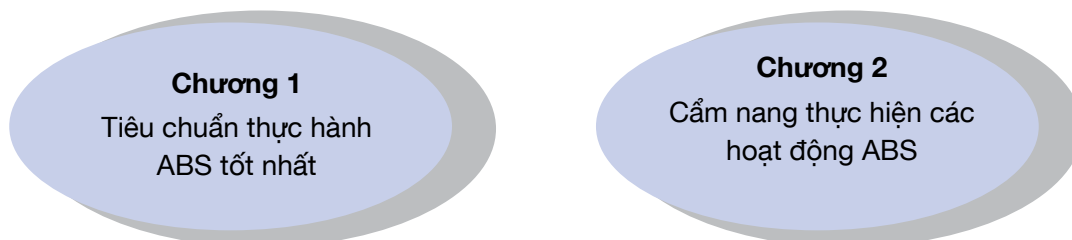
TIÊU CHUẨN THỰC HÀNH ABS TỐT NHẤT

1

LỜI MỞ ĐẦU

1.1 Lời giới thiệu

Tài liệu này gồm hai chương:



Chương I

Tiêu chuẩn thực hành ABS tốt nhất

- | | |
|--------|--|
| Phần 1 | Trình bày tổng quan về tầm quan trọng của ABS và làm thế nào ABS-MT có thể hỗ trợ người sử dụng và cung cấp các nguồn gen (GRs), cũng như hỗ trợ Chính phủ |
| Phần 2 | Trình bày các tiêu chuẩn thực hành ABS tốt nhất cho người sử dụng và cung cấp nguồn gen |
| Phần 3 | Trình bày hướng dẫn dành cho các Chính phủ trong việc hỗ trợ thực hiện Nghị định thư Nagoya |
| Phần 4 | Hướng dẫn dành cho người sử dụng ABS-MT để cải thiện quy trình quản lý thực hiện các hoạt động ABS hiện tại hoặc xây dựng quy trình mới |

Chương II

Cẩm nang thực hiện các hoạt động ABS

- | | |
|----------|---|
| Phần I: | Phần Hướng dẫn thực hành tốt tóm lược các bước thực hành tốt để áp dụng các tiêu chuẩn ABS-MT |
| Phần II: | Phần Các công cụ hỗ trợ đưa ra những công cụ hỗ trợ và ví dụ cho việc áp dụng các khía cạnh cụ thể của ABS-MT |

1.2 ABS là gì và Tầm quan trọng của ABS?


ABS (viết tắt của tiếp cận và chia sẻ lợi ích) là quá trình tiếp cận các nguồn gen và chia sẻ hợp lý và công bằng lợi ích phát sinh từ việc sử dụng nguồn gen theo Công ước Đa dạng sinh học (CBD). Quá trình này cũng nhằm mục đích đảm bảo những lợi ích thu được từ việc sử dụng nguồn gen có thể góp phần vào việc bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học.

ABS là một trong ba mục tiêu của Công ước Đa dạng sinh học:

1. Bảo tồn đa dạng sinh học;
2. Sử dụng bền vững các thành phần của đa dạng sinh học và;
3. Chia sẻ hợp lý và công bằng lợi ích phát sinh từ việc sử dụng nguồn gen².

Từ đó mục tiêu thứ ba này của Công ước đã phát triển thành một lĩnh vực thực hành - và một Chương hợp các qui định pháp lý - được biết đến như “tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích” hay viết tắt là “ABS”.

Sau hơn một thập kỷ từ khi Công ước Đa dạng sinh học có hiệu lực vào năm 1993, các nước thành viên Công ước đã xây dựng một hướng dẫn tự nguyện, không ràng buộc nhằm hỗ trợ Chính phủ và các bên liên quan thực hiện các nghĩa vụ ABS theo Công ước. Đó là *Hướng dẫn Bonn về Tiếp cận nguồn gen và chia sẻ hợp lý và công bằng lợi ích phát sinh từ việc sử dụng nguồn gen* (được thông qua năm 2002). Hướng dẫn Bonn chủ yếu đề cập đến các bước trong quá trình tiếp cận nguồn gen và đảm bảo chia sẻ lợi ích, đó là: sự đồng ý cho tiếp cận (thỏa thuận thông báo trước [PIC]), và các điều khoản tiếp cận và chia sẻ lợi ích (Điều khoản đồng thuận giữa các bên [MATs]).



ABS là viết tắt
của tiếp cận
nguồn gen và
chia sẻ lợi ích

Khuôn khổ pháp lý về ABS tiếp tục được củng cố năm 2010 theo quyết định của Hội nghị các bên tham gia Công ước thông qua *Nghị định thư Nagoya về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ hợp lý và công bằng lợi ích phát sinh từ việc sử dụng nguồn gen theo Công ước về Đa dạng sinh học* (gọi tắt là *Nghị định thư Nagoya*).

Nghị định thư Nagoya nằm trong khuôn khổ Công ước Đa dạng sinh học và tùy thuộc vào quy định của Công ước. Nghị định thư chủ yếu đề cập đến nghĩa vụ mà các bên tham gia (chính phủ các quốc gia) phải thực hiện ở cấp quốc gia.

Để hỗ trợ người đọc, một bảng phân tích các quy định của Nghị định thư được trình bày tại mục 3.2 (chương 1) của cẩm nang ABS-MT. Bảng phân tích xác định các hành động mỗi quốc gia cần thực hiện ở từng điều khoản và vấn đề cơ bản mà điều khoản đó hướng đến.

² Điều 9 của Nghị định thư Nagoya làm rõ sự liên kết giữa tiếp cận, bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen, xác định nghĩa vụ của các nước thành viên Nghị định thư phải khuyến khích người cung cấp và sử dụng nguồn gen hưởng những lợi ích phát sinh đến việc bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học. Phụ lục của Nghị định thư bao gồm một loạt các lợi ích mà có thể sử dụng cho mục đích này

Nghị định thư Nagoya được dự kiến có hiệu lực vào năm 2014, sau 90 ngày kể từ khi quốc gia thành viên thứ 50 ký phê chuẩn³. Sẽ mất một vài năm để Nghị định thư được thực thi một cách rộng rãi. Các nghĩa vụ được quy định trong điều khoản của Nghị định thư có tính ràng buộc pháp lý, nhưng vẫn có sự linh hoạt trong quá trình thực hiện. Đồng thời, Hướng dẫn Bonn tiếp tục là một nguồn hướng dẫn cho các quốc gia chưa phê chuẩn Nghị định thư Nagoya.

Nghị định thư là công cụ chỉ định của Công ước nhằm thực hiện các quy định về ABS. Trừ trường hợp ngoại lệ là khi một văn kiện quốc tế đặc biệt đã được tạo ra và áp dụng cho những nguồn gen đặc biệt (Điều 4), với điều kiện là công cụ đó phù hợp và không trái với các mục tiêu của Công ước và Nghị định thư (ví dụ, Hiệp ước Quốc tế về Tài nguyên di truyền thực vật cho Lương thực và Nông nghiệp).

Nhiều điều khoản trong Nghị định thư có tính ràng buộc pháp lý - bao gồm cả các biện pháp mới về tuân thủ và giám sát - nhưng vẫn có sự linh hoạt đáng kể khi áp dụng. Theo đó, người cung cấp và sử dụng nguồn gen phải chú ý đến đến nghĩa vụ, trách nhiệm và những cơ hội mà Nghị định thư đã tạo ra trong quá trình chuẩn bị thực thi Nghị định.

Mục tiêu của Nghị định thư là sự chia sẻ hợp lý và công bằng các lợi ích phát sinh từ việc sử dụng nguồn gen, thông qua việc tiếp cận phù hợp nguồn gen và chuyển giao thích hợp công nghệ liên quan, xem xét đến tất cả các quyền đối với nguồn gen và công nghệ, và thông qua tài trợ phù hợp, qua đó góp phần bảo tồn và sử dụng bền vững các thành phần của đa dạng sinh học.

Nghị định thư thiết lập những quy định về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích, sử dụng các tri thức truyền thống gắn liền với nguồn gen, những quy định về tuân thủ, hợp tác, giám sát việc sử dụng các nguồn tài nguyên của một quốc gia, và hành động quốc gia để đảm bảo rằng tài nguyên được sử dụng phù hợp với pháp luật của quốc gia cung cấp.

Nghị định thư không có hiệu lực hồi tố trước khi nó có hiệu lực, và không áp dụng cho các tài nguyên thu thập bên ngoài vùng tài phán quốc gia. Việc thực thi Nghị định cũng không ảnh hưởng đến các nghĩa vụ quốc tế hiện hành của một quốc gia thành viên với điều kiện không xâm phạm các quy định tại Điều 4.

³ Xem: www.cbd.int/abs/nagoya-protocol/signatories/

1.3 Mục đích sử dụng Công cụ quản lý ABS

Công cụ quản lý ABS (ABS-MT) là **một tiêu chuẩn thực hành tốt nhất và là cẩm nang cung cấp hướng dẫn mang tính tự nguyện dành cho người sử dụng và cung cấp nguồn gen**

- Một công cụ thực hành ABS giúp các công ty, các nhà nghiên cứu, các cộng đồng bản địa và địa phương, và các chính phủ tuân thủ với các quy định về ABS theo Công ước về Đa dạng sinh học, bao gồm cả Hướng dẫn Bonn và Nghị định thư Nagoya

Hơn nữa, ấn phẩm Công cụ quản lý ABS đã được cập nhật để **hỗ trợ các chính phủ khi xem xét trách nhiệm, nghĩa vụ, và cơ hội khi tham gia Nghị định thư Nagoya** và khi xác định lựa chọn và điều chỉnh phù hợp với hoàn cảnh quốc gia.

Để thực hiện Nghị định thư Nagoya, có thể sẽ có những thay đổi về pháp luật, quy định, chính sách, và/hoặc quy định hành chính về ABS ở nhiều quốc gia trong vài năm tới. Vì vậy, điều quan trọng nhất là tất cả các bên liên quan tham gia vào thực hành ABS cần được thông báo về các quy định pháp lý có hiệu lực tại các khu vực.

Một phần quan trọng của các hoạt động ABS thành công là xây dựng được lòng tin và sự tin tưởng giữa người cung cấp và sử dụng nguồn gen. ABS-MT được thiết kế để thông báo và hướng dẫn người sử dụng và người cung cấp nguồn gen một cách trung lập, giúp họ thiết lập các mối quan hệ cần thiết dựa trên lòng tin và sự tin tưởng. Nếu không có sự tin tưởng, việc tiếp cận và sử dụng nguồn gen có thể gây ra những tác động tiêu cực – đối với người cung cấp nguồn gen, ví dụ như đưa các quyết định về tiếp cận nguồn gen trên cơ sở thiếu thông tin, hoặc thiếu sự chia sẻ những lợi ích thích hợp với các nhà cung cấp, và, đối với người sử dụng nguồn gen, ví dụ như cho rằng đã tiếp cận và/hoặc sử dụng nguồn gen không đúng cách. Dưới sự bảo trợ của Nghị định thư Nagoya đảm bảo tính chắc chắn và minh bạch về pháp lý, việc giới thiệu các biện pháp thông qua ấn phẩm ABS-MT giúp hỗ trợ hình thành sự tin tưởng và sẽ làm giảm chi phí giao dịch đồng thời khuyến khích nghiên cứu và phát triển.

Đối với người sử dụng nguồn gen

ABS-MT hướng đến đối tượng các Tổ chức Sử dụng nguồn gen (ví dụ, các cơ quan nghiên cứu công và tư nhân, bao gồm: các trường đại học, các công ty/doanh nghiệp lớn nhỏ; các tổ chức trung gian thu thập hoặc sử dụng nguồn gen, .v.v.) để giúp họ có thể:

- Tự nguyện áp dụng tiêu chuẩn thực hành ABS về tiếp cận nguồn gen bằng cách đảm bảo rằng tuân thủ các quy định về ABS của Công ước Đa dạng sinh học, Hướng dẫn Bonn⁴ và pháp luật, quy định và chính sách về ABS của các quốc gia;
- Thực hiện công tác chuẩn bị các điều kiện đáp ứng những quy định, bao gồm cả những quy định về việc tuân thủ và giám sát, được ban bố theo Nghị định thư Nagoya, và sẵn sàng tận dụng cơ hội để củng cố tính pháp lý cho việc sử dụng nguồn gen;
- Áp dụng những thực hành tốt trong tiếp cận nguồn gen và chia sẻ hợp lý và công bằng lợi ích phát sinh từ việc sử dụng nguồn gen theo những tiêu chuẩn quốc tế được đặt ra trong Nghị định thư

⁴ ABS-MT nhằm áp dụng đối với những nguồn gen được xác định trong Công ước Đa dạng sinh học

Nguồn gen và/hoặc tri thức truyền thống gắn liền với nguồn gen có thể được sử dụng cho những mục đích khác nhau như:

- Dược phẩm;
- Thực vật;
- Mỹ phẩm;
- Bảo vệ thực vật;
- Thực phẩm chức năng;
- Thích ứng, giảm nhẹ, và phục hồi biến đổi khí hậu;
- Công nghệ sinh học, bao gồm các nguồn vi sinh của sản phẩm công nghiệp;
- Nhiên liệu sinh học;
- Nghệ thuật làm vườn, bao gồm cây cảnh.

Đối với người cung cấp nguồn gen

Ấn phẩm ABS-MT cũng hướng đến đối tượng là người cung cấp nguồn gen (ví dụ, chính quyền quốc gia hay địa phương, cộng đồng bản địa và địa phương, các tổ chức nghiên cứu, và các tổ chức trung gian) để:

- **Hỗ trợ người cung cấp nguồn gen nắm bắt những cơ hội và hiểu rõ trách nhiệm** trong quá trình thực hiện Nghị định thư Nagoya khi Nghị định thư có hiệu lực;
- **Giúp các tổ chức cung cấp nguồn gen đưa ra những quyết định tiếp cận nguồn gen** bằng cách nâng cao nhận thức về những quy định và thực hành trách nhiệm của Nghị định thư Nagoya;
- **Xác định kỳ vọng và yêu cầu** trong việc đàm phán hợp đồng tiếp cận và sử dụng nguồn gen.

Người cung cấp bao gồm:

- Các chính phủ cung cấp và quản lý nguồn gen;
- Cộng đồng bản địa và địa phương;
- Chủ sở hữu và người quản lý đất;
- Các tổ chức nghiên cứu công và tư, bao gồm các trường đại học;
- Người nắm giữ suu tập tại chỗ và chuyển chỗ;
- Các trung gian (thương mại và công ích).

Đối với các chính phủ

Công cụ quản lý ABS giúp các chính phủ hiểu rõ từng quy định của Nghị định thư Nagoya và hỗ trợ các chính phủ thực hiện các bước và nghĩa vụ chính theo Nghị định thư, bao gồm:

- Hiểu rõ nghĩa vụ và cơ hội phát sinh từ việc phê chuẩn Nghị định thư;
- Quyết định những biện pháp lập pháp, hành chính và chính sách phù hợp theo yêu cầu trong khuôn khổ Nghị định thư ABS
- **Hướng dẫn thực hiện Nghị định thư Nagoya** và các quy định của Nghị định thư ở cấp quốc gia và quốc tế;
- **Thành lập các tổ chức thể chế cần thiết** như Đầu mối quốc gia và các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Giải quyết vấn đề sử dụng và chia sẻ lợi ích đối với tri thức truyền thống (TK) gắn liền với nguồn gen;
- **Xác định sự cần thiết phải có thỏa thuận thông báo trước [PIC]** để tiếp cận nguồn gen, và nếu cần thiết, khi đó xác định những biện pháp cần áp dụng;
- **Xác định bản chất và các biện pháp giảm hóa** đối với hoạt động tiếp cận nguồn gen cho mục đích phi thương mại;
- **Xác định bản chất và các biện pháp tuân thủ** điều khoản thỏa thuận giữa các bên;
- Xác định phương tiện hỗ trợ chuyển giao công nghệ, cộng tác và hợp tác thích hợp.

Chính phủ và tổ chức quốc tế cũng có thể sử dụng ấn phẩm ABS-MT như hướng dẫn về xây dựng năng lực, đặc biệt là về công tác triển khai Nghị định thư Nagoya.

1.4 Sự phù hợp của ABS –MT với một vài điều khoản nhất định của Nghị định thư Nagoya

Điều khoản	Các phần của ABS-MT
Điều 2: Cách sử dụng thuật ngữ	Chương I, Mục 1.5 – Định nghĩa
Điều 4: Mối quan hệ với Các Hiệp ước và công cụ quốc tế	Chương I, Phần II, Mục 7 & - Mối liên hệ đến các hướng dẫn cụ thể và các links và nguồn hữu ích khác Chương I, Phần II, Mục 1 – Lộ trình lồng ghép giữa khung pháp lý quốc gia và ABS – MT
Điều 5: Chia sẻ hợp lý và công bằng lợi ích	Chương I, Mục 2.0 – Tiêu chuẩn thực hành ABS tốt nhất Chương II, Phần I – Hướng dẫn thực hành tốt về chia sẻ lợi ích
Điều 6: Tiếp cận nguồn gen	Chương I, Mục 2.0 – Tiêu chuẩn thực hiện ABS tốt nhất Chương II, Phần I – Hướng dẫn thực hành tốt Chương I – Hướng dẫn thực hành tốt
Điều 7: Tiếp cận với tri thức truyền thống gắn liền với nguồn gen	Chương I, Mục 2.0 – Tri thức truyền thống gắn liền với nguồn gen. Chương II, Phần I – Hướng dẫn thực hành tốt
Điều 99: Đóng góp cho bảo tồn và sử dụng bền vững	Chương I, Mục 2.0 – Bảo tồn và sử dụng bền vững Chương II, Part I – Hướng dẫn thực hành tốt
Điều 11: Hợp tác xuyên biên giới	Chương I, Mục 2.0 – Tiếp cận nguồn gen và Chia sẻ lợi ích Chương II, Phần I – Hướng dẫn thực hành tốt
Điều 12: Tri thức truyền thống gắn với nguồn gen	Chương I, Mục 2.0 – Tri thức truyền thống gắn liền với nguồn gen. Chương II, Phần I – Hướng dẫn thực hành tốt
Điều 13: Đầu mối quốc gia và cơ quan thẩm quyền quốc gia	Chương I - Hướng dẫn dành cho Chính phủ về Nghị định thư
Điều 15: Tuân thủ Luật pháp quốc gia hoặc các yêu cầu quy định về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	Chương I, Mục 2.0 – Sự tuân thủ Chương II, Phần I – Hướng dẫn thực hành tốt
Điều 16: Tuân thủ Luật pháp quốc gia và các yêu cầu qui định về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích đối với tri thức truyền thống gắn liền với nguồn gen	Chương I, Mục 2.0 – Sự tuân thủ và tri thức truyền thống gắn liền với nguồn gen Chương II, Phần I – Hướng dẫn thực hành tốt

Điều 17: Giám sát việc sử dụng nguồn gen	Chương I, Mục 2.0 – Sự tuân thủ Chương II, Phần I – Hướng dẫn thực hành tốt
Điều khoản	Các phần của ABS-MT
Điều 18: Tuân thủ các điều khoản thỏa thuận giữa các bên	Chương I, Mục 2.0 – Sự tuân thủ Chương II, Phần I – Hướng dẫn thực hành tốt
Điều 19: Các điều khoản hợp đồng mẫu	Chương I, Mục 2.0 – Tiếp cận, chia sẻ lợi ích, và tri thức truyền thống gắn liền với nguồn gen Chương II, Phần I – Hướng dẫn thực hành tốt Chương II, Phần II, Mục 3-5
Điều 20: Quy tắc ứng xử, Hướng dẫn và Thực hành/Tiêu chuẩn tốt nhất	Chương I, Mục 2.0 – Tiếp cận và Tuân thủ Chương II, Phần I – Hướng dẫn thực hành tốt Chương II, Phần II, Mục 7 và 8
Điều 23: Chuyển giao công nghệ, cộng tác và hợp tác	Chương I, Mục 2.0 – Chuyển giao công nghệ và tri thức Chương II, Phần I – Hướng dẫn thực hành tốt

1.5 Các định nghĩa

Những thuật ngữ chính được sử dụng trong ấn phẩm ABS-MT được giải thích dưới đây. Trong đó, một số thuật ngữ đã được định nghĩa trong Nghị định thư Nagoya hoặc Công ước Đa dạng sinh học. Các thuật ngữ khác được phát triển từ các định nghĩa khác được hình thành trong quá trình hoạt động của các tổ chức trong và ngoài nước khác nhau.

Thành phần	Định nghĩa
Tiêu chuẩn thực hành tốt nhất	Một tập hợp các cam kết mà người sử dụng và cung cấp nguồn gen tuân theo để có được kết quả đáp ứng những yêu cầu theo những quy định về ABS của Công ước Đa dạng sinh học, Hướng dẫn Bonn, Nghị định thư Nagoya và phản ánh thực trạng hiện tại của phương thức thực hành tốt nhất.
Lời khuyên/thách thức	Các giải pháp và tư vấn tiềm năng về việc giải quyết những thách thức và những bất ổn phát sinh trong quá trình đàm phán ABS và thực hiện thỏa thuận ABS.
Dẫn xuất	Một hợp chất sinh hóa phát sinh một cách tự nhiên do các biểu hiện di truyền hoặc chuyển hóa các nguồn tài nguyên sinh học và di truyền, thậm chí hợp chất này không chứa các đơn vị chức năng di truyền ⁵ .
Hướng dẫn thực hành tốt	Các bước hoặc các hoạt động giúp người sử dụng/có được và người cung cấp/các tổ chức cung cấp nguồn thực hiện tốt thực hành quản lý ABS - hướng dẫn hỗ trợ việc áp dụng các tiêu chuẩn thực hành ABS tốt nhất.
Người nắm giữ, chủ sở hữu, người quản lý, hoặc người chăm sóc	Tổ chức hoặc cá nhân có quyền đối với nguồn gen (sở hữu, tài sản,...) phù hợp với hệ thống pháp luật hay phong tục tại địa phương, hoặc cá nhân/tổ chức sở hữu các vật liệu sinh học có chứa các nguồn gen, tại chỗ hoặc chuyển chỗ.
Người cung cấp	Bất kỳ chính phủ, tổ chức hay nhóm người cung cấp nguồn gen và/hoặc là người nắm giữ, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người bảo quản nguồn gen.
Chuyển giao công nghệ	Công nghệ bao gồm cả công nghệ “cứng” và “mềm”. Công nghệ cứng bao gồm máy móc và các phần cứng khác được chuyển giao, công nghệ phần mềm là thông tin công nghệ hoặc bí quyết. Công nghệ mềm thường được chuyển giao cùng với sự hợp tác khoa học và công nghệ dài hạn bao gồm cả nghiên cứu và sáng chế chung chuyển từ ý tưởng phát minh ra các sản phẩm, quy trình, và dịch vụ mới ⁶ .

⁵ Xem Điều 2(e) của Nghị định thư Nagoya về Tiếp cận nguồn gen và Chia sẻ hợp lý và công bằng lợi ích phát sinh từ việc sử dụng nguồn gen (ABS) theo Công ước về Đa dạng sinh học

⁶ Chiến lược thực hiện chuyển giao công nghệ và hợp tác theo Công ước Đa dạng sinh học: www.cbd.int/tech-transfer/ahtegtechnologycooperation.shtml

Thành phần	Định nghĩa
Tri thức truyền thống, sáng chế, tập quán của người dân bản địa và cộng đồng địa phương	Thuật ngữ này không được định nghĩa trong Công ước Đa dạng sinh học hoặc Nghị định thư Nagoya và cần được định nghĩa một cách đơn giản. Tuy nhiên, định nghĩa thông dụng của thuật ngữ này được sử dụng trong các cuộc đàm phán trong Ủy ban liên chính phủ về Sở hữu trí tuệ và nguồn gen, tri thức truyền thống và văn hóa dân gian của WIPO ⁷ . Xem thêm chú thích bên dưới để hiểu rõ thêm.
Tri thức truyền thống gắn liền với nguồn gen	Thuật ngữ này chưa được định nghĩa và cũng cần được định nghĩa một cách đơn giản ⁸ . Đối với các nước thông luật, điều này có nghĩa là thuật ngữ này được hiểu với ý nghĩa thông thường hoặc bằng cách tham chiếu tới các từ điển do các tòa án chỉ định để có được định nghĩa đúng đắn, hoặc bằng cách tham chiếu đến các quyết định của Tòa án, khi đó thuật ngữ được định nghĩa theo ngôn ngữ tư pháp.
Người sử dụng	Bất kỳ tổ chức hoặc nhóm người có được và/hoặc sử dụng nguồn gen.
Sử dụng nguồn gen	Hoạt động nghiên cứu và phát triển các thành phần di truyền và/hoặc sinh hóa của các nguồn gen, thông qua ứng dụng công nghệ sinh học như được quy định tại Điều 2 của Công ước ⁹ .

⁷ Tri thức truyền thống” bao gồm những kiến thức thu được từ hoạt động trí tuệ trong bối cảnh truyền thống, và bao gồm bí quyết, kỹ năng, sáng chế, thực hành, và bài học hình thành hệ thống tri thức truyền thống, tri thức phản ánh lối sống truyền thống của người bản địa và cộng đồng địa phương, hoặc là một phần trong hệ thống tri thức đã thành điều lệ qua nhiều thế hệ “(Dự thảo sửa đổi các quy định về Bảo hộ tri thức truyền thống WIPO).

⁸ Cần lưu ý rằng Đại hội đồng Ủy ban liên chính phủ về Sở hữu trí tuệ và nguồn gen, tri thức truyền thống và văn hóa dân gian của WIPO (IGC) đã yêu cầu Ủy ban (tháng 9 năm 2011) thống nhất về nội dung các công cụ pháp lý quốc tế để đảm bảo bảo vệ hiệu quả các nguồn gen, tri thức truyền thống và văn hóa truyền thống. Quá trình này và kết quả đem lại có thể tăng hiểu biết chung về thuật ngữ này.

⁹ Xem điều 2(c) Nghị định thư Nagoya về Tiếp cận nguồn gen và chia sẻ hợp lý và công bằng lợi ích phát sinh từ việc sử dụng nguồn gen (ABS) theo Công ước về Đa dạng sinh học

1.6 Trường hợp áp dụng ABS-MT

ABS-MT áp dụng đối với **tất cả các giai đoạn của hoạt động về nguồn gen**:

- Hình thành khung pháp lý;
- Trước tiếp cận;
- Tiếp cận (suu tập và khám phá);
- Nghiên cứu hàn lâm¹⁰;
- Nghiên cứu và phát triển nhằm mục đích thương mại;
- Tuân thủ, theo dõi, và giám sát;
- Thương mại hóa;
- Xây dựng năng lực, hợp tác, và chuyển giao công nghệ.

A. Sử dụng nguồn gen

Nguồn gen được định nghĩa trong Điều 2 của Công ước Đa dạng sinh học như sau:

“Nguồn gen” là mọi vật liệu di truyền có giá trị hiện thực hoặc tiềm tàng. “Vật liệu di truyền” là vật liệu của thực vật, động vật, vi sinh vật hoặc các nguồn nguyên khởi khác có chứa các đơn vị chức năng di truyền.

Nguồn gen được định nghĩa tương tự trong Nghị định thư Nagoya.

Bất cứ tổ chức/cá nhân trong quá trình chuẩn bị cung cấp hoặc **sử dụng nguồn gen** đều cần ý thức được rằng những quy định về chia sẻ lợi ích của Nghị định thư áp dụng đối với việc sử dụng những nguồn gen được định nghĩa tại Điều 2 nhằm:

“Thực hiện nghiên cứu và phát triển đối với vật liệu di truyền và/hoặc các thành phần hóa sinh của nguồn gen, thông qua ứng dụng công nghệ sinh học được quy định tại Điều 2 của Công ước Đa dạng sinh học.”

Tóm lại, “sử dụng” có tính mục đích. Đặc điểm này phân biệt việc sử dụng nguồn gen với việc thu hoạch tự nhiên vật liệu sinh học hoặc việc sử dụng nguồn gen trong thương mại hàng hóa.

Mặc dù sử dụng nguồn gen được định nghĩa một cách rõ ràng hơn và do đó giúp giải quyết những mối quan tâm về việc sử dụng nguồn gen, vẫn tồn tại một số tranh luận liên quan đến phạm vi của các hợp chất sinh hóa phát sinh tự nhiên (“dẫn xuất”).

Những quy định về nghiên cứu và phát triển các thành phần sinh hóa và di truyền của nguồn gen được bao hàm trong Nghị định thư. Trên cơ sở định nghĩa về các hợp chất sinh hóa và định nghĩa ứng dụng công nghệ sinh học, quy định này có liên hệ với định nghĩa về “dẫn

¹⁰ Đối với nghiên cứu hàn lâm không có mục đích thương mại, có thể áp dụng một hướng dẫn riêng biệt của Viện Hàn lâm Thụy Sĩ “Thực hành tốt dành cho Nghiên cứu hàn lâm về nguồn gen”

xuất”, là một hợp chất tự nhiên. Do đó, việc “sử dụng các dẫn xuất” cũng thuộc phạm vi qui định của Nghị định thư, và việc sử dụng hợp chất sinh hóa, thông qua công nghệ sinh học cũng thuộc phạm vi của Nghị định thư nếu việc tiếp cận diễn ra trên các nguồn gen. Thông qua định nghĩa dẫn xuất, các hợp chất hóa sinh cũng trở nên rõ ràng hơn khi định nghĩa chỉ rõ ràng các hợp chất này có thể có hoặc không có “các đơn vị chức năng di truyền”, mặc dù quan điểm này không được công nhận rộng rãi toàn cầu.

Khái niệm sử dụng trong Nghị định thư có nghĩa là khi quốc gia yêu cầu cần có thỏa thuận thông báo trước [PIC] để cho phép tiếp cận nguồn gen thì sẽ đồng thời quản lý quá trình nghiên cứu và phát triển đối với không chỉ vật liệu di truyền mà các thành phần sinh hóa tự nhiên.

Nghị định thư không bao gồm một danh sách các hoạt động có thể được xem là hoạt động “sử dụng”, nhưng Nghị định thư có thể bao gồm:

- Biến đổi gen;
- Tổng hợp sinh học (sử dụng vật liệu di truyền làm “cơ sở” sản xuất hợp chất hữu cơ);
- Tạo và lựa chọn giống;
- Phổ biến và canh tác theo phương thức nhận được;
- Bảo tồn;
- Đặc tính hóa và đánh giá;
- Sản xuất các hợp chất tự nhiên trong vật liệu di truyền (ví dụ, khai thác các chất chuyển hóa, tổng hợp của các phân đoạn DNA, và sản xuất các bản sao).

1.7 Những điều kiện cơ bản để sử dụng ABS-MT

1.7.1 Sự sẵn sàng tham gia đàm phán ABS

Cả người cung cấp và người sử dụng nguồn gen tiềm năng đều phải sẵn sàng tham gia đàm phán ABS với sự tin tưởng. Nếu thiếu sự tin tưởng giữa các bên tham gia đàm phán, khả năng đạt được một thỏa thuận thành công mang lại lợi ích tất cả các bên sẽ giảm xuống. Quan hệ cần được xây dựng trên sự tin tưởng, đối thoại, và cùng có lợi. Do đó, trong quá trình hình thành và thực hiện đàm phán các thỏa thuận tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích cần chú trọng đẩy mạnh sự tham gia của tất cả các bên liên quan, cho phép đối thoại hiệu quả giữa các bên liên quan, và thúc đẩy trách nhiệm lẫn nhau.

1.7.2 Năng lực đàm phán và ra quyết định

Việc đàm phán ABS là quá trình phức tạp. Đối với nhiều cơ quan chính phủ, các cộng đồng bản địa và địa phương, và các bên liên quan khác, ABS là một lĩnh vực pháp lý và hành chính chưa phổ biến. Việc thiếu năng lực (và thiếu niềm tin vào chính năng lực đó) có thể cản trở người cung cấp tiềm năng tham gia đàm phán ABS. Lo sợ mắc sai lầm và lo sợ những hậu quả có thể gây ra nếu việc đàm phán không được thực hiện đúng đắn, người cung cấp và người sử dụng thiếu sẵn sàng tham gia đàm phán ABS. Do đó, cần có mức năng lực và kiến thức tối thiểu về các vấn đề/đàm phán ABS để tham gia sử dụng ABS-MT. Bản thân ABS-MT có thể được sử dụng như một công cụ xây dựng năng lực, bằng cách giải quyết các vấn đề ABS liên quan mà người dùng tiềm năng cần phải giải quyết, và bằng cách cung cấp một lộ trình cho đàm phán ABS và thảo luận thực hành tốt nhất.

Sau khi Hội nghị các bên tham gia Công ước Đa dạng sinh học thông qua Nghị định thư Nagoya, Ban thư ký Công ước đã phát triển một Bộ Thông tin ABS và công bố một số nguồn thông tin dựa trên web. Để thêm thông tin vui lòng truy cập www.cbd.int/abs/awareness-raising/

1.7.3 Khung pháp lý tối thiểu hiện hành

Tại khoảng 50 quốc gia, các giải pháp ABS đang được thực thi dưới một vài hình thức, trong đó khoảng 20 - 30 đã thông qua luật những luật về ABS cụ thể¹¹. Trong 50 quốc gia trên, một số quốc gia đã phát triển những bộ luật, những quy định và thủ tục hành chính đang được thực thi, một số quốc gia khác đã xây dựng những bộ luật đang có hiệu lực, và tại những quốc gia khác, những quy định về ABS chỉ mới được xây dựng bằng văn bản như Chiến lược và Kế hoạch hành động quốc gia về Đa dạng sinh học (NBSAPs).

Việc còn thiếu các biện pháp quản lý và hành chính cụ thể đối với ABS dẫn đến sự không chắc chắn về mặt pháp luật. Điều này khiến người sử dụng nguồn gen tiềm năng cảm thấy không sẵn sàng và mong muốn tìm kiếm nguồn gen và đàm phán hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích. Đồng thời, luật pháp thiếu chắc chắn cũng hạn chế tinh thần và năng lực của những người cung cấp nguồn gen (có thể là, các cơ quan chính phủ, và các cộng đồng bản địa và địa phương) tham gia vào các cuộc đàm phán ABS.

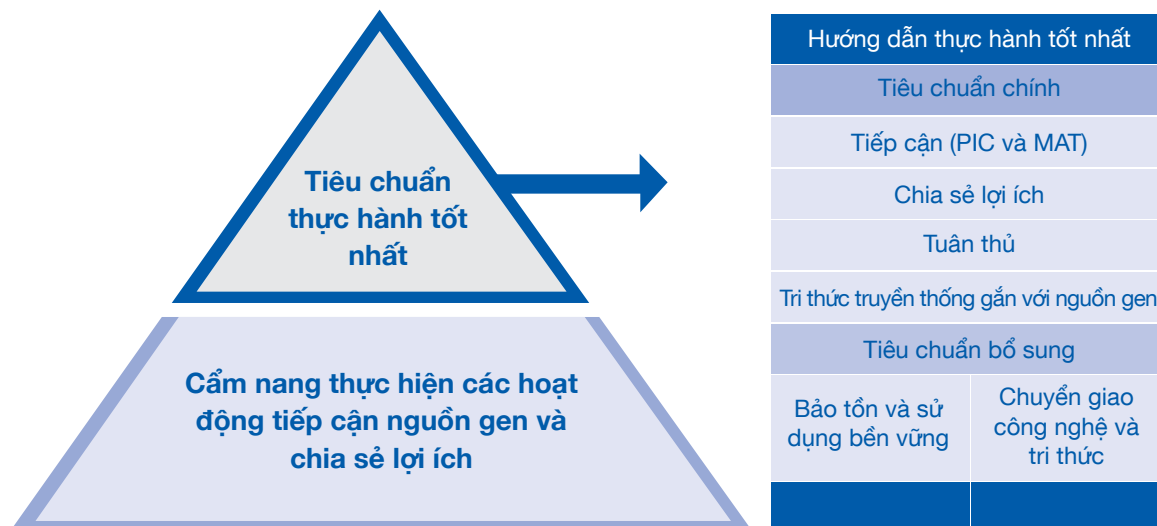
¹¹ Ban thư ký Công ước báo cáo rằng mặc dù có hơn 50 quốc gia với các biện pháp ABS đang được thực hiện, một số các biện pháp này là Chiến lược, kế hoạch, hoặc chính sách quốc gia về Đa dạng sinh học, hoặc những biện pháp này là những quy định có hiệu lực tạo điều kiện cho sự phát triển hơn nữa của những cơ chế ABS thực thi hơn

Có hai mục tiêu chính ảnh hưởng đến việc đàm phán Nghị định thư Nagoya. Mục tiêu đầu tiên là thông qua một công cụ pháp lý đảm bảo tính chắc chắn về pháp luật đối với cả người sử dụng và cung cấp nguồn gen cũng như cá nhân và tổ chức nắm giữ tri thức truyền thống gắn liền với nguồn gen mà được phép tiếp cận. Thứ hai: quy định nghĩa vụ rõ ràng đối với hoạt động của các chính phủ để đảm bảo nguồn gen được sử dụng trong phạm vi pháp luật của từng quốc gia phù hợp với những yêu cầu cho thỏa thuận thông báo trước (PIC) và các điều khoản đồng thuận giữa các bên (MATs) về tiếp cận và sử dụng nguồn gen do nước cung cấp đặt ra.

Chương II, phần II, mục 1 cung cấp cho người đọc một lộ trình đơn giản để lồng ghép ABS-MT với các khuôn khổ pháp lý quốc gia. Có thể tham khảo các đường dẫn đến cơ sở dữ liệu hay nghiên cứu pháp luật về các biện pháp ABS hữu ích ở phần II, mục 7 và 8.

1.8 Cấu trúc của Công cụ quản lý ABS (ABS-MT)

ABS-MT bao gồm hai phần và được chia thành hai Chương: Tiêu chuẩn thực hành tốt nhất và Cẩm nang



Ấn phẩm ABS-MT cập nhật giới thiệu hai tiêu chuẩn thực hành mới: **Tuân thủ - tiêu chuẩn cốt lõi và chuyển giao công nghệ và tri thức - tiêu chuẩn bổ sung**. Những quy định về tuân thủ là một phần thiết yếu của Nghị định thư Nagoya, quy định nghĩa vụ hỗ trợ để đáp ứng yêu cầu của nước cung cấp nguồn gen và xây dựng nghĩa vụ và biện pháp hỗ trợ người sử dụng tuân thủ các điều khoản thoả thuận với người cung cấp nguồn gen.

Chuyển giao công nghệ và tri thức đã được giới thiệu như một tiêu chuẩn mới bổ sung bởi sự chuyển giao công nghệ và tri thức là một khía cạnh ngày càng quan trọng của chia sẻ lợi ích, hợp tác và cộng tác giữa các quốc gia, và xây dựng năng lực.

Tri thức truyền thống gắn liền với nguồn gen hiện nay là một tiêu chuẩn cốt lõi. Nghị định thư Nagoya và luật pháp quốc gia của một số quốc gia đã phát triển những nghĩa vụ cụ thể mới liên quan đến việc sử dụng các kiến thức truyền thống gắn liền với nguồn gen cũng như việc sử dụng nguồn gen nằm trong vùng lãnh địa của người dân bản địa và cộng đồng địa phương, tùy thuộc vào luật pháp của từng quốc gia.

1.9 Quá trình ra các quyết định về ABS và cách sử dụng ABS-MT

Đối với hoạt động nghiên cứu thương mại

ABS-MT được thiết kế đưa ra những giải pháp cụ thể cho các tình huống và những lo ngại của hoạt động nghiên cứu thương mại đối với các nguồn gen (thăm dò sinh học) hoặc những nghiên cứu hàn lâm có tiềm năng thương mại. ABS-MT không đề cập đến sự tập hợp và sử dụng nguồn tài nguyên sinh học ở mức độ rộng hơn nhằm các mục đích khác, chẳng hạn như thương mại hàng hóa.

Đối với hoạt động nghiên cứu phi thương mại

ABS-MT cũng cung cấp những phương thức thực hành tốt nhất cho các cá nhân và tổ chức tham gia trong nghiên cứu nguồn gen nhằm mục đích phi thương mại (chủ yếu là mục đích hàn lâm). Tuy nhiên, trong khi chưa có sự thống nhất trên phạm vi quốc tế về sự khác biệt giữa nghiên cứu thương mại và nghiên cứu hàn lâm về nguồn gen, nghiên cứu hàn lâm được thừa nhận có thể dẫn đến việc xác định các tiềm năng thương mại. Khi các nghiên cứu hàn lâm được xác định có tiềm năng thương mại thường cho là phát hiện tình cờ. Nghị định thư Nagoya cung cấp các biện pháp đã được đơn giản hóa nhằm tạo điều kiện cho nghiên cứu hàn lâm hoặc phi thương mại - với điều kiện là những nghiên cứu đó hướng đến những sự thay đổi trong mục đích sử dụng nguồn gen.

ABS-MT có thể được sử dụng trong các nghiên cứu hàn lâm nếu phù hợp với đề tài, qui mô và thể loại nghiên cứu (có nghĩa là, khi nào cần đề cập đến tri thức truyền thống, hoặc khi nào việc bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đã thu thập được cần được xem xét).

Việc sử dụng nguồn gen nhằm mục đích thương mại được quy định trong tiêu chuẩn ABS-MT và những quy trình đơn giản áp dụng cho các nhà nghiên cứu hàn lâm được quy định trong các công cụ khác, như:

- Viện Hàn lâm Khoa học Thụy Sĩ “Tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích - thực hành tốt cho nghiên cứu khoa học về nguồn gen”¹²;
- Nguyên tắc Vườn bách thảo về Tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích cho các tổ chức tham gia: chính sách chung Guidelines¹³;
- Mạng lưới trao đổi thực vật Quốc tế (IPEN) Quy tắc ứng xử cho khu vườn thực vật chi phối việc mua lại, bảo trì và cung cấp các nguyên liệu thực vật sống¹⁴;
- Sử dụng bền vững Các vi sinh vật và Quy tắc ứng xử quốc tế quy định tiếp cận (MOSAICC)¹⁵;

¹² <http://abs.scnat.ch/>

¹³ www.bgci.org/worldwide/article/0007/

¹⁴ www.bgci.org/files/ABS/IPEN/conduct.pdf

¹⁵ <http://bccm.belspo.be/projects/mosaicc/>

- Quy tắc ứng xử Quốc tế quy định tiếp cận nguồn gen và sử dụng bền vững các vi sinh vật (MOSAICC);
- Quỹ Nghiên cứu Đức - Hướng dẫn cho các đề xuất kinh phí liên quan đến dự án nghiên cứu trong phạm vi của Công ước về Đa dạng sinh học (CBD)¹⁶;
- Hiệp hội Nhân học ứng dụng (SfAA): trách nhiệm đạo đức và chuyên nghiệp¹⁷.

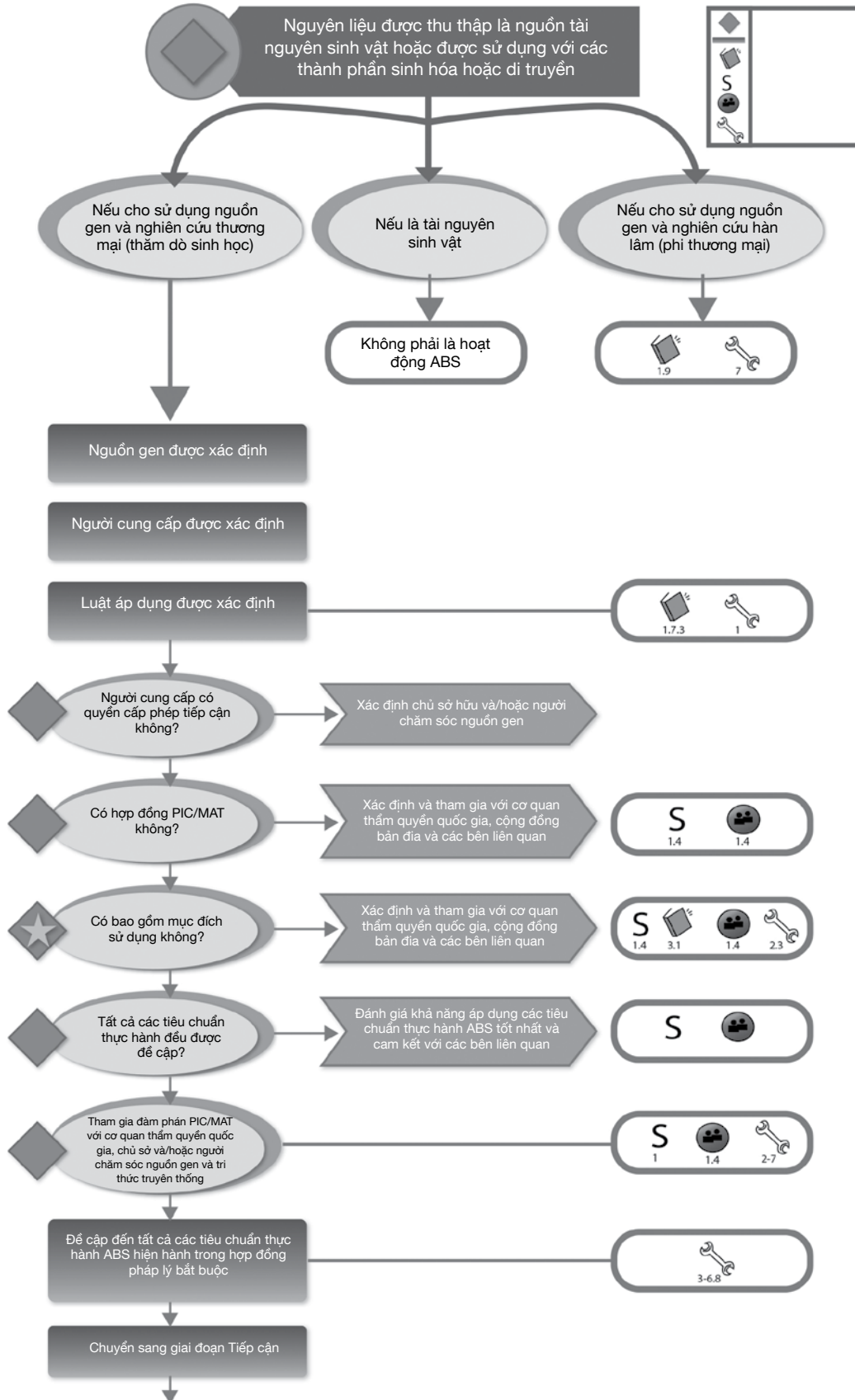
Hình 1 cung cấp một quy trình ra quyết định để hướng dẫn người sử dụng tiềm năng và người cung cấp nguồn gen, trong đó có tham chiếu đến các phần cụ thể của ABS-MT.

¹⁶ www.dfg.de/foerderung/formulare_merkblaetter/index.jsp

¹⁷ www.sfaa.net/sfaaethic.html

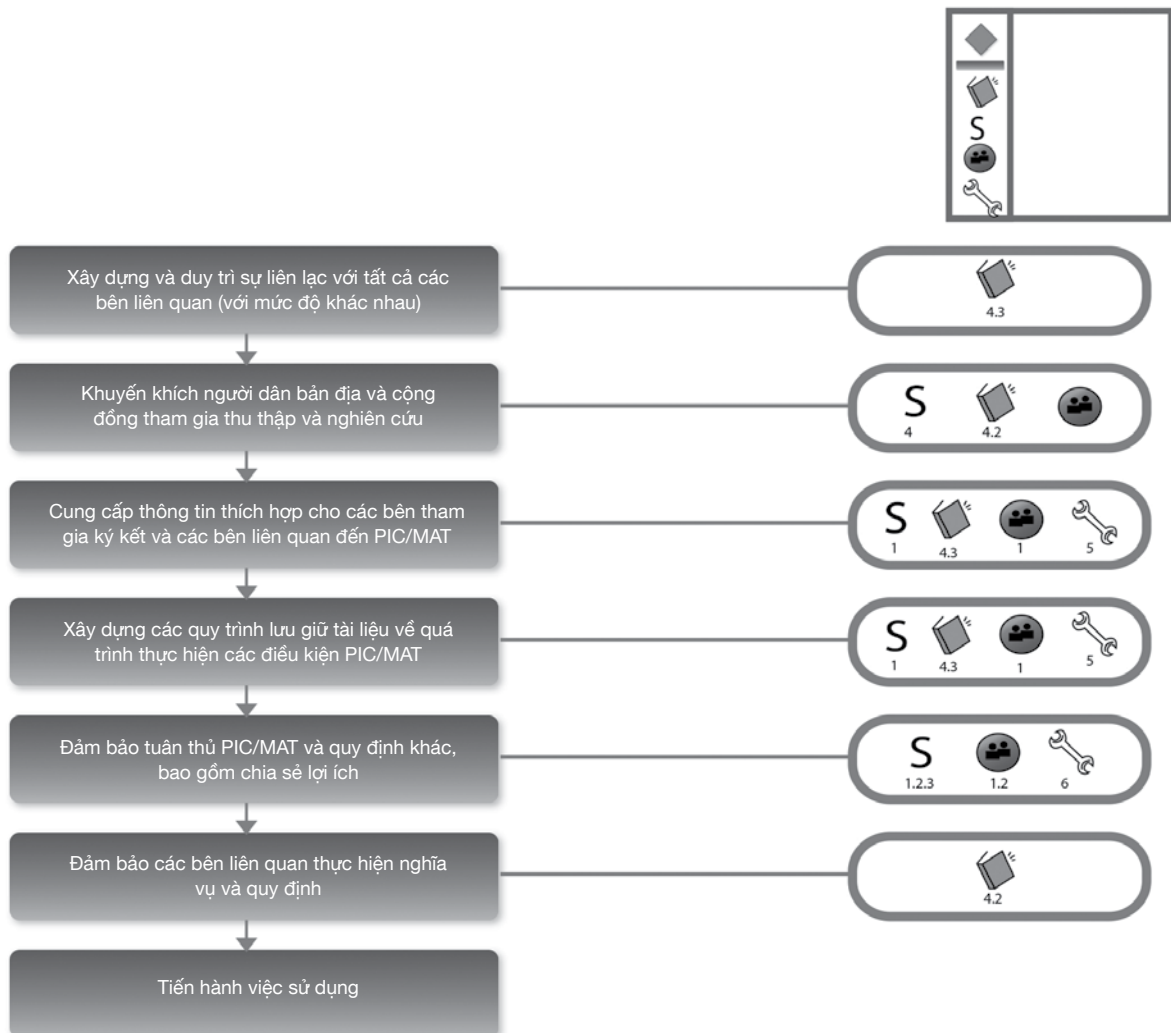
Hình 1: Quy trình ra quyết định theo ABS-MT

Trước tiếp cận



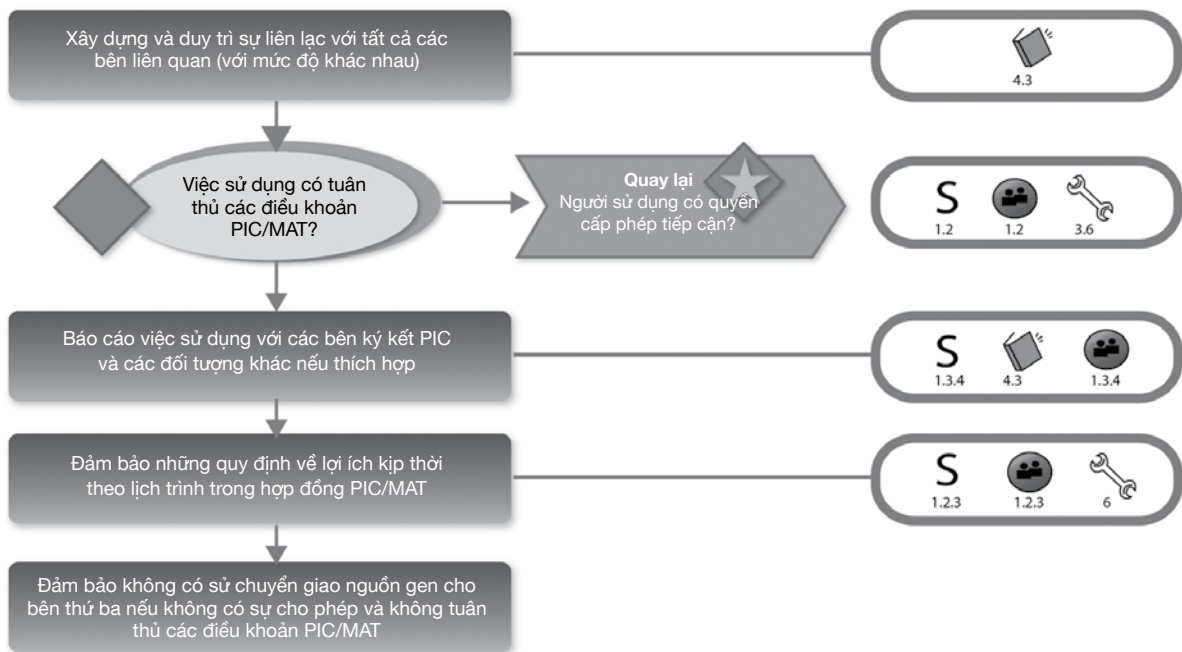
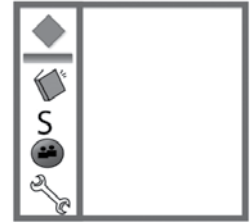
Hình 1: Quy trình ra quyết định theo ABS-MT

Tiếp cận



Hình 1: Quy trình ra quyết định theo ABS-MT

Sử dụng



2

TIÊU CHUẨN THỰC HÀNH ABS TỐT NHẤT

Những tiêu chuẩn cơ bản về sự tuân thủ các Quy định, Hướng dẫn và Nghị định thư Nagoya của Công ước Đa dạng sinh học

TIÊU CHUẨN THỰC HÀNH TỐT NHẤT

TIÊU CHUẨN 1.0: TIẾP CẬN

A. Thỏa thuận thông báo trước (PIC)

Thỏa thuận thông báo trước (PIC) là sự cho phép đối với người sử dụng nguồn gen từ chính phủ và các nhà cung cấp khác sau khi công bố đầy đủ tất cả thông tin cần thiết được tiếp cận nguồn gen, và tri thức truyền thống gắn với nguồn gen, theo các điều khoản thỏa thuận giữa các bên (MAT).

- 1.1 PIC là trước, được thông báo và có sự đồng thuận cả trong ý định và hành động.
- 1.2 Nếu được yêu cầu bởi các quốc gia, PIC phải đạt được bằng văn bản với sự đồng thuận của cơ quan chính phủ có thẩm quyền (cơ quan quốc gia có thẩm quyền) phù hợp với pháp luật trong nước, và từ các bên liên quan, bao gồm các cộng đồng bản địa và địa phương nếu họ là người nắm giữ, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người bảo quản nguồn gen hoặc tri thức truyền thống gắn với nguồn gen.
- 1.3 PIC là cam kết tham gia đàm phán chia sẻ lợi ích hợp lý và công bằng cho từng giai đoạn của quá trình tiếp cận và sử dụng nguồn gen. Sau những điều khoản đồng thuận giữa các bên được xác nhận, người sử dụng nguồn gen có thể được cấp PIC. Nguồn gen chỉ được sử dụng cho các mục đích được quy định rõ ràng trong tài liệu PIC tại thời điểm đàm phán PIC hoặc cho những mục đích được quy định trong MATs. (Quá trình đàm phán MATs và PIC có thể diễn ra độc lập hoặc kết hợp trong những trường hợp có sự liên hệ lẫn nhau).
- 1.4 Một thỏa thuận thông báo mới được cấp cho người sử dụng khi nguồn gen được sử dụng với mục đích và phạm vi khác với quy định trong PIC hay MAT trước đó. Hợp đồng do người sử dụng quyết định với những điều khoản và điều kiện của PIC bao gồm cả, *inter alia*, là những điều khoản và điều kiện liên quan đến chia sẻ lợi ích (MAT).
- 1.5 Nếu việc tiếp cận nguồn gen có được tuân theo CBD được thực hiện thông qua thu thập chuyển chỗ từ một hoặc nhiều đơn vị trung gian, thì hồ sơ được cung cấp có PIC phù hợp và giao dịch cũng như mục đích sử dụng phải phù hợp với PIC này – trừ trường hợp có sự giải thích rõ ràng và hợp lý cho thấy việc thực hiện như trên là không khả thi, chẳng hạn như khi nước người cung cấp quyết định không yêu cầu phải có PIC (theo sự linh hoạt được quy định tại Điều 6(1) của Nghị định thư, trong trường hợp đó, PIC sẽ xuất phát từ chính tổ chức).

B. Các điều khoản đồng thuận (MAT)

Các điều khoản đồng thuận giữa các bên là những điều kiện và quy định về tiếp cận và chia sẻ lợi ích được thỏa thuận giữa người sử dụng và cung cấp và các bên liên quan khác.

- 1.6** Việc đàm phán MAT được thực hiện với tinh thần xây dựng niềm tin và mối quan hệ tin tưởng giữa người cung cấp nguồn gen (bao gồm người nắm giữ, chủ sở hữu, người quản lý và người bảo quản nguồn gen) và người sử dụng. Thông qua đàm phán, mối quan hệ tôn trọng lẫn nhau, minh bạch và lâu dài giữa người cung cấp và sử dụng nguồn gen dần được hình thành, tăng sự giao tiếp trao đổi với nhau. MAT được hình thành dưới dạng văn bản.
- 1.7** Việc đàm phán MATs được thực hiện với sự tin tưởng giữa người sử dụng và cung cấp nguồn gen, MATs tôn trọng các điều khoản của thỏa thuận thông báo trước, cho phép người nắm giữ, chủ sở hữu, người quản lý và người bảo quản nguồn gen được chia sẻ lợi ích đồng thời tạo điều kiện cho sự tiếp cận các nguồn gen.
- 1.8** MAT có xét đến sự khác biệt về năng lực và nhu cầu của người cung cấp, bao gồm chính phủ, cộng đồng địa phương bản địa, người nắm giữ các bộ sưu tập chuyển chỗ, và người sử dụng nhằm tạo điều kiện cho quá trình đàm phán hợp lý và các kết quả công bằng đối với lợi ích được chia sẻ.

TIÊU CHUẨN 2.0: CHIA SẺ LỢI ÍCH

Chia sẻ lợi ích là sự tham gia vào các lợi ích kinh tế, môi trường khoa học, xã hội, hoặc văn hóa có được hoặc phát sinh từ việc tiếp cận nguồn gen và tri thức truyền thống gắn với nguồn gen theo các điều khoản đồng thuận (MAT).

- 2.1** Chia sẻ hợp lý và công bằng lợi ích từ việc sử dụng các nguồn gen và tri thức truyền thống gắn với nguồn gen nhằm hỗ trợ việc tuân thủ ba mục tiêu của Công ước Đa dạng sinh học (bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng bền vững các thành phần đa dạng sinh học, và chia sẻ hợp lý và công bằng những lợi ích phát sinh từ việc sử dụng nguồn gen), bằng cách tiếp cận nguồn gen và chuyển giao công nghệ liên quan một cách thích hợp, có những quy định với mọi quyền lợi đối với nguồn gen và công nghệ đó, và bằng cách tài trợ thích đáng. Những quy định về chia sẻ lợi ích được đàm phán trên cơ sở những MATs và được thực hiện nhằm góp phần vào việc bảo tồn đa dạng sinh học bao gồm cả nguồn gen.
- 2.2** Lợi ích được chia sẻ theo những quy định trong MATs đã được hình thành và có thể được đàm phán lại khi có sự thay đổi trong mục đích sử dụng vượt quá PIC đã được thỏa thuận hay mục đích sử dụng thay đổi so với những quy định ban đầu trong MATs. Việc chia sẻ lợi ích xem xét đến và áp dụng đối với cả lợi ích tiền tệ và phi tiền tệ ngắn, trung và dài hạn.

- 2.3** Lợi ích được chia sẻ công bằng và bình đẳng với tất cả những cá nhân hoặc tổ chức được xác định là có đóng góp vào công tác quản lý nguồn gen, và vào quá trình nghiên cứu khoa học hoặc thương mại. Quy định này áp dụng với các cấp chính quyền khác nhau, và/hoặc các cộng đồng bản địa và địa phương và các bên liên quan bao gồm người nắm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người bảo quản nguồn gen (người cung cấp), và người sử dụng những nguồn gen là đối tượng nghiên cứu khoa học phi thương mại hoặc tham gia chuỗi thương mại hóa (người sử dụng).
- 2.4** Lợi ích nhằm mục đích để tạo ra hoặc tăng cường năng lực của người cung cấp hoặc các bên liên quan, đặc biệt là thông qua nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, đào tạo, liên quan đến việc bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen.
- 2.5** Thỏa thuận chia sẻ lợi ích được thực hiện một cách nghiêm túc, tôn trọng các điều khoản và sự hiểu biết về thỏa thuận thông báo trước đối với việc sử dụng các nguồn gen được thu thập, và tôn trọng các điều khoản và điều kiện đã đàm phán và thỏa thuận giữa các bên.

Lưu ý: Điều 5(4) của Nghị định thư dự đoán sẽ có rất nhiều lợi ích tiềm năng. Những lợi ích tiềm năng này, bao gồm cả lợi ích tiền tệ và phi tiền tệ, được liệt kê trong phần Phụ lục của Nghị định thư và không giới hạn trong danh sách này. Danh sách tương tự bao gồm những lợi ích tiềm năng cũng có thể được tìm thấy trong Hướng dẫn Bonn.

TIÊU CHUẨN 3.0: TUÂN THỦ

Tuân thủ nghĩa là thực hiện những yêu cầu và nghĩa vụ theo luật pháp, biện pháp hành chính và chính sách ABS quốc gia về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích đối với nguồn gen và tri thức truyền thống gắn với nguồn gen của nước cung cấp. Tương tự như vậy, tuân thủ có nghĩa là thực hiện các yêu cầu luật pháp, biện pháp hành chính và chính sách ABS quốc gia về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích đối với nguồn gen và tri thức truyền thống gắn với nguồn gen của nước sử dụng nguồn gen. Trong cả hai trường hợp, tuân thủ cũng có nghĩa là thực hiện các yêu cầu và nghĩa vụ quy định trong MAT.

- 3.1** Tại các quốc gia nơi nguồn gen được sử dụng (hoặc chuyển đến), người sử dụng nguồn gen cần công bố với người cung cấp và các tổ chức chính phủ liên quan về khung pháp lý hiện hành ở những quốc gia đó. Thông tin cần công bố bao gồm các biện pháp hiện hành về hỗ trợ tuân thủ luật pháp hoặc các biện pháp quốc gia về ABS của nước cung cấp, thông tin về cơ chế hợp tác hiện hành trong các trường hợp vi phạm tuân thủ; các phương án tiếp cận công lý tại nước cung cấp và khả năng thừa nhận các quyết định của trọng tài quốc tế và những thông tin khác. (Trong khi không được yêu cầu rõ ràng trong Nghị định thư, việc công bố thông tin giúp xây dựng lòng tin và hỗ trợ các chính phủ thực thi các quy định về tuân thủ và giám sát của Nghị định thư).
- 3.2** Người sử dụng và cung cấp nguồn gen cần có những phản ứng kịp thời và bằng văn bản đối với bất kỳ cáo buộc phi phạm tuân thủ pháp luật hoặc các biện pháp quốc gia về ABS cũng như vi phạm MATs và PIC. Nếu xảy ra vi phạm, người sử dụng và cung cấp cần nỗ lực khắc phục và giải quyết.
- 3.3** Mọi thông tin về PIC, MATs, sự tuân thủ luật pháp quốc gia, và việc sử dụng nguồn gen và tri thức truyền thống gắn liền với nguồn gen, được công bố cho các cơ quan kiểm soát hiện hành phù hợp tại quốc gia cung cấp hoặc sử dụng. Bất kỳ chứng nhận quốc tế về tuân thủ cần được tiết lộ. Trong trường hợp không có cơ quan kiểm soát chính thức, người sử dụng có trách nhiệm thông báo những thông tin về cơ quan chuyên trách về phê duyệt quy định, quyền sở hữu trí tuệ, các ấn phẩm, nghiên cứu và tài trợ khác - ở mức độ khả thi và cụ thể theo từng trường hợp.
- 3.4** Cơ chế giám sát quốc gia về việc sử dụng các nguồn gen và kiến thức truyền thống gắn liền với nguồn gen được người sử dụng tuân thủ nhằm hỗ trợ tuân thủ và nâng cao tính minh bạch, bao gồm thông qua Cơ chế chia sẻ thông tin về ABS và chứng nhận quốc tế về sự tuân thủ nếu có thể.
- 3.5** Người sử dụng báo cáo thực trạng tuân thủ pháp luật hoặc các biện pháp quốc gia về ABS tại các quốc gia nguồn gen được tiếp cận cho sử dụng theo yêu cầu của các quốc gia đó. Báo cáo bao gồm bất kỳ thông tin không bí mật về bất kỳ chuyển giao nguồn gen đến bên thứ ba, và thông tin về nơi nguồn gen được lưu giữ.

TIÊU CHUẨN 4.0: TRI THỨC TRUYỀN THỐNG GẮN VỚI NGUỒN GEN

(nếu tiếp cận bao gồm việc sử dụng các tri thức truyền thống gắn với nguồn gen và có sự tham gia của cộng đồng địa phương hoặc bản địa)

Kiến thức truyền thống, đổi mới, và thực hành là nội dung kiến thức thu được từ hoạt động trí tuệ trong bối cảnh truyền thống và bao gồm các kiến thức, kỹ năng, đổi mới, thực hành và học tập mà là một phần của hệ thống kiến thức truyền thống, kiến thức và lối sống truyền thống của các cộng đồng bản địa và địa phương, hoặc có trong hệ thống kiến thức được hệ thống hóa thông qua giữa các thế hệ.

Công tác bảo tồn tri thức truyền thống khác nhau giữa các quốc gia tùy thuộc luật pháp, chính sách và hoạt động thực tiễn ở từng quốc gia, do đó cần tham vấn các cơ quan quốc gia thẩm quyền khi áp dụng tiêu chuẩn này.

- 4.1** Người sưu tầm và những người sử dụng khác cần tôn trọng tính nguyên vẹn của tri thức truyền thống gắn với nguồn gen được tiếp cận. Việc sưu tầm và sử dụng tri thức truyền thống cần đảm bảo không gây hại đến sự nguyên vẹn, tính chất và giá trị cũng như làm mai một tri thức truyền thống, đồng thời không đe dọa đến quyền của người nắm giữ tri thức truyền thống đó.
- 4.2** Cần có những nỗ lực hợp lý và công bằng để bảo tồn, tôn trọng và duy trì tri thức truyền thống gắn với nguồn gen nếu tri thức truyền thống đó được tiếp cận nguồn gen và sử dụng.
- 4.3** Sẽ có sự bồi thường và chia sẻ lợi ích hợp lý cùng thừa nhận của cộng đồng khi tri thức truyền thống gắn với nguồn gen được tiếp cận và sử dụng.
- 4.4** Luật lệ, phương thức và phong tục của cộng đồng quy định về tiếp cận các nguồn gen và tri thức truyền thống gắn với nguồn gen do cộng đồng bản địa và địa phương xây dựng nên được công nhận, tôn trọng, và tuân theo. Ở mức độ nhất định, có thể hỗ trợ sự phát triển của những giao ước cộng đồng.
- 4.5** Khi đàm phán các điều khoản MAT, cần xem xét tham khảo nội dung các điều khoản trong các hợp đồng mẫu hiện có về tiếp cận và chia sẻ lợi ích phát sinh từ sử dụng tri thức truyền thống gắn với nguồn gen hoặc sử dụng nguồn gen.

Các tiêu chuẩn bổ sung

TIÊU CHUẨN 5.0: BẢO TỒN VÀ SỬ DỤNG BỀN VỮNG

(trong trường hợp tiếp cận su tầm tự nhiên hoặc các nguồn gen hoang dã tại chỗ)

Hoạt động bảo tồn và sử dụng bền vững bảo đảm, hoặc góp phần vào bảo tồn sự đa dạng sinh học và các thành phần của đa dạng sinh học đối với nguồn gen và các nguồn sinh hóa khác được tiếp cận.

- 5.1** Việc thu thập và/hoặc thu hoạch các nguồn gen hoang dã được thực hiện một cách thận trọng, với quy mô và tốc độ và phương thức không vượt quá sản lượng bền vững và không làm giảm cấu trúc, chức năng và dịch vụ hệ sinh thái.
- 5.2** Thuần hoá và canh tác/nuôi trồng các nguồn tài nguyên di truyền được thực hiện với phương thức không gây nguy hiểm cho sự biến đổi di truyền hay tính đa dạng của quần thể gen.
- 5.3** Không thực hiện su tầm các loài được liệt kê trong Phụ lục 1 của Công ước quốc tế về buôn bán các loại động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) và các loài đánh giá bị đe dọa toàn cầu hoặc tại địa phương theo Sách đỏ IUCN hoặc các cách phân loại tương đương ngoại trừ trường hợp thu thập nhằm mục đích nghiên cứu bảo tồn loài. Không thực hiện su tầm trong các khu bảo tồn đã được thành lập và cấm hoạt động su tầm.
- 5.4** Kiến thức về đa dạng sinh học có được từ tiếp cận nguồn gen được chia sẻ nhằm hỗ trợ và củng cố quản lý bảo tồn.

TIÊU CHUẨN 6.0: CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ VÀ TRI THỨC

Công nghệ bao gồm cả công nghệ “cứng” và “mềm”. Công nghệ cứng bao gồm máy móc và các phần cứng khác được chuyển giao, công nghệ phần mềm là thông tin công nghệ hoặc bí quyết.

Công nghệ mềm thường được chuyển giao cùng với sự hợp tác khoa học và công nghệ dài hạn bao gồm cả nghiên cứu và sang chế chung chuyển từ ý tưởng phát minh ra các sản phẩm, quy trình, và dịch vụ mới.

- 6.1** Việc đàm phán các điều khoản MAT và các quy định về chia sẻ nguồn gen tạo điều kiện cho người sử dụng tiếp cận và chuyển giao công nghệ, do đó sự phát triển và củng cố năng lực cho người cung cấp nguồn gen, tăng giá trị của nguồn gen và tri thức truyền thống gắn với nguồn gen.
- 6.2** Việc đàm phán và thực hiện MAT đem lại lợi ích và hỗ trợ xây dựng và phát triển cơ sở tri thức kỹ thuật và công nghệ cho người người cung cấp.
- 6.3** Những quy định về chuyển giao công nghệ xem xét đến nhu cầu, những ưu tiên và tự đánh giá về năng lực của người cung cấp và sự cần thiết của hạ tầng công nghệ cũng như những nhu cầu khác đảm bảo chuyển giao công nghệ một cách bền vững.
- 6.4** Việc chuyển giao công nghệ được thực hiện một cách minh bạch, dựa trên nhu cầu, xem xét đến những điều kiện, nhu cầu khác nhau và năng lực của từng đối tượng liên quan, cũng như loại và tính chất khác nhau của nguồn gen hay tri thức truyền thống gắn với nguồn gen được sử dụng.

3

HƯỚNG DẪN DÀNH CHO CÁC CHÍNH PHỦ VỀ NGHỊ ĐỊNH THƯ NAGOYA

Chương này hướng dẫn các chính phủ trong việc xem xét nghĩa vụ và cơ hội của từng quốc gia theo quy định của Nghị định thư Nagoya. Chương này được chia thành hai phần.

Phần đầu tiên tóm lược các tác động đối với việc thực hiện Nghị định thư của từng quốc gia bao gồm những thông tin cần thiết để giải quyết các vấn đề và các nghĩa vụ khác nhau.

Phần thứ hai cung cấp những hướng dẫn chi tiết hơn về các vấn đề chính được quy định trong Nghị định thư và điều chỉnh hướng dẫn phù hợp với từng tiêu chuẩn ABS-MT.

3.1 Lời giới thiệu

Lo ngại về điểm yếu của những quy định về tiếp cận và chia sẻ lợi ích theo Công ước Đa dạng sinh học, và Hướng dẫn Bonn năm 2002, phát sinh chủ yếu do chưa có các biện pháp đảm bảo các nước sử dụng tuân thủ các điều khoản và yêu cầu của nước cung cấp để tiếp cận và việc sử dụng nguồn gen. Đây là một động lực quan trọng cho việc hình thành của Nghị định thư Nagoya. Do đó, hiện tại Nghị định thư đã có sự cân bằng giữa nghĩa vụ của người cung cấp và nghĩa vụ của người sử dụng nguồn gen và người sử dụng tri thức truyền thống gắn với nguồn gen. Nghị định thư cũng có những quy định về nghĩa vụ của mỗi quốc gia về tiếp cận và chia sẻ lợi ích. Nghị định thư tiếp tục liên kết những nghĩa vụ chung của người sử dụng và người cung cấp thông qua những chứng nhận quốc tế về tuân thủ. Tất cả các nước cần phải ý thức được rằng nghĩa vụ tuân thủ của Nghị định thư áp dụng đối với tất cả các nước đã phê chuẩn Nghị định: dù là quốc gia phát triển hay đang phát triển, và dù một quốc gia đó là người sử dụng hay người cung cấp nguồn gen.

3.2 Hướng dẫn dành cho các chính phủ

1.0: TIẾP CẬN

A. Thỏa thuận thông báo trước (PIC)

Theo Nghị định thư, những thủ tục quy trình do chính phủ đề ra yêu cầu PIC có thể là các biện pháp hành pháp, hành chính hoặc chính sách.

Những biện pháp này phải:

- Cung cấp thông tin về cách thức và đối tượng áp dụng (cơ quan nhà nước có thẩm quyền được chỉ định);
- Công bằng và áp dụng các quy tắc và thủ tục không độc đoán;
- Đặt ra các tiêu chí phê duyệt PIC và cho phép sự tham gia của các cộng đồng bản địa và địa phương, nếu có thể;
- Cung cấp sự chắc chắn, rõ ràng và minh bạch pháp lý;
- Cung cấp bản sao các giấy phép cho phép tiếp cận Cổng thông tin ABS quốc tế¹⁸.

B. Điều khoản đồng thuận giữa các bên (MAT)

Theo pháp luật và các quy định trong nước, những thủ tục về tiếp cận do chính phủ đề ra cũng áp dụng cho việc hình thành các điều khoản đồng thuận giữa các bên, đàm phán theo quy định và quy trình rõ ràng và ghi rõ trong văn bản.

Những thủ tục này có thể bao gồm:

- Thống nhất pháp luật áp dụng, theo đó hiểu và quản lý thỏa thuận¹⁹;
- Điều khoản giải quyết tranh chấp, bao gồm các lựa chọn để giải quyết tranh chấp thay thế²⁰;
- Phạm vi pháp lý tiến hành quá trình giải quyết tranh chấp²¹;
- Các điều khoản chia sẻ lợi ích bao gồm quyền sở hữu trí tuệ;
- Đảm bảo PIC hay sự phê chuẩn của cộng đồng bản địa và địa phương²² phải dựa trên các điều khoản đồng thuận giữa các bên và phù hợp với luật pháp của từng quốc gia;
- Các điều khoản áp dụng việc sử dụng thông qua bên thứ ba²³;
- Các điều khoản áp dụng cho những thay đổi trong mục đích sử dụng²⁴.

¹⁸ Xem Điều 6 Nghị định thư Nagoya.

¹⁹ Xem điều 18(1)(b)

²⁰ Xem điều 18(1)(b)

²¹ Xem điều 18(1)(b).

²² Xem điều 7 và 5(2) Nghị định thư Nagoya.

²³ Xem điều 6 Nghị định thư Nagoya.

²⁴ Xem điều 6 Nghị định thư Nagoya.

Mọi chính phủ đều có trách nhiệm chung là khuyến khích việc xây dựng các điều khoản mẫu trong MATs và sử dụng các điều khoản đó cùng với các quy tắc ứng xử, hướng dẫn và thực và/hoặc tiêu chuẩn tốt nhất về ABS.

Các chính phủ cũng có trách nhiệm khuyến khích việc sử dụng các quy định về giải quyết tranh chấp trong MAT. Trách nhiệm này là một phần nghĩa vụ của các chính phủ phải tạo điều kiện cho các bên tham gia tiếp cận hệ thống pháp lý khi giải quyết tranh chấp về MAT và để giải quyết các vấn đề về công nhận bản án nước ngoài và tiếp cận pháp luật.

C. Đầu mối quốc gia và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (NFP và CNA)

Tất cả các chính phủ phải thiết lập đầu mối quốc gia và cung cấp thông tin về các chính sách ABS, các điều khoản tiếp cận, và cơ quan liên lạc với Ban thư ký CBD. Các chính phủ phải thiết lập các cơ quan nhà nước có thẩm quyền (CNA) về ABS chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về các yêu cầu để đạt được PIC và MAT và yêu cầu để cấp phép tiếp cận, hoặc cung cấp giấy tờ chứng minh đã đáp ứng các yêu cầu tiếp cận.

Chính phủ phải quyết định có yêu cầu sự thỏa thuận thông báo trước (PIC) cho tiếp cận và sử dụng nguồn gen và tri thức truyền thống gắn với nguồn gen hay không. Nếu yêu cầu PIC, các chính phủ phải xây dựng các biện pháp áp dụng cho PIC và việc hình thành MAT do cơ quan nhà nước có thẩm quyền (CNA) quản lý bao gồm cả CNA của các cộng đồng bản địa và địa phương tại đó để sử dụng tri thức truyền thống gắn với nguồn gen cần có PIC và MAT...

Hệ thống quản lý về ABS cần tạo được sự chắc chắn về mặt pháp lý thông qua những quy định minh bạch và công bằng kèm theo các tiêu chí cụ thể đối với việc cấp phép bởi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và việc thiết lập các thỏa thuận MAT. Giấy phép tiếp cận (hoặc tương đương) được cấp bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần được cung cấp cho Cổng thông tin về ABS của CBD giúp thiết lập những chứng nhận về sự tuân thủ được quốc tế công nhận.

Bên cạnh đó, các chính phủ cần tạo điều kiện hỗ trợ các nghiên cứu phục vụ cho mục đích bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học bao gồm cả việc đơn giản thủ tục tiếp cận nguồn gen đối với mục đích phi thương mại.

Chính phủ cũng cần có sự quan tâm thích đáng đến tốc độ tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích trong bối cảnh sức khỏe con người, hay tình trạng động thực vật đang bị đe dọa. Các chính phủ cũng cần phải chú ý đến tầm quan trọng của nguồn gen đối với vấn đề an toàn thực phẩm, nông nghiệp và an ninh lương thực.

Các chính phủ phải có những nỗ lực hợp tác cùng nhau khi cùng chia sẻ nguồn gen và tri thức truyền thống gắn với nguồn gen qua biên giới giữa các quốc gia, trong quá trình thực hiện Nghị định thư.

D. Nghĩa vụ phát sinh từ sử dụng nguồn gen

Nếu người sử dụng nguồn gen mong muốn thực hiện nghiên cứu và phát triển nguồn gen cho những mục đích sử dụng không được quy định trong các điều khoản thuộc PIC hoặc MAT đã được cấp, người sử dụng cần phải tìm sự cho phép của các người cung cấp các nguồn gen liên quan. Theo pháp luật của nước cung cấp và của quốc gia sử dụng nguồn gen, nếu người sử dụng không tuân thủ quy định này có thể sẽ chịu hình phạt dân sự hoặc hình sự và, trong một số trường hợp, việc người sử dụng không tuân thủ quy định này có thể ảnh hưởng đến hiệu lực hoặc việc sử dụng những tài sản trí tuệ đã được tạo ra.

Tương tự như vậy, khi nguồn gen đã được cấp phép tiếp cận thông qua các biện pháp gián tiếp cho mục đích sử dụng phi thương mại, nếu có bất kỳ thay đổi về mục đích sử dụng khác với mục đích đã được phê duyệt, người sử dụng phải có được sự chấp thuận mới từ người cung cấp cho những thay đổi đó.

Điều này có thể yêu cầu hình thành MAT.

2.0: CHIA SẺ LỢI ÍCH

Tất cả các chính phủ phải thực hiện những hoạt động khác nhau và sử dụng nhiều biện pháp khác nhau để đảm bảo rằng lợi ích phát sinh từ việc sử dụng nguồn gen và bất kỳ tri thức truyền thống gắn với nguồn gen được chia sẻ thông qua MAT một cách công bằng và bình đẳng với các quốc gia cung cấp; và với các cộng đồng bản địa và địa phương nắm giữ kiến thức truyền thống. Các chính phủ nên khuyến khích việc sử dụng những lợi ích có được từ sử dụng nguồn gen cho việc bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học.

Nghị định thư tại Điều 5(4) liệt kê các lợi ích có thể có được từ sử dụng nguồn gen. Những lợi ích được liệt kê, bao gồm cả lợi ích tiền tệ và phi tiền tệ được quy định trong các Phụ lục của Nghị định thư Nagoya và không giới hạn trong danh sách đó. Tính đến hiện tại, nhiều kinh nghiệm chỉ ra rằng có nhiều lợi ích phi tài chính có thể hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật và xây dựng năng lực.

Những đàm phán về chia sẻ lợi ích có thể bao gồm việc tạo ra các tài sản trí tuệ (IP), quyền sở hữu những tài sản trí tuệ đó, việc cấp phép sử dụng độc quyền hay không độc quyền, sự phân bổ những lợi ích thu nhập, hoặc những lợi ích khác do IP tạo ra và bất kỳ giấy phép liên quan khác được cấp. Thông thường, người sử dụng sở hữu IP mà họ tạo ra, nhưng trong một số trường hợp, có thể phù hợp các bên tham gia thỏa thuận chia sẻ quyền sở hữu. Chủ sở hữu IP cũng có thể đồng ý cấp giấy phép cho một bên sử dụng khác như một phần của thỏa thuận về chia sẻ lợi ích.

3.0: TUÂN THỦ

A. Các biện pháp tuân thủ

Tuân thủ nghĩa là thực hiện những yêu cầu và nghĩa vụ theo luật pháp, biện pháp hành chính và chính sách ABS quốc gia về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích đối với nguồn gen và tri thức truyền thống gắn với nguồn gen của nước cung cấp. Tương tự như vậy, tuân thủ có nghĩa là thực hiện các yêu cầu luật pháp, biện pháp hành chính và chính sách ABS quốc gia về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích đối với nguồn gen và tri thức truyền thống gắn với nguồn gen của nước sử dụng nguồn gen. Trong cả hai trường hợp, tuân thủ cũng có nghĩa là thực hiện các yêu cầu và nghĩa vụ quy định trong MAT.

Nghị định thư hình thành sự tuân thủ và nghĩa vụ giám sát đối với tất cả các quốc gia tại khu vực nguồn gen được sử dụng, cùng với các biện pháp hỗ trợ tính hiệu quả của các điều khoản đồng thuận giữa các bên bao gồm, cơ hội tiếp cận luật pháp trong trường hợp tranh chấp, tiếp cận công lý, và sự thừa nhận chung đối với các phán quyết quốc tế.

Việc tuân thủ các yêu cầu về ABS trong Nghị định thư Nagoya trong thực tế, được đề cập ở hai cấp độ khác nhau: phù hợp với MAT (của một hợp đồng), và thứ hai, phù hợp với luật pháp hay các biện pháp chính sách và hành chính quốc gia về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích.

Hơn nữa, những yêu cầu về giám sát việc sử dụng nguồn gen được quy định trong Nghị định thư để hỗ trợ tuân thủ và nâng cao tính minh bạch về sử dụng nguồn gen. Nghị định thư quy định hầu hết các quốc gia phải có nghĩa vụ giám sát việc dụng nguồn gen trong phạm vi quyền lực của các quốc gia đó (pháp luật, các biện pháp chính sách hay hành chính) và thông qua hoạt động liên lạc với Cổng thông tin ABS. Tuân thủ pháp luật và các biện pháp quốc gia ABS là một nghĩa vụ xuyên suốt trong tất cả các tiêu chuẩn liên quan của Công cụ Quản lý. Những tiêu chuẩn này được áp dụng cho cả người sử dụng và cung cấp tri thức truyền thống gắn với nguồn gen.

Các bên tham gia Nghị định thư có nghĩa vụ chung phải có những hành động hỗ trợ người cung cấp và sử dụng nguồn gen tuân thủ các yêu cầu về ABS²⁵. Cùng với nghĩa vụ này, các chính phủ cũng cần thành lập một hoặc nhiều trạm kiểm soát để giám sát và tăng cường tính minh bạch trong việc sử dụng nguồn gen²⁶.

Hỗ trợ tuân thủ là tăng cường phát triển và áp dụng các quy tắc ứng xử, hướng dẫn và tiêu chuẩn thực hành tốt nhất. Các bên tham gia Nghị định thư được yêu cầu cần khuyến khích sự hỗ trợ tuân thủ hay sự phát triển của các quy tắc, hướng dẫn và tiêu chuẩn đó. Các quy định của Nghị định thư quy định nghĩa vụ của Hội nghị các Bên tham gia Nghị định thư và yêu cầu Hội Nghị xem xét việc áp dụng các quy tắc ứng xử, hướng dẫn và thực hành và/hoặc tiêu chuẩn tốt nhất. Những chúng nhận tuân thủ có vai trò quan trọng đối với những quy chuẩn này.

²⁵ Điều 5, 16, và 18 Nghị định thư Nagoya.

²⁶ Điều 17(1) Nghị định thư Nagoya.

Lưu ý: Căn cứ Điều 30, các Bên tham gia Nghị định thư sẽ (tại cuộc họp đầu tiên), xem xét và phê duyệt các cơ chế để thúc đẩy sự tuân thủ và giải quyết các trường hợp không tuân thủ và mọi cơ chế cũng sẽ bao gồm các quy định về cung cấp tư vấn hoặc hỗ trợ.

B. Chứng nhận quốc tế về tuân thủ

Những chứng nhận về tuân thủ được quốc tế công nhận có vai trò là bằng chứng chứng minh rằng nguồn gen được đề cập đến trong chứng nhận đã được tiếp cận phù hợp với PIC trên cơ sở hình thành các điều khoản đồng thuận chung MAT, tuân thủ những yêu cầu về hành chính, chính sách hay lập pháp tiếp cận và chia sẻ lợi ích của quốc gia cung cấp nguồn gen.

Việc cấp Giấy chứng nhận quốc tế về tuân thủ²⁷ theo Nghị định thư Nagoya là cơ chế chính để giám sát việc sử dụng đã được cấp phép các nguồn gen.

Các quốc gia chịu trách nhiệm điều tiết việc tiếp cận nguồn gen có nghĩa vụ báo cáo về việc cấp phép tiếp cận nguồn gen (hoặc các giấy tờ pháp lý tương đương) đến Cổng thông tin về ABS do Ban thư ký CBD điều hành, tại đây những giấy phép đó trở thành chứng nhận quốc tế về tuân thủ. Công cụ pháp lý này cũng có thể được áp dụng khi tri thức truyền thống gắn với nguồn gen được sử dụng. Tuy nhiên, Nghị định thư không yêu cầu một chứng chỉ cho việc sử dụng tri thức truyền thống.

Việc hình thành Chứng nhận tuân thủ là công cụ hỗ trợ yêu cầu thẩm định. Theo đó, những chứng nhận tuân thủ thể hiện sự đáng tin cậy của các cơ quan quốc gia có thẩm quyền của quốc gia cung cấp nguồn gen, và của các quốc gia sử dụng chứng nhận, và của người sử dụng nguồn gen cho cả mục đích phi thương mại và thương mại.

²⁷ Điều 17 Nghị định thư Nagoya.

4.0: TRI THỨC TRUYỀN THỐNG GẮN VỚI NGUỒN GEN

Nghị định thư kêu gọi các nước có biện pháp, phù hợp với pháp luật trong nước, nhằm đảm bảo tri thức truyền thống (TK) gắn với nguồn gen do các cộng đồng bản địa và địa phương nắm giữ được truy cập với sự thỏa thuận thông báo trước PIC hoặc có sự phê duyệt trước và có tham gia của cộng đồng bản địa và địa phương và đảm bảo rằng đã thống nhất các điều khoản đồng thuận giữa các bên. Nghị định thư cũng quy định các nước thành viên phải có nghĩa vụ thiết lập các cơ chế thông báo cho người sử dụng tri thức truyền thống gắn với nguồn gen tiềm năng về trách nhiệm của họ và nghĩa vụ xây dựng các cơ chế xem xét và hỗ trợ luật tục và giao thức.

Các thủ tục do chính phủ xây dựng (phù hợp với pháp luật trong nước) cũng bao gồm:

- Các biện pháp đảm bảo rằng lợi ích phát sinh từ việc sử dụng nguồn gen mà cộng đồng bản địa và địa phương nắm giữ được chia sẻ một cách công bằng và hợp lý với các cộng đồng có liên quan, dựa trên những điều khoản đồng thuận giữa các bên, phù hợp với quyền lợi của cộng đồng đối với nguồn gen mà họ nắm giữ.
- Các biện pháp đảm bảo lợi ích từ việc sử dụng tri thức truyền thống gắn với nguồn gen được chia sẻ một cách công bằng và hợp lý dựa trên MAT.
- Các biện pháp đảm bảo rằng tri thức truyền thống gắn với nguồn gen được tiếp cận với PIC hoặc được phê duyệt và có sự tham gia của cộng đồng bản địa và địa phương và đảm bảo MAT được thiết lập.
- Các biện pháp với mục đích đảm bảo đạt được PIC hoặc sự phê duyệt và có sự tham gia của các cộng đồng bản địa và địa phương để tiếp cận các nguồn gen mà cộng đồng địa phương và bản địa có quyền cấp phép tiếp cận.
- Quan tâm đến luật lệ, phong tục và các thủ tục cộng đồng liên quan đến tri thức truyền thống của cộng đồng bản địa và địa phương.
- Thông báo cho người sử dụng tri thức truyền thống về nghĩa vụ của người sử dụng nguồn gen, với sự tham vấn và tham gia của các cộng đồng bản địa và địa phương.
- Hỗ trợ sự phát triển của
 - ▶ Các hương ước cộng đồng;
 - ▶ Các yêu cầu tối thiểu đối với MAT;
 - ▶ Các điều khoản hợp đồng mẫu;
- Tránh hạn chế tối đa việc sử dụng và trao đổi nguồn gen ²⁸.

²⁸ Xem điều 12 Nghị định thư Nagoya.

Cùng với hướng dẫn này, **Phụ lục A** bao gồm một bảng trình bày các quy định có liên quan hầu hết các Nghị định thư Nagoya, một lời giải thích ngắn gọn về áp dụng đối với việc thực hiện quốc gia bao gồm cả thông tin cần thiết để giải quyết các vấn đề khác nhau/nghĩa vụ và nguyên tắc pháp luật phát triển bền vững có thể được sử dụng như một hướng dẫn trong quá trình soạn thảo hệ thống ABS quốc gia^{29,30}.

²⁹ Xem Cabrera Medaglia Jorge et al, Xây dựng Luật tầm nhìn đa dạng sinh học; CISDL và WFC, Montreal, 2011.

³⁰ IUCN đã xây dựng Hướng dẫn và giải thích cho Nghị định thư Nagoya về ABS. Văn bản này giải thích khách quan các điều khoản trong Nghị định thư Nagoya và được đăng trên website của IUCN.

Phần này đưa ra những định hướng cơ bản hỗ trợ người sử dụng ABS-MT thực hiện quy trình quản lý trên thực tế, hoặc giúp người sử dụng cải thiện hệ thống quản lý hiện tại để thực hiện các hoạt động ABS.

4.1 Lồng ghép với Hệ thống quản lý

Mọi tổ chức đều có một số quy trình hoặc các hệ thống “quản lý” riêng, dù là chính thức hay chỉ đơn giản dựa trên các thực hành truyền thống hoặc thường được sử dụng. ABS-MT được thiết kế giúp các tổ chức ở mọi hình thức hiểu rõ và cải thiện các thực hành riêng mà tổ chức đó đang thực hiện để tuân thủ Công ước đa dạng sinh học và thực hiện các yêu cầu của Nghị định thư Nagoya về ABS đối với việc tiếp cận - hoặc cấp phép tiếp cận - nguồn gen.

Các tổ chức như các doanh nghiệp vừa và nhỏ hoặc các tổ chức nghiên cứu có thể sử dụng ABS-MT để giúp thiết lập các mục tiêu riêng của họ nội bộ hoặc các tiêu chuẩn và thủ tục theo yêu cầu khi truy cập vào các nguồn tài nguyên di truyền, thu thập tài nguyên như vậy một lần PIC đã được đưa ra, đàm phán và cung cấp chia sẻ lợi ích, sử dụng các tiêu chuẩn được trình bày trong Phần I, Mục 2. ABS-MT cũng có thể giúp các tổ chức người sử dụng thực hiện các hoạt động đúng để giúp đảm bảo rằng tri thức truyền thống được tôn trọng và thừa nhận một cách thích hợp, và việc sử dụng và bảo tồn bền vững các nguồn tài nguyên di truyền được duy trì.

Tổ chức lớn hơn có thể sử dụng cẩm nang ABS-MT để lồng ghép các Tiêu chuẩn thực hành tốt nhất (từ Phần 1, Phần 2) vào các hệ thống quản lý hiện tại và để củng cố các quy trình, thủ tục bằng cách áp dụng Hướng dẫn Thực hành tốt (từ Phần 1 Chương II dưới đây) và tuân thủ Quy trình quản lý dưới đây.

4.2 Sự tham gia của Cộng đồng địa phương và bản địa

Mối quan hệ ABS thành công được xây dựng trên sự tin tưởng. Một yếu tố thiết yếu trong việc xây dựng và duy trì niềm tin - và tránh những kết quả tiêu cực như thất bại trong việc thỏa thuận về tiếp cận, hoặc xảy ra cướp đoạt sinh học biopiracy - là cần cung cấp một cách đầy đủ các quy trình, thủ tục để sự tham gia của các cộng đồng bản địa và địa phương là người nắm giữ, chủ sở hữu, người quản lý, hoặc người chăm sóc nguồn gen (và tri thức truyền thống gắn với nguồn gen) có thể tác động đến quá trình đàm phán ABS. Một yếu tố quan trọng khi cộng đồng bản địa và địa phương tham gia các hoạt động ABS - cho dù sự tham gia xuất phát từ chính mong muốn của cộng đồng hoặc từ đối tượng bên ngoài muốn tiếp cận nguồn gen - là cung cấp đủ thời gian cho tham vấn, tham gia, và xây dựng năng lực.

Yêu cầu và thực tiễn tại mỗi quốc gia không giống nhau tùy thuộc luật pháp mỗi nước, nên cần phải tham vấn với các cơ quan có thẩm quyền quốc gia khi muốn có sự tham gia của cộng đồng địa phương và bản địa. Những cơ quan có thẩm quyền có thể là các cơ quan nhà nước hoặc cơ quan được sự ủy thác của các cộng đồng địa phương và bản địa - tùy thuộc vào luật ABS cũng như các thủ tục hành chính của địa phương.

Những quy trình thủ tục được đề xuất để đảm bảo sự tham gia đầy đủ và thích hợp của các cộng đồng bản địa và địa phương trong hoạt động ABS bao gồm:

- Duy trì liên lạc và đối thoại hiệu quả với cộng đồng bản địa và địa phương và các bên liên quan, bao gồm cả sự tham gia của cộng đồng trong việc đạt được PIC và đàm phán lợi ích;
- Đáp ứng những quan tâm và lợi ích cụ thể của các bên liên quan, bao gồm cả cộng đồng địa phương và người dân bản địa, thông qua việc trao đổi thông tin và những cam kết từ đó có phương án giải quyết những lo ngại của cộng đồng hoặc giải thích rõ vì sao chính phủ chưa có hành động giải quyết những lo ngại đó.
- Tăng cường sự tham gia của cộng đồng bản địa và địa phương là người nắm giữ, chủ sở hữu, người quản lý hoặc chăm sóc nguồn gen vào quá trình ra quyết định về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích thu phát sinh từ thu thập và sử dụng nguồn gen.

Bước quản lý có thể có thể được thực hiện bao gồm:

- Ngay từ đầu, làm rõ, bằng văn bản, vai trò, quyền và trách nhiệm của người sử dụng (các tổ chức thu thập, các cá nhân nghiên cứu, tổ chức tài trợ, các tổ chức thương mại, và các cơ quan chính phủ) và người cung cấp nguồn gen (chính phủ và các bên liên quan quan tâm bao gồm các cộng đồng địa phương và bản địa);
- Tham vấn với các bên liên quan khác có thể (trực tiếp hoặc gián tiếp) bị ảnh hưởng bởi bộ sưu tập nguồn gen;
- Làm việc với các chính phủ để cung cấp cho cộng đồng bản địa và địa phương là người cung cấp nguồn gen tiềm năng phương tiện và sự tiếp cận kiến thức chuyên môn và cung cấp năng lực pháp lý và khoa học hay tư vấn giúp các cộng đồng này trong những quyết định về tiếp cận và đàm phán thỏa thuận ABS;
- Tư liệu hóa quá trình tham vấn và tham gia của cộng đồng địa phương và người dân bản địa khi tìm cách tiếp cận với PIC trong đàm phán MAT và trong việc thực hiện các thỏa thuận chia sẻ lợi ích.

4.3 Báo cáo

Việc báo cáo giữa các bên tham gia thỏa thuận ABS, và/hoặc báo cáo công khai khi thích hợp, tăng tính minh bạch và xây dựng sự tin tưởng trong các hoạt động ABS. Khi hợp đồng ABS bao gồm những yêu cầu về báo cáo và những mốc quan trọng cần báo cáo, các bên tham gia hợp đồng có thể giám sát việc tiếp cận và sử dụng nguồn gen. Công bố các giao dịch liên quan đến nguồn gen tới Cổng thông tin về ABS là một bước quan trọng trong báo cáo. Các bên tham gia và người sử dụng nguồn gen có thể xem xét đến lợi ích có thể nhận được khi cập nhật thông tin tại Cổng thông tin ABS khi đã thỏa thuận được những điểm quan trọng của MAT hoặc khi đã đáp ứng được những điều kiện PIC, ví dụ, việc xác định phân loại các loài sinh vật đã thu thập được.

Báo cáo công khai tự nguyện việc thực hiện các hoạt động về nguồn gen của người sử dụng, là các tổ chức nghiên cứu và các công ty, thể hiện tính minh bạch của các hoạt động và giúp chia sẻ thông tin. Sự minh bạch này có thể giảm nhẹ những lo ngại của công chúng và những người tham gia về những hoạt động thực tiễn không phù hợp.

Cần bảo toàn các tài liệu phù hợp ghi lại các cuộc thảo luận, thỏa thuận đã đạt được, và các giao dịch ABS để quản lý quá trình ABS nhất quán. Tuy nhiên, những yêu cầu về tư liệu hóa nếu quá chi tiết và cụ thể, có thể gây khó khăn cho các công ty nhỏ hoặc các cộng đồng trong việc đáp ứng những yêu cầu đó.

Quy trình thích hợp đảm bảo việc tư liệu hóa và chia sẻ thông tin đầy đủ và hợp lý các bao gồm:

- Chia sẻ thông tin, bao gồm thông tin về mục đích sử dụng, một cách minh bạch giữa người cung cấp và sử dụng tiềm năng nguồn gen và chia sẻ thông tin một cách thích hợp với từng giai đoạn của quá trình đàm phán và thỏa thuận;
- Cung cấp đầy đủ thông tin để người cung cấp nguồn gen và người sử dụng dự định có thể đưa ra các đánh giá và quyết định đúng đắn trên cơ sở thông tin và tiến hành thực hiện các thỏa thuận;
- Duy trì nhu cầu bảo mật của các tổ chức thương mại liên quan và người nắm giữ các tri thức truyền thống với tinh thần minh bạch trong các mối quan hệ;
- Trong trường hợp có bao gồm tri thức truyền thống và địa phương gắn với nguồn gen Bảo vệ tri thức truyền thống và địa phương trong quá trình truy cập và không công khai tri thức đó mà không có sự đồng ý của cộng đồng địa phương hoặc bản địa.

Các bước quản lý có thể thực hiện bao gồm:

- Duy trì hồ sơ về việc thu thập và sử dụng ABS, và công khai những hồ sơ đó cho người cung cấp và sử dụng nguồn gen, và cho cơ quan quản lý nhà nước khi người cung cấp là tư nhân;
- Truyền tải rõ ràng các mục tiêu và kết quả có thể của các hoạt động thu thập, bao gồm sử dụng có mục đích các nguồn gen;

- Thiết lập các thủ tục đảm bảo tất cả các thông tin liên quan được truyền đạt rõ ràng bằng một ngôn ngữ và dễ hiểu đối với tất cả các bên liên quan và được cập nhật kịp thời;
- Giải quyết những mong muốn không thực tế;
- Đảm bảo rằng người cung cấp mẫu/vật liệu nhận thức được, và tuân thủ các điều khoản về thu thập và chia sẻ lợi ích.

Phụ lục A:

Các quy định của Nghị định thư Nagoya và việc thực hiện ở cấp độ quốc gia

PHỤ LỤC A: NGHỊ ĐỊNH THƯ NAGOYA VÀ VIỆC THỰC HIỆN Ở CẤP ĐỘ QUỐC GIA

Nghị định thư Nagoya	Hành động yêu cầu ở cấp độ quốc gia	Thông tin cơ bản hữu ích	Nguyên tắc ISDL/ Nhận xét chung
<p>Điều 1</p> <p>Mục tiêu</p>	<p>Không có hành động pháp lý cụ thể được thực hiện. Bất kỳ biện pháp pháp lý, hành chính, hoặc chính sách phải xem xét đến các mục tiêu chung của công cụ này.</p> <p>Công bằng và hợp lý chia sẻ lợi ích công bằng và hợp lý phải đưa ra những hướng dẫn về các biện pháp pháp lý, hành chính, và chính sách cần các bên tham gia thông qua trong luật pháp quốc gia của họ.</p>		<ul style="list-style-type: none"> • Công bằng • Bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên • Cần lưu ý mục tiêu ABS này có mối liên hệ rõ ràng với hai mục tiêu khác của CBD

Nghị định thư Nagoya	Hành động yêu cầu ở cấp độ quốc gia	Thông tin cơ bản hữu ích	Nguyên tắc ISDL/ Nhận xét chung
<p>Điều 2</p> <p>Sử dụng các điều khoản</p>	<p>Không có hành động cụ thể. Văn bản pháp luật thường kết hợp các định nghĩa mới: “dẫn xuất” và “sử dụng”, tương tự với trường hợp với các định nghĩa liên quan đến CBD trong luật pháp ABS (ví dụ, nguồn gen, vv).</p> <p>Định nghĩa của việc sử dụng nguồn gen là một phát minh mới. Những nỗ lực nắm bắt và giải quyết “vấn đề về các dẫn xuất.” Thiếu rõ ràng là liệu có bao gồm tất cả các dẫn xuất trong Nghị định thư hay không (ví dụ, các chất dẫn xuất được tiếp cận không đồng thời với tiếp cận nguồn gen).</p> <p>Luật pháp quốc gia có thể làm rõ cách thức hiểu rõ những vấn đề về sử dụng và dẫn xuất từ cái nhìn thực tế và mở rộng danh mục thuật ngữ. Soạn thảo luật nên xem xét đến các mục tiêu của Nghị định thư.</p>	<p>Sự liên quan và giá trị của các dẫn xuất trong bối cảnh quốc gia</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Bảo tồn và sử dụng bền vững • Quản trị tốt
<p>Điều 3</p> <p>Phạm vi</p>	<p>Không có hành động pháp lý cụ thể được thực hiện. Một số vấn đề tranh cãi phát sinh trong các cuộc đàm phán không được bao gồm một cách rõ ràng về mặt phạm vi.</p> <p>Luật pháp quốc gia có thể làm rõ hơn nội dung phạm vi bằng cách xác định một danh sách các trường hợp ngoại lệ hoặc một danh sách “tích cực” của vấn đề thuộc quy định của pháp luật.</p>		<ul style="list-style-type: none"> • Công bằng • Bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên

Nghị định thư Nagoya	Hành động yêu cầu ở cấp độ quốc gia	Thông tin cơ bản hữu ích	Nguyên tắc ISDL/ Nhận xét chung
<p>Điều 4</p> <p>Mối liên hệ với các thỏa thuận và văn bản quốc tế</p>	<p>Không có hành động pháp lý cụ thể đối với các quốc gia, ngoại trừ việc công nhận các hệ thống ABS chuyên ngành ở cấp quốc gia.</p> <p>Các hành động cấp quốc gia phải tạo ra sự thống nhất thực hiện giữa các nghĩa vụ quốc tế, đặc biệt là những nghĩa vụ liên quan đến các hệ thống ABS chuyên ngành.</p> <p>Cần sẵn sàng bổ sung những quy định mới nổi lên về ABS theo từng ngành.</p>	<p>Xác định khuôn khổ pháp lý quốc gia và quyền được xác lập cho các cộng đồng bản địa và địa phương đối với nguồn gen thuộc sở hữu của các cộng đồng đó.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên • Mối tương quan giữa những quyền lợi về kinh tế, xã hội và nhân quyền

Nghị định thư Nagoya	Hành động yêu cầu ở cấp độ quốc gia	Thông tin cơ bản hữu ích	Nguyên tắc ISDL/ Nhận xét chung
<p>Điều 5</p> <p>Chia sẻ lợi ích công bằng và hợp lý</p>	<p>Nghĩa vụ trực tiếp “áp dụng” các biện pháp (đoạn 2,3 và 4)</p> <p>Ba tình huống được đề cập ở đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chia sẻ công bằng và hợp lý lợi ích phát sinh từ việc sử dụng nguồn gen; 2. Chia sẻ công bằng và hợp lý lợi ích phát sinh từ việc sử dụng nguồn gen trong vùng đất thuộc sở hữu của cộng đồng bản địa và địa phương; 3. Chia sẻ công bằng và hợp lý lợi ích phát sinh từ việc sử dụng tri thức truyền thống gắn với nguồn gen. <p>Các quốc gia nên bắt đầu thực hiện quy định ngay cùng với các mục tiêu của Nghị định thư.</p>	<p>Xác định khuôn khổ pháp lý quốc gia và quyền được xác lập cho các cộng đồng bản địa và địa phương đối với nguồn gen thuộc sở hữu của các cộng đồng đó.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Công bằng • Bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên • Sự tham gia của công chúng và tiếp cận công lý

Nghị định thư Nagoya	Hành động yêu cầu ở cấp độ quốc gia	Thông tin cơ bản hữu ích	Nguyên tắc ISDL/ Nhận xét chung
<p>Điều 6</p> <p>Tiếp cận nguồn gen</p>	<p>Nghĩa vụ xây dựng các khuôn khổ pháp lý, hành chính, hoặc chính sách xem xét các nguyên tắc phác thảo chung trong điều 6.3. Nghĩa vụ có điều kiện trong điều kiện của Điều 6.2.</p> <p>(“theo quy định của pháp luật trong nước” và “phù hợp”).</p> <p>(“theo quy định của pháp luật trong nước” và “phù hợp”).</p> <p>Không có biện pháp pháp lý cụ thể được đưa ra, nhưng mọi biện pháp phải tuân theo các yêu cầu của điều này.</p>	<p>Phân tích các điều kiện cơ bản trong chế độ pháp lý cho việc xử lý và cấp giấy phép, bao gồm luật hợp đồng và hành chính nếu liên quan.</p> <p>Thông tin về quyền của cộng đồng bản địa và địa phương về nguồn gen thuộc sở hữu của cộng đồng đó, bao gồm bất kỳ nghĩa vụ quốc tế có liên quan.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Công bằng • Sự tham gia của cộng đồng • Quản trị tốt

Nghị định thư Nagoya	Hành động yêu cầu ở cấp độ quốc gia	Thông tin cơ bản hữu ích	Nguyên tắc ISDL/ Nhận xét chung
<p>Điều 7</p> <p>Tiếp cận tri thức truyền thống gắn với nguồn gen</p>	<p>Nghĩa vụ áp dụng hoặc thực hiện các biện pháp đủ điều kiện cho các điều khoản “theo quy định với luật pháp trong nước” và “phù hợp”.</p> <p>Khi ban hành các biện pháp quốc gia, Điều 7 và Điều 12 có thể được xem xét cùng nhau.</p> <p>Tính công bằng và sự tham gia của công chúng nên đưa ra những hướng dẫn cho mọi hành động liên quan đến việc thực hiện điều này.</p>	<p>Xác định luật pháp đang hiện hành tại từng quốc gia (và quốc tế) liên quan đến điều này.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Công bằng • Sự tham gia của công chúng • Bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên • Ngôn ngữ liên quan đến tri thức truyền thống được sử dụng có nhiều tiến bộ hơn so với ngôn ngữ sử dụng trong CBD.

Nghị định thư Nagoya	Hành động yêu cầu ở cấp độ quốc gia	Thông tin cơ bản hữu ích	Nguyên tắc ISDL/ Nhận xét chung
<p>Điều 8 Xem xét đặc biệt</p>	<p>Phối hợp các mức độ yêu cầu hành động khác nhau (sẽ):</p> <ul style="list-style-type: none"> • “Tạo” điều kiện thúc đẩy nghiên cứu, bao gồm thông qua việc đơn giản quá quy trình tiếp cận cho mục đích nghiên cứu • Xem xét trong trường hợp... • Cân nhắc • Giải quyết vấn đề thay đổi về mục đích sử dụng <p>Các biện pháp quốc gia nên được đưa vào thực tiễn từ đó thực hiện các nghĩa vụ chung, bao gồm giản hóa các thủ tục cho nghiên cứu phi thương mại, xem xét những khó khăn thực tế phân biệt giữa nghiên cứu thương mại và phi thương mại. Pháp luật so sánh đã đưa ra một vài ví dụ về những khó khăn trong phân biệt đó.</p>	<p>Xác định nhu cầu của cộng đồng nghiên cứu cơ bản quốc gia, bao gồm cả nghiên cứu phân loại.</p> <p>Sửa đổi các mô hình sử dụng nguồn gen và xác định nhu cầu sử dụng nhằm mục đích phi thương mại ở từng quốc gia.</p> <p>Xác định mối liên hệ của Hiệp ước Quốc tế về Tài nguyên di truyền thực vật trong lĩnh vực Lương thực và Nông nghiệp (ITPGRFA) đối với từng quốc gia.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Quản trị tốt • Bảo tồn tài nguyên thiên nhiên • Phương pháp phòng ngừa cho sức khỏe con người, tài nguyên thiên nhiên và hệ sinh thái.
	<p>Thực hiện các biện pháp đẩy nhanh các thủ tục và đảm bảo chia sẻ lợi ích trong trường hợp khẩn cấp quốc gia hoặc quốc tế, hoàn thành nhiệm vụ hợp tác.</p> <p>Những nghĩa vụ này cần được xem xét trong quá trình phát triển lớn hơn của các biện pháp quốc gia về ABS, bao gồm cả pháp luật.</p>	<p>Sửa đổi khung pháp lý liên quan đến các trường hợp khẩn cấp về y tế hiện tại, bao gồm cả các nghĩa vụ quốc tế.</p>	

Nghị định thư Nagoya	Hành động yêu cầu ở cấp độ quốc gia	Thông tin cơ bản hữu ích	Nguyên tắc ISDL/ Nhận xét chung
<p>Điều 9</p> <p>Góp phần bảo tồn và sử dụng bền vững</p>	<p>Nghĩa vụ “khuyến khích” người sử dụng và nhà cung cấp.</p> <p>Các biện pháp cần được thực hiện với mục đích hỗ trợ công tác bảo tồn như một mục tiêu môi trường.</p> <p>Mối liên hệ giữa công tác bảo tồn và ABS phải là mục tiêu của toàn bộ pháp luật ABS và mối liên hệ đó phải được phản ánh và lồng ghép trong các biện pháp ABS.</p>	<p>Xác định tác động tiềm năng của chia sẻ lợi ích phát sinh từ việc sử dụng đối với các hoạt động bảo tồn và cách thức phát huy những tác động đó.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên.
<p>Điều 10</p> <p>Cơ chế chia sẻ lợi ích đa phương toàn cầu</p>	<p>Các Bên tham gia có thể lần đầu tiên xem xét đến khả năng về chia sẻ lợi ích đa phương toàn cầu như một tùy chọn trong phiên họp lần thứ hai của Ủy ban Liên chính phủ về Nghị định thư Nagoya (ICNP). Hội nghị các Bên tham gia (MOP) tiến hành thực hiện những hành động chung được thống nhất lần đầu tiên.</p> <p>Nếu Nghị định thư được ứng dụng xuyên biên giới và tạm thời, khi đó chức năng của quy định này sẽ rõ ràng hơn.</p> <p>Cần xem xét đến các cơ chế đa phương hiện tại hoặc tương lai, trong trường hợp PIC không được cấp hoặc không thể đạt được để cân nhắc đưa những cơ chế này vào luật ABS.</p>		<ul style="list-style-type: none"> • Trách nhiệm chung nhưng có sự phân biệt • Công bằng • Bảo tồn tài nguyên thiên nhiên • Quản trị tốt

Nghị định thư Nagoya	Hành động yêu cầu ở cấp độ quốc gia	Thông tin cơ bản hữu ích	Nguyên tắc ISDL/ Nhận xét chung
<p>Điều 11</p> <p>Hợp tác xuyên biên giới</p>	<p>Nghĩa vụ đối với các Bên tham gia phải chia sẻ nguồn gen tri thức truyền thống gắn với nguồn gen để “thúc đẩy” hợp tác.</p> <p>Luật pháp quốc gia nên xem xét những cơ chế cụ thể để thực hiện quy định chung này, bao gồm những cơ chế được đề cập đến trong pháp luật so sánh.</p>	<p>Xác định các trường hợp có thể và tầm quan trọng của nguồn gen và tri thức truyền thống gắn với nguồn gen được chia sẻ xuyên biên giới.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Công bằng • Quản trị tốt. • Các loài được chia sẻ có thể có cấu trúc di truyền khác nhau
<p>Điều 12</p> <p>Tri thức truyền thống gắn với nguồn gen</p>	<p>Điều kiện về mặt ngôn ngữ phải “phù hợp với luật pháp trong nước”, “xem xét” (12,1).</p> <p>Nghĩa vụ xây dựng trực tiếp để (12,2).</p> <p>Nghĩa vụ “nỗ lực hỗ trợ” (12,3).</p> <p>Những biện pháp cụ thể nên được thực hiện nhằm tăng tính công bằng và sự chắc chắn về pháp luật trong đàm phán, cụ thể là bằng cách củng cố và trao quyền thông qua các cơ hội cho các dân tộc bản địa và cộng đồng địa phương cơ, và trao quyền cho họ</p>	<p>Xác định khuôn khổ pháp luật hiện hành do các ngôn ngữ có trình độ trong quy định này.</p> <p>Phân tích điều kiện áp dụng của luật tục và vai trò và giá trị của các giao thức cộng đồng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Công bằng • Sự tham gia của công chúng

Nghị định thư Nagoya	Hành động yêu cầu ở cấp độ quốc gia	Thông tin cơ bản hữu ích	Nguyên tắc ISDL/ Nhận xét chung
<p>Điều 13</p> <p>Đầu mối quốc gia và cơ quan quốc gia có thẩm quyền</p>	<p>Nghĩa vụ ngắn hạn là phải xác định các đầu mối quốc gia và cơ quan quốc gia có thẩm quyền và xây dựng các chức năng được quy định trong điều này.</p> <p>Các biện pháp pháp lý hoặc hành chính cho phép các cơ quan chức năng thực hiện tốt chức năng này.</p>	<p>Xác định các lựa chọn có thể cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trước hết là xác định rõ ràng về mô hình thể chế (ví dụ, một CNA trung ương; nhiều CNA, một hệ thống phân cấp).</p> <p>Đánh giá cẩn thận những lựa chọn khác nhau và xem xét các điểm yếu và điểm mạnh của bất kỳ cơ quan tiềm năng (nông nghiệp, môi trường, thủy sản, vv.)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Quản trị tốt
<p>Điều 14</p> <p>Cổng thông tin về tiếp cận và chia sẻ lợi ích và chia sẻ thông tin</p>	<p>Nghĩa vụ nộp/công bố thông tin trên Cổng thông tin ABS.</p>	<p>Đây là biện pháp chủ chốt</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Quản trị tốt

Nghị định thư Nagoya	Hành động yêu cầu ở cấp độ quốc gia	Thông tin cơ bản hữu ích	Nguyên tắc ISDL/ Nhận xét chung
<p>Điều 15</p> <p>Tuân thủ Luật pháp trong nước hoặc yêu cầu quy định về tiếp cận và chia sẻ lợi ích</p>	<p>Các biện pháp được xác định ở cấp quốc gia với sự hướng dẫn của các Bên tham gia (15,1 và 15,2).</p> <p>Nghĩa vụ có điều kiện là hợp tác “càng nhiều càng tốt và hợp tác khi thích hợp (15,3).</p> <p>Ở cấp quốc gia, các quốc gia ngay lập tức có thể bắt đầu hình thành các biện pháp thích hợp đảm bảo sự tuân thủ đối với luật pháp quốc gia khác và đưa ra các biện pháp hợp tác trong trường hợp vi phạm pháp luật quốc gia.</p> <p>Có nhiều lựa chọn khác nhau.</p> <p>Các nước có cơ hội để chứng minh thiện chí bằng cách mô tả quy trình nhằm đảm bảo tuân thủ và xây dựng một hệ thống chức năng để hỗ trợ các quốc gia khác.</p>	<p>Thông tin liên quan về các lựa chọn và các biện pháp pháp lý và hành chính để hỗ trợ luật pháp quốc gia của các nước khác.</p> <p>Các tài liệu của Thư ký CBD hình thành trong đàm phán Cơ chế Quốc tế và kết quả thảo luận của các nhóm chuyên gia kỹ thuật và pháp lý về việc tuân thủ và chứng chỉ có thể cung cấp đầu vào có liên quan.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Quản trị tốt • Trách nhiệm chung nhưng có sự khác biệt • Sự tham gia của công chúng và tiếp cận công lý

Nghị định thư Nagoya	Hành động yêu cầu ở cấp độ quốc gia	Thông tin cơ bản hữu ích	Nguyên tắc ISDL/ Nhận xét chung
<p>Điều 16</p> <p>Tuân thủ luật pháp hoặc yêu cầu quy định trong nước về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích đối với tri thức truyền thống gắn với nguồn gen</p>	<p>Giải thích tương tự điều 15</p>	<p>Tương tự điều 15</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Tương tự điều 15

Nghị định thư Nagoya	Hành động yêu cầu ở cấp độ quốc gia	Thông tin cơ bản hữu ích	Nguyên tắc ISDL/ Nhận xét chung
<p>Điều 17</p> <p>Giám sát việc sử dụng nguồn gen</p>	<p>Nghĩa vụ trực tiếp là “thực hiện các biện pháp.”</p> <p>Biện pháp này sẽ bao gồm việc xác định các điểm kiểm soát và biện pháp trừng phạt. Các biện pháp khác có tính “khuyến khích”</p> <p>Giấy phép (hoặc các giấy tờ tương đương) sẽ trở thành chứng nhận quốc tế (theo nội dung quy định tại điều 17.4)</p> <p>Các quốc gia có thể ngay lập tức thực hiện lựa chọn này và có các biện pháp thích hợp đảm bảo tuân thủ sự bắt buộc phải công khai thông tin tại các điểm kiểm soát và có biện pháp xử phạt thích hợp trong các trường hợp người sử dụng không tuân thủ. Điều này có thể đòi hỏi các biện pháp ràng buộc pháp lý tùy thuộc vào hệ thống pháp luật của từng quốc gia (lệ phí, vv.)</p> <p>Có rất nhiều lựa chọn/điểm kiểm tra sẵn có</p> <p>Các quốc gia có cơ hội thể thiện thiện chí bằng việc bắt đầu nhanh chóng thực hiện quy định này</p> <p>Luật phát quốc gia phải khuyến khích người sử dụng áp dụng các hệ thống hỗ trợ theo dõi nguồn gen và tri thức truyền thống gắn với nguồn gen.</p>	<p>Xác định các điểm kiểm soát có thể phù hợp với yêu cầu của quy định này, và xác định những lựa chọn tốt nhất cho việc thực hiện thích hợp phù hợp với các mục tiêu của Nghị định thư.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Tương tự điều 16

Nghị định thư Nagoya	Hành động yêu cầu ở cấp độ quốc gia	Thông tin cơ bản hữu ích	Nguyên tắc ISDL/ Nhận xét chung
<p>Điều 18</p> <p>Tuân thủ các Điều khoản đồng thuận giữa các bên</p>	<p>Nghĩa vụ “khuyến khích” người sử dụng và người cung cấp nguồn gen (18,1).</p> <p>Nghĩa vụ là “đảm bảo” (18,2) và “thực hiện các biện pháp (18,3).”</p>	<p>Sự hiểu biết của các cơ chế hiện có trong hệ thống pháp luật liên quan đến tiếp cận công lý và công nhận các phán quyết hình phạt và giải thưởng nước ngoài.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Công bằng • Quản trị tốt
<p>Điều 19</p> <p>Các điều khoản hợp đồng mẫu</p>	<p>Nghĩa vụ quốc gia là “khuyến khích”</p> <p>Hội nghị các Bên tham gia CoP/MoP sẽ “xem xét các điều khoản mẫu”</p>	<p>Biên soạn các mã hiện có và các điều khoản mẫu.</p> <p>Rà soát các sáng kiến quốc gia về vấn đề này</p> <p>WIPO đã phát triển các nguồn thông tin hữu ích, bao gồm cả các nguồn trực tuyến.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Quản trị tốt. • Bảo tồn và sử dụng bền vững.

Nghị định thư Nagoya	Hành động yêu cầu ở cấp độ quốc gia	Thông tin cơ bản hữu ích	Nguyên tắc ISDL/ Nhận xét chung
<p>Điều 20</p> <p>Quy tắc ứng xử, hướng dẫn và thực hành và/ hoặc Tiêu chuẩn tốt nhất</p>	<p>Nghĩa vụ quốc gia là “khuyến khích”</p> <p>Các quốc gia có thể xem xét công nhận những thực hành tốt nhất và những thỏa thuận đặc biệt đối với việc tuân thủ quy tắc ứng xử trong bối cảnh cần tăng cường tính tuân thủ và chắc chắn.</p> <p>Hội nghị các Bên tham gia CoP/MoP sẽ xem xét việc áp dụng các Quy tắc ứng xử, Hướng dẫn và Thực hành và/ hoặc Tiêu chuẩn tốt nhất.</p>	<p>Ban thư ký CDB đã phát triển các nguồn thông tin hữu ích, bao gồm cả các nguồn trực tuyến.</p> <p>Đánh giá các sang kiến quốc gia.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Quản trị tốt • Bảo tồn và sử dụng bền vững
<p>Điều 21</p> <p>Nâng cao nhận thức</p>	<p>Nghĩa vụ trực tiếp thực hiện biện pháp nhằm nâng cao nhận thức. Danh mục chỉ dẫn được cung cấp.</p> <p>Luật pháp quốc gia cần có sự hướng dẫn về nâng cao nhận thức hiệu quả, ví dụ như xây dựng cộng đồng nghiên cứu.</p>		<ul style="list-style-type: none"> • Quản trị tốt • Bảo tồn và sử dụng bền vững các tài nguyên thiên nhiên

Nghị định thư Nagoya	Hành động yêu cầu ở cấp độ quốc gia	Thông tin cơ bản hữu ích	Nguyên tắc ISDL/ Nhận xét chung
<p>Điều 22 Năng lực</p>	<p>Ở cấp quốc gia, các nước “cần” tạo điều kiện cho sự tham gia ... và “cần” xác định nhu cầu và các ưu tiên của mình.</p> <p>Theo đó, cơ bản yêu cầu các quốc gia phải xây dựng một biện pháp chính sách cho phép hoặc tạo điều kiện cho sự tham gia nhất quán với các nguyên tắc cơ bản của phát triển bền vững.</p> <p>Các bên tham gia buộc phải hợp tác trong việc xây dựng năng lực.</p>		<ul style="list-style-type: none"> • Công bằng • Sự tham gia của công chúng • Hợp tác quốc tế
<p>Điều 23 Chuyển giao công nghệ, cộng tác và Hợp tác</p>	<p>Nghĩa vụ đối với các Bên tham gia.</p> <p>Luật pháp quốc gia cần phải giải quyết vấn đề chuyển giao công nghệ, bao gồm những ưu đãi cụ thể cần thiết để đẩy mạnh chuyển giao công nghệ.</p> <p>Các Bên tham gia buộc phải cộng tác và hợp tác.</p>	<p>Những phân tích khác nhau về tri thức truyền thống về nguồn gen có trong tài liệu và giấy tờ của Ban Thư ký CBD cũng như của các tổ chức khác (UNCTAD, UNEP, vv) hay trong những nghiên cứu liên quan về cách thức thực tế để đạt được tri thức truyền thống.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Những trách nhiệm chung nhưng khác biệt • Hợp tác quốc tế

CHƯƠNG II

**CẨM NANG THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG
TIẾP CẬN NGUỒN GEN VÀ CHIA SẺ LỢI ÍCH**

PHẦN I:

Hướng dẫn Thực hành tốt

1

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH TỐT

Tập hợp các thực hành tốt hướng dẫn cho mỗi tiêu chuẩn ABS được trình bày dưới dạng danh sách kiểm tra (checklist) để dễ dàng sử dụng hơn. Các tiêu chuẩn được áp dụng linh hoạt theo nhu cầu và hoàn cảnh của từng trường hợp. Do đó, không phải tất cả các yếu tố đã đề cập ở đây cần phải được bao gồm hoặc được xem xét trong các cuộc đàm phán và các mối quan hệ ABS. Những yếu tố này phải phù hợp với từng trường hợp ABS cụ thể, với người cung cấp các nguồn gen, và nhất quán với pháp luật quốc gia về ABS hoặc với các yêu cầu quy định tại các nước có liên quan.

TIÊU CHUẨN 1.0: TIẾP CẬN		
1A. Thỏa thuận thông báo trước (PIC)	Đối với người cung cấp	Đối với người sử dụng
<ul style="list-style-type: none"> Nắm rõ và tuân thủ tất cả các luật và quy định hiện hành trong nước liên quan đến PIC. Đáp ứng yêu cầu đã được xác định về tuân thủ các nghĩa vụ PIC. Xác định: (a) cơ quan quốc gia có thẩm quyền nhận hồ sơ yêu cầu PIC hay những yêu cầu về PIC; Các yêu cầu về hình mẫu hồ sơ yêu cầu PIC và những thông tin cụ thể cần thiết, và (c) những yêu cầu hoặc điều kiện để đạt được PIC. 		X
<ul style="list-style-type: none"> Nếu không có luật hoặc quy định cụ thể về PIC, dựa trên những thảo luận về những thông tin thích hợp, bao gồm thông tin được liệt kê trong Phần III, 6 (những yêu cầu thông tin đối với PIC). 		X
<ul style="list-style-type: none"> Xác định cơ quan quốc gia có thẩm quyền, các cộng đồng bản địa và địa phương, và các bên liên quan khác, nếu có thể xác định quyền sở hữu các nguồn gen và/hoặc tri thức truyền thống gắn với nguồn gen. Theo quy định của luật pháp quốc gia, nhiều cấp chính quyền khác nhau có thể yêu cầu PIC. 		X
<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng quá trình tham vấn và trao đổi thông tin với các bên liên quan. Quá trình này làm sáng tỏ những quan tâm và/hoặc nghi ngờ của các bên tham gia và đáp ứng yêu cầu về thông tin hoặc tài liệu Đảm bảo rằng tất cả các thông tin liên quan có thể được truyền đạt với ngôn ngữ rõ ràng và được diễn đạt một cách dễ hiểu đối với tất cả các bên liên quan và luôn được cập nhật. Truyền đạt rõ ràng đến người cung cấp những rủi ro (như thời gian, tiền bạc, và sự không chắc chắn trong việc tìm các nguyên liệu có giá trị thương mại) mà người sử dụng phải đối mặt khi thực hiện nghiên cứu và phát triển nguồn gen. 		X
<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo rằng nguồn gen chỉ được sử dụng cho các mục đích đã được quy định trong đàm phán PIC, và bảo đảm rằng cấp PIC mới khi nguồn gen được sử dụng với mục đích khác so với những mục đích sử dụng được quy định trong PIC ban đầu. Bảo đảm rằng cấp PIC mới trong trường hợp chuyển giao nguồn gen cho bên thứ ba. 		X

TIÊU CHUẨN 1.0: TIẾP CẬN		
1A. Thỏa thuận thông báo trước (PIC)	Đối với người cung cấp	Đối với người sử dụng
<ul style="list-style-type: none"> Nếu có thể, đảm bảo tuân thủ pháp luật trong nước và truyền thống địa phương hoặc tuân thủ quá trình liên quan đến việc phê duyệt tiếp cận, bao gồm các giao thức cộng đồng và luật tục. Người cung cấp đi đến một thỏa thuận phản ánh các điều khoản và điều kiện của PIC bao gồm, ngoài những điều khoản khác, các điều khoản và điều kiện liên quan đến chia sẻ lợi ích. 		X
<ul style="list-style-type: none"> Sau khi đạt được PIC, tiến hành các hoạt động nghiên cứu và phát triển đảm bảo tuân thủ các điều khoản và điều kiện được quy định trong hợp đồng. 		X
<ul style="list-style-type: none"> Tôn trọng các hạn chế về việc sử dụng nguồn gen và tri thức truyền thống gắn với nguồn gen trong phạm vi quy định của thỏa thuận PIC. 		X
<ul style="list-style-type: none"> Quyền quốc gia (CNA) và/hoặc từ tổ chức quản lý bộ sưu tập chuyển chỗ liên quan. Trong trường hợp tiếp cận các nguồn gen chuyển chỗ, kiểm tra các tài liệu PIC từ người cung cấp để xác định nguyên liệu được cung cấp có được thu thập hợp pháp có sự thỏa thuận thông báo trước không và đánh giá sự đầy đủ của tài liệu để phản ánh các giao dịch và việc sử dụng có mục đích. Nếu không có PIC, hoặc PIC không bao gồm các giao dịch và mục đích sử dụng, cần yêu cầu cấp PIC khác từ các cơ quan quốc gia có thẩm quyền và/hoặc các tổ chức quản lý bộ sưu tập chuyển chỗ có liên quan tùy thuộc vào thời gian và nguồn gốc của mẫu sưu tập. 		X
<ul style="list-style-type: none"> Trong trường hợp nguồn gen được cung cấp bởi một bên trung gian, yêu cầu có bằng chứng cho thấy các tổ chức cung cấp nguồn gen có quyền chuyển giao nguyên liệu và được ủy quyền để cung cấp nguồn gen cho hoạt động phát hiện và phát triển sản phẩm. Trong trường hợp yêu cầu những đánh giá đặc biệt theo luật pháp quốc gia và quốc tế, người cung cấp và sử dụng cần phải trả về do những đánh giá đặc biệt này (xem Điều 8 của Nghị định thư Nagoya). 	X	X

TIÊU CHUẨN 1.0: TIẾP CẬN		
1A. Thỏa thuận thông báo trước (PIC)	Đối với người cung cấp	Đối với người sử dụng
<p>Giải quyết các khó khăn trong việc xác định đối tượng khi tiến hành thủ tục thỏa thuận thông báo trước</p> <ul style="list-style-type: none"> • Một sơ đồ trình bày các bước thực hiện và thời gian của quá trình đạt được PIC từ những kinh nghiệm trong quá khứ là hữu ích. Sơ đồ giúp hình dung dễ dàng hơn cách thức vận hành PIC trong thực tế. • Các yếu tố khác cần được xem xét trong việc xác định các bên liên quan là đối tượng để tìm kiếm sự đồng thuận bao gồm: quyền sở hữu đất nơi có bộ sưu tập; vị trí, vai trò của các cấp chính quyền theo quy định của pháp luật, luật tục, và thực tiễn. • Khi Cổng thông tin ABS đi vào hoạt động, kiểm tra các thông tin về các giao thức cộng đồng và luật tục, và kiểm tra cách thức để đạt được PIC từ người dân bản địa và cộng đồng địa phương, nếu có sự tiếp cận diễn ra. • Ví dụ về các thủ tục, pháp luật, hướng dẫn, và các thỏa thuận liên quan đến thỏa thuận thông báo trước: <ul style="list-style-type: none"> ▶ Một sơ đồ mô tả sự việc vận hành PIC trong, <i>Perrault. Anne: Sự thỏa thuận thông báo trước và tiếp cận và chia sẻ lợi ích: công nhận và thực hiện, IUCN, tháng 3 năm 2006.</i> ▶ Mục III, Đa dạng sinh học và Tri thức truyền thống: <i>hợp tác công bằng trong thực tiễn, Laird, Sara (ed.), Earthscan, 2002</i> ▶ Trang web của Nhóm hợp tác Đa dạng sinh học quốc tế hợp tác đa dạng sinh học Nhóm (www.fic.nih.gov/programs), chứa các thông tin hữu ích về quá trình đàm phán hợp đồng ABS và đảm bảo PIC trong tình huống thực tế). 	X	X
<p>Giải quyết những khó khăn do tính chất đa quốc gia của nguồn gen gây, là khó khăn trong xác định đối tượng cần tiếp cận để đạt được PIC hoặc xác định những tri thức truyền thống có thể được chia sẻ bởi nhiều hơn một cộng đồng/dân tộc bản địa.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Không có giải pháp đơn giản. Nếu có thể nên xem xét đến Quyền lợi của các đối tượng không tham gia đàm phán và xem xét việc chia sẻ lợi ích cho các đối tượng đó (ví dụ, sử dụng một quỹ ủy thác hoặc các cơ chế khác, hoặc phải có quan điểm rõ ràng ngay từ đầu rằng trách nhiệm chia sẻ lợi ích cần phải được xác định phù hợp với tập quán truyền thống. Không thích hợp nếu người sử dụng xác định việc chia sẻ lợi ích thay mặt cho tất cả các bên liên quan. ▶ Một phần của các chi trả ABS có thể được dùng để bồi thường/hỗ trợ những đối tượng không tham gia đàm phán. Trong luật ABS của một số quốc gia (ví dụ, ở Peru), vấn đề này được giải quyết bằng cách yêu cầu người sử dụng thành lập quỹ, trong trường hợp chia sẻ thức truyền thống, bồi thường cho người không tham gia sử dụng. 	X	X

TIÊU CHUẨN 1.0: TIẾP CẬN		
1A. Thỏa thuận thông báo trước (PIC)	Đối với người cung cấp	Đối với người sử dụng
<ul style="list-style-type: none"> ▶ Khi nào và nếu cơ chế trên đi vào hoạt động, Cơ chế Đa phương ABS do Nghị định thư Nagoya hình thành, có thể hữu ích trong việc thực hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến những nguồn gen xuyên biên giới và tri thức truyền thống gắn với nguồn gen đó. ▶ Cũng có thể nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên tham gia sẽ được xác định bởi những quy định theo luật pháp của từng quốc gia. Khi đó, nghĩa vụ chính là tuân theo luật pháp quốc gia đó. 		
<p>Những lời khuyên hữu ích khác</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cùng với PIC và MATs, cần có có tất cả các giấy phép cần thiết khác (ví dụ, giấy phép xuất khẩu, Công ước CITES, vv.). Trong trường hợp có sự tham gia của trung gian, phải kiểm tra sự tuân thủ luật pháp và các quy định của quốc gia cung cấp nguồn gen của bên trung gian khi tiếp cận nguồn gen hoặc kiểm tra liệu bên trung gian có quyền chuyển giao nguồn gen cho bên thứ ba không. • Phải quy định rõ ràng bằng một điều khoản trong hợp đồng, yêu cầu các trung gian đảm bảo đã tuân thủ luật pháp của nước cung cấp khi tiếp cận nguồn gen. Nếu có bất kỳ nghi ngờ nào, thông qua chính phủ của các quốc gia xuất xứ kiểm tra tính hợp pháp của việc chuyển nhượng hoặc kiểm tra quyền hợp pháp của trung gian. Cũng có thể kiểm tra với Cổng thông tin ABS để giải tỏa những nghi ngờ liệu nguyên liệu có thuộc phạm vi quy định của Nghị định thư Nagoya. 	X	X X

TIÊU CHUẨN 1.0: TIẾP CẬN		
1B. Điều khoản đồng thuận giữa các bên (MAT)	Đối với người cung cấp	Đối với người sử dụng
<ul style="list-style-type: none"> • Nếu một nguồn gen được thu thập trên vùng đất tư nhân hoặc từ người dân hoặc chủ đất tư nhân và đạt được PIC với những người cung cấp này, vẫn nên thông báo với các cơ quan chính phủ chuyên trách. • Tuân thủ tất cả các luật và quy định hiện hành liên quan đến chia sẻ lợi ích trong nước. Thừa nhận sự khác nhau về cơ chế pháp lý và chính sách giữa các quốc gia/khu vực. • Nếu có sự khác nhau đó, cần xem xét những điều khoản mẫu từ đó phát triển những điều khoản riêng dân tộc bản địa và cộng đồng địa phương. 	X	X
<ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện đàm phán MATs với sự tin tưởng. Nỗ lực để đảm bảo rằng tất cả các tổ chức xem xét và cân nhắc đến quyền lợi, ý kiến và đề xuất của các tổ chức khác. 	X	X

TIÊU CHUẨN 1.0: TIẾP CẬN		
1B. Điều khoản đồng thuận giữa các bên (MAT)	Đối với người cung cấp	Đối với người sử dụng
<ul style="list-style-type: none"> Chắc chắn rằng đối tác có thể tiếp cận tư vấn pháp lý độc lập để đảm bảo có sự hướng dẫn pháp lý đầy đủ khi tham gia quá trình đàm phán MATs 	X	X
<ul style="list-style-type: none"> Trình bày MATs trong một thỏa thuận bằng văn bản. 		X
<ul style="list-style-type: none"> Bao gồm tất cả những yêu cầu về điều kiện, nghĩa vụ, thủ tục, chủng loại, thời gian, và cơ chế chia sẻ lợi ích trong MATs. Những quy định này sẽ thay phụ thuộc vào tiêu chuẩn công bằng và hợp lý trong từng trường hợp cụ thể. Bao gồm các quy định liên quan đến giải quyết tranh chấp, bao gồm thẩm quyền, luật được áp dụng trong giải quyết tranh chấp, và các lựa chọn thay thế: chẳng hạn như hòa giải và trọng tài trong MATs nếu thích hợp. 		X
<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo rằng việc thương mại hóa cũng như sử dụng nguồn gen cho những mục đích khác không ngăn chặn việc sử dụng nguồn gen cho các mục đích truyền thống. 		X
<ul style="list-style-type: none"> Bao gồm những thông tin về nguồn gốc nguyên liệu - nước xuất xứ và người cung cấp nguồn gen và tri thức truyền thống gắn với nguồn gen trong MATs nếu khả thi. 		X
<ul style="list-style-type: none"> Khi cung cấp nguồn gen cho bên thứ ba, cần đảm bảo rằng các giao dịch chuyển giao và mục đích sử dụng nguồn gen phải thuộc phạm vi quy định của MAT và PIC hiện hành, phải tôn trọng những điều khoản và điều kiện liên quan đến nguyên liệu được trao đổi đó. Cung cấp cho bên thứ ba những tài liệu liên quan và không phải là tài liệu bí mật quá trình trao đổi. Không thực hiện chuyển giao nguồn gen cho bên thứ ba nếu việc chuyển giao không nhất quán với các điều khoản và điều kiện của PIC. 		X
<ul style="list-style-type: none"> Nếu có thể, bao gồm trong thỏa thuận MAT quy định đối với giám sát nội bộ và/hoặc giám sát bên ngoài phải báo cáo tiến độ thực hiện với cả người sử dụng và cung cấp nguồn gen. Sự tham gia của các bên liên quan, và của cộng đồng bản địa và địa phương trong các giai đoạn phát triển và thực hiện những thỏa thuận về tiếp cận và chia sẻ lợi ích có thể giúp tăng cường giám sát và tuân thủ. 		X
<ul style="list-style-type: none"> Giải quyết tranh chấp phát sinh trong hợp đồng tiếp cận theo các thỏa thuận có liên quan trong hợp đồng và tuân thủ theo những điều luật và thực hành áp dụng cho giải quyết tranh chấp, xem xét đến những nhu cầu và khó khăn của cả người cung cấp và các tổ chức sử dụng nguồn gen khi tiếp cận công lý cũng như các nguồn lực cần thiết để tiếp cận công lý. 		X
Thách thức/lời khuyên chính:		
Phương án giải quyết nếu các bên tham gia đàm phán không có kinh nghiệm hoặc không hiểu một cách rõ ràng và đúng đắn các điều khoản và điều kiện cho MAT?	X	X

TIÊU CHUẨN 2.0: CHIA SẼ LỢI ÍCH	Đối với người cung cấp	Đối với người sử dụng
<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ tất cả luật pháp và các quy định hiện hành liên quan đến chia sẻ lợi ích tại nước cung cấp. Quan tâm đến những mong muốn và nhu cầu của các tổ chức/cộng đồng khác và năng lực của tổ chức/cộng đồng đó khi đàm phán các quy định về chia sẻ lợi ích, với tinh thần công bằng và xây dựng để tránh dẫn đến những tình huống bất lợi. 		X
<ul style="list-style-type: none"> Dựa trên một danh sách đầy đủ những lợi ích tiềm năng, lựa chọn những lợi ích tiền tệ và phi tiền tệ có thể đạt được làm cơ sở bắt đầu quá trình đàm phán lợi ích, áp dụng một cách linh hoạt tùy từng trường hợp và tình huống khác nhau (danh sách các lợi ích tiềm năng được cung cấp tại Phần II). Chú ý đến cả Danh sách lợi ích tiền tệ và phi tiền tệ trong Phụ lục của Nghị định thư Nagoya. 		X
<ul style="list-style-type: none"> Xem xét những lợi ích ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Quy định rõ về khung thời gian chia sẻ lợi ích. Hơn nữa, cân bằng giữa những lợi ích ngắn, trung và dài hạn theo từng trường hợp cơ sở. 		X
<ul style="list-style-type: none"> Xác định các cơ chế chia sẻ lợi ích chung giữa người sử dụng và các tổ chức cung cấp, tùy thuộc vào loại lợi ích và các điều kiện cụ thể. Nếu có thể sau khi xem xét hoàn cảnh cụ thể của đàm phán, hướng lợi ích đối với việc bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học. 	X	X
<ul style="list-style-type: none"> Tăng cường chia sẻ những lợi ích trực tiếp đến người cung cấp (chủ sở hữu/ người quản lý/người chăm sóc) nguồn gen, bao gồm cả cộng đồng địa phương và bản địa. Đặc biệt xem xét tổ chức đào tạo, xây dựng năng lực, và chuyển giao công nghệ. 		X
<ul style="list-style-type: none"> Nếu có thể, cung cấp các lợi ích tiền tệ thích hợp bao gồm các khoản đóng góp tài chính cho công tác nghiên cứu và bảo tồn, bản quyền, vv. 		X
<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng nguồn gen trong và với sự tham gia của các quốc gia cung cấp dịch vụ và những người cung cấp khác (chủ sở hữu, người sử dụng, người chăm sóc), bao gồm cả cộng đồng địa phương và bản địa, nếu có thể. 		X
<ul style="list-style-type: none"> Xác định cơ hội và vị trí của bộ sưu tập để tham gia các hoạt động thương mại hóa và giá trị gia tăng tại quốc gia cung cấp. 		X
<ul style="list-style-type: none"> Tìm kiếm người cung cấp nguồn gen ban đầu để tái cung cấp nguyên liệu khi cần thiết, nếu có thể. 		X

TIÊU CHUẨN 2.0: CHIA SẺ LỢI ÍCH	Đối với người cung cấp	Đối với người sử dụng
<ul style="list-style-type: none"> • Thiết lập cơ chế giám sát phù hợp trong các thỏa thuận pháp lý. • Xem xét tính chất xuyên biên giới của nguồn gen và tri thức truyền thống gắn với nguồn gen khi thiết lập các thỏa thuận ABS. • Cung cấp tất cả các thông tin liên quan theo yêu cầu của các trạm kiểm soát quốc gia, xem xét các quy định về tính bảo mật của MAT. • Nếu có thể và thích hợp, kể cả thông qua các đầu mối quốc gia và các cơ quan thẩm quyền quốc gia, chia sẻ thông tin về những hoạt động thực tiễn và những ví dụ về chia sẻ lợi ích để bổ sung và cải thiện thông tin về vấn đề này. 	X	X
<p>Giải quyết những kỳ vọng không thực tế vào mức độ và loại lợi ích được chia sẻ.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Khuyến khích việc chia sẻ thông tin một cách trung thực về những lợi ích tiềm năng và thực tế có thể nhận được. Sự chia sẻ này rất cần thiết để đảm bảo các bên tham gia hiểu rằng quá trình R&D và thương mại hóa (có thể) trong tương lai cần một khoảng thời gian đáng kể để thực sự tạo ra lợi nhuận và lợi nhuận không phát sinh một cách nhanh chóng. • Giải thích rõ khả năng một sản phẩm thực sự bị thay thế trên thị trường thường rất thấp. Do đó, chỉ có chia sẻ lợi ích từ thương mại hóa trong một số ít trường hợp. • Nếu tham gia đàm phán thỏa thuận ABS trong một lĩnh vực cụ thể (như, làm vườn, bảo vệ thực vật, dược phẩm, vv), dễ dàng và thuận tiện hơn để tiếp cận các tạp chí và các nguồn thông tin về các hoạt động thương mại trong từng lĩnh vực. • Tham khảo nguồn thông tin chung: <ul style="list-style-type: none"> ▶ Kate, K. & Laird, S. (1999). Sử dụng thương mại Đa dạng sinh học. London: Earthscan.; and, UNEP/CBD/WG-ABS/4/INF/5; ▶ Laird, Sara. Sử dụng thương mại đa dạng sinh học: Cập nhật xu hướng hiện tại về nhu cầu về Tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích, và Quan điểm công nghiệp trên ABS chính sách và thực hiện; ▶ Kamau, E. & Winter, G. (chủ biên) (2009). Nguồn gen, tri thức truyền thống và Luật - Giải pháp cho truy cập và chia sẻ lợi ích. London: Earthscan; 		X

<p>Tiền mua bản quyền và các chi trả quan trọng khác được giữ bí mật trong hầu hết các thỏa thuận ABS. Có nhiều yếu tố thường ảnh hưởng tiền mua bản quyền khai thác nguồn gen và những yếu tố này khác nhau giữa các công ty.</p> <p>Một số vấn đề cần xem xét trong một cấu trúc chi phí mua quyền khai thác tài nguyên:</p> <ol style="list-style-type: none"> Đóng góp của các đối tác cho phát minh và phát triển; Thông tin được cung cấp với mẫu; Tính mới hoặc hiếm có của vật mẫu; Mức độ dẫn xuất của sản phẩm cuối cùng từ nguồn gen được cung cấp; Thị phần tiềm năng của sản phẩm cuối cùng. 	X	X
<p>Giám sát và theo dõi việc chia sẻ lợi ích theo thỏa thuận trong MAT.</p> <ul style="list-style-type: none"> Cần hiểu rằng không có số tiền cố định hoặc một hướng dẫn đơn giản để xác định giá trị bằng tiền của lợi ích. Mỗi trường hợp là khác nhau và có thể bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố. Một điểm khởi đầu quan trọng là sử dụng tốt các tài liệu về các cuộc đàm phán và kết quả của MAT - trong đó hiểu rõ về các phương tiện để thực hiện và các điều khoản và điều kiện được nêu trong MAT/hợp đồng. Khuyến khích xem xét bản chất của việc nghiên cứu và phát triển các nguồn tài nguyên di truyền, thiết lập các cơ chế giám sát /theo dõi và báo cáo thích hợp trong các thỏa thuận pháp lý nhưng thường không dễ dàng để thực hiện. Nên thực hiện những quy định pháp luật cho phép kiểm toán độc lập, mã số định danh cho mỗi mẫu, vv, nên được khám phá. Ví dụ rất có lợi nếu bao gồm một số cơ chế: <ul style="list-style-type: none"> ▶ Đánh dấu tất cả các tài liệu với một mã vạch và mã số; ▶ Hình thành yêu cầu gắn các số nhận dạng cho tài nguyên là nguyên liệu kết quả; ▶ Đảm bảo người sử dụng thực hiện nghĩa vụ duy trì hồ sơ lưu trữ hoàn chỉnh chính xác và hệ thống báo cáo cho các hoạt động nghiên cứu và/hoặc phát triển; 	X	X

TIÊU CHUẨN 3.0: TUÂN THỦ	Đối với người cung cấp	Đối với người sử dụng
<ul style="list-style-type: none"> ▶ Cho phép người cung cấp tổ chức kiểm toán và/hoặc kiểm tra hồ sơ và hệ thống báo cáo và kiến nghị để cải thiện thủ tục báo cáo. • Người cung cấp có thể tiếp cận các ghi chú thí nghiệm. • Hỗ trợ thông tin liên quan đến cơ chế pháp lý hiện tại về tiếp cận công lý, hợp tác giữa quốc gia cung cấp và quốc gia nơi nguyên liệu được sử dụng, công nhận và thi hành các phán quyết quốc tế, và các biện pháp pháp lý sẵn có trong trường hợp không tuân thủ hợp đồng tại các quốc gia sử dụng nguồn gen theo yêu cầu của người cung cấp. • Đảm bảo người sử dụng nguyên liệu có Chứng nhận Quốc tế về tuân thủ 		X
<ul style="list-style-type: none"> • Công bố thông tin liên quan đến thỏa thuận thông báo trước, các điều khoản đồng thuận giữa các bên, sử dụng nguồn gen và tri thức truyền thống gắn với nguồn gen, và thông tin về tuân thủ các biện pháp quốc gia về ABS tại quốc gia tiếp cận nguồn gen với các trạm kiểm soát tại các địa phương nơi nguồn gen được sử dụng (nếu có). 		X
<ul style="list-style-type: none"> • Nếu chưa thành lập các trạm kiểm soát, cung cấp thông tin có liên quan, nếu phù hợp, về các vấn đề trên cho các tổ chức như cơ quan sở hữu trí tuệ, đăng ký sản phẩm, tạp chí, và các tổ chức tài trợ, những tổ chức khác tùy từng trường hợp cụ thể. 		X
<ul style="list-style-type: none"> • Chuẩn bị và phổ biến các báo cáo công bao gồm các thông tin liên quan đến việc tuân thủ các thủ tục PIC, MAT, pháp luật quốc gia về ABS và Nghị định thư Nagoya, xem xét đến những nghĩa vụ bảo mật, có thể tồn tại. Báo cáo này có thể là một phần trong chính sách của tổ chức sử dụng hoặc của các hoạt động báo cáo về phát triển bền vững. 		X
<ul style="list-style-type: none"> • Phổ biến kịp thời đến người cung cấp các quy tắc ứng xử/hướng dẫn về ABS mà người sử dụng đăng ký hoặc là thành viên, bao gồm cả các điểm tiếp xúc có liên quan. 		X
<ul style="list-style-type: none"> • Trong quá trình cấp quyền tiếp cận nguồn gen, cần xem xét đến tư cách thành viên của người sử dụng tiềm năng trong các quy tắc ứng xử, hướng dẫn,... liên quan ABS. 	X	X
<ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện các cơ chế giám sát và theo dõi các nguồn gen được tiếp cận và sử dụng, chia sẻ các cơ chế này với đối tác và các bên liên quan khác để xây dựng sự tin tưởng. Nếu có thể, tùy từng trường hợp cụ thể, bao gồm các điều khoản hợp đồng phù hợp phản ánh các thực hành này. 	X	X

<p>Lời khuyên hữu ích</p> <ul style="list-style-type: none"> Thực hiện các biện pháp tuân thủ quốc gia trong bối cảnh Nghị định thư Nagoya sẽ có hiệu trong những năm tới, khi các quốc gia ban hành các biện pháp phù hợp mới. Người dùng phải ý thức được những thay đổi tiềm năng này, ý thức về môi trường pháp lý mới, và các yếu tố khác, bằng cách tìm kiếm thông tin ở Cổng thông tin ABS và từ các nguồn thông tin khác có liên quan. <p>Cơ chế tuân thủ có thể được thành lập với ba mức độ khác nhau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tuân thủ luật pháp/các biện pháp ABS; Tuân thủ MAT/hợp đồng; Tuân thủ Nghị định thư Nagoya. 	X	X
--	---	---

TIÊU CHUẨN 4.0: TRI THỨC TRUYỀN THỐNG GẮN VỚI NGUỒN GEN	Đối với người cung cấp	Đối với người sử dụng
<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện quy trình đạt được tri thức truyền thống trong giai đoạn PIC và đẩy mạnh sự tham gia của người dân bản địa và cộng đồng địa phương. Xác định đối tượng nắm giữ tri thức truyền thống, cơ quan địa phương có thẩm quyền, và các tổ chức cấp phép hoặc phê duyệt khác. 		X
<ul style="list-style-type: none"> Áp dụng tất cả các yêu cầu của PIC để có được tri thức truyền thống, đặc biệt là tôn trọng quá trình ra quyết định của người dân bản địa và cộng đồng địa phương. 	X	X
<ul style="list-style-type: none"> Xem xét các cơ chế chia sẻ lợi ích thích hợp cho những người nắm giữ tri thức truyền thống không tham gia vào quá trình đàm phán tiếp cận nguồn gen nếu việc sử dụng tri thức truyền thống tách biệt với việc tiếp cận nguồn gen. Tôn trọng và tuân thủ các giao thức cộng đồng về tiếp cận nguồn gen và các tri thức truyền thống liên quan đến gắn với nguồn gen. Tôn trọng và tuân thủ các yêu cầu tối thiểu đối với các điều khoản thoả thuận giữa các bên và các điều khoản hợp đồng mẫu cho chia sẻ lợi ích, và đưa ra bào chữa nếu không thể tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu đó trong những trường hợp hoặc tình huống cụ thể. 	X	X
<ul style="list-style-type: none"> Đình chỉ thu thập nếu người nắm giữ tri thức truyền thống quyết định không thể chấp nhận hoạt động nghiên cứu. Nếu cần thiết, và theo các điều khoản hợp đồng, dừng việc sử dụng tri thức truyền thống cho đến khi các cuộc thảo luận mở được đưa ra để hiểu rõ những lo lắng của người nắm giữ tri thức truyền thống 	X	X
<p>Thể hiện sự tôn trọng và hiểu biết về tri thức truyền thống của cộng đồng bản địa bằng cách áp dụng các nguyên tắc sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo rằng hoạt động nghiên cứu và thu thập không vi phạm pháp luật và phong tục tập quán. Tôn trọng các giá trị và vùng đất thiêng liêng của người nắm giữ tri thức truyền thống. Đảm bảo việc sưu tập hoặc sử dụng nguồn gen không cản trở việc sử dụng truyền thống tri thức truyền thống. Đảm bảo rằng việc cấp quyền sở hữu trí tuệ, hoặc việc thực hiện các hình thức của thương mại hóa không gây ra bất kỳ ảnh hưởng nào liên quan đến sử dụng tri thức, trừ khi có sự cho phép đặc biệt của người nắm giữ tri thức truyền thống. Đảm bảo rằng mọi thông tin về tri thức truyền thống gắn với các nguồn được tiếp cận hoặc sử dụng sẽ không được công bố mà không có sự thỏa thuận thông báo trước của người nắm giữ tri thức truyền thống. 		X

<ul style="list-style-type: none"> • Đàm phán và bồi thường công bằng cho những khiếu nại chính đáng liên quan đến thu thập nguồn gen bị phá hủy được sử dụng cho sinh kế của cộng đồng hoặc người dân địa phương và bản địa. • Giải quyết những lo lắng của chính phủ, các bên liên quan và cộng đồng, địa phương và bản địa liên quan đến bộ sưu tập được đề xuất hoặc liên tục các nguồn tài nguyên di truyền. <p>Bảo vệ và bảo tồn</p> <ul style="list-style-type: none"> • Báo cáo cho người nắm giữ tri thức truyền thống tất cả các thông tin không bí mật và có liên quan để hỗ trợ duy trì và cải thiện tri thức truyền thống. • Hỗ trợ các yêu cầu tài liệu và đăng ký theo yêu cầu của người nắm giữ tri thức truyền thống. • Thừa nhận một cách đúng đắn sự đóng góp của người nắm giữ tri thức truyền thống trong tất cả các ấn phẩm và các ứng dụng sở hữu trí tuệ. <p>Bồi thường/chia sẻ lợi ích</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thiết lập cơ chế hợp đồng thích hợp quan tâm đến mong muốn, nhu cầu và thực trạng của người nắm giữ tri thức truyền thống. • Thực hiện thu thập và nghiên cứu, và bồi thường để tránh bất ổn xã hội và văn hóa. • Xem xét các lợi ích tiền tệ và phi tiền tệ. • Xem xét các cơ chế thích hợp để quản lý lợi ích tiền tệ, bao gồm các quỹ tín thác. 		X
<p>Giải quyết sự khác nhau về văn hóa và ngôn ngữ và vị trí địa lý thay đổi của cùng cộng đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> • Rất hữu ích nếu người dân địa phương tham gia đàm phán với vai trò cố vấn. 		X
<p>Giải quyết vấn đề tri thức truyền thống được chia sẻ với một vài cộng đồng truyền thống, trong đó có những cộng đồng không tham gia thỏa thuận cho PIC và chia sẻ lợi ích</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cần tham vấn cả chính quyền hoặc cơ quan địa phương về phương án giải quyết trong những trường hợp này, đặc biệt trong trường hợp thực hiện chia sẻ lợi ích. Xem các phương án giải quyết theo PIC. • Xem xét cho phép người dân bản địa và cộng đồng địa phương giải quyết các thỏa thuận chia sẻ lợi ích phù hợp với phong tục tập quán. 	X	X
<ul style="list-style-type: none"> • Giải quyết sự khác nhau trong quyền hạn thương lượng, kỹ năng pháp lý, tiếp cận công lý và khả năng giám sát và báo cáo thường gặp giữa các cộng đồng truyền thống và người sử dụng theo dự định các nguồn gen. • Những đề xuất giải quyết những vấn đề này được trình bày trong phần II Hướng dẫn đối với MAT (2) và chia sẻ lợi ích (3). 	X	X

TIÊU CHUẨN 5.0: BẢO TỒN VÀ SỬ DỤNG BỀN VỮNG	Đối với người cung cấp	Đối với người sử dụng
<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá tình trạng bảo tồn hiện tại của các loài và quần thể được lấy làm mẫu/thu thập, theo tiêu chuẩn phân loại Danh sách đỏ của IUCN trước khi cấp PIC, nếu bộ sưu tập vượt quá việc lấy mẫu đơn giản. 		X
<ul style="list-style-type: none"> Áp dụng tất cả các yêu cầu của PIC để có được tri thức Đánh giá tình trạng môi trường sống hiện tại và bất kỳ vấn đề môi trường quan trọng, bao gồm việc sử dụng/áp lực khác đối với tài nguyên. 		X
<ul style="list-style-type: none"> Kết hợp các phương pháp khoa học và kiến thức địa phương/truyền thống để đánh giá tình trạng bảo tồn và ra quyết định về việc sử dụng bền vững. 	X	X
<ul style="list-style-type: none"> Làm việc với các cộng đồng địa phương và bản địa, tôn trọng và kết hợp phong tục tập quán liên quan đến bảo tồn và sử dụng bền vững. 	X	X
<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá đa dạng di truyền của các loài có khả năng thuần hoá và canh tác. 		X
<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý thu hoạch/sưu tập và các quy định về sưu tập đưa ra các tiêu chí cụ thể cho bảo tồn và sử dụng bền vững áp dụng đối với nguồn gen được tiếp cận. 	X	X
<ul style="list-style-type: none"> Tài liệu về sự phân loài của các loài hoặc phân loài được tập hợp đến bảo tàng hoặc kho lưu trữ thích hợp khác trong cả quốc gia có nguồn gen. 		X
<ul style="list-style-type: none"> Tối đa hóa sự tham gia của các tổ chức nghiên cứu địa phương, và các cộng đồng bản địa và địa phương, vào thu thập cho hoạt động nghiên cứu bảo tồn và các hoạt động bảo tồn khác liên quan đến ABS. 		X
<ul style="list-style-type: none"> Đối với việc thu hoạch hoang dã/sưu tầm vẫn đang tiếp diễn, theo dõi tình trạng của tài nguyên để đảm bảo thu hoạch không vượt quá sản lượng bền vững. 	X	X
<ul style="list-style-type: none"> Xem xét những đóng góp cho bảo tồn mà những lợi ích phi thực tế được liệt kê trong Phụ lục của Nghị định thư có thể tạo ra và đưa ra cho người cung cấp hoặc người quản lý của khu vực. 		X
<ul style="list-style-type: none"> Bao gồm kinh phí và các nguồn lực khác cho các mục đích bảo tồn trong thỏa thuận chia sẻ lợi ích, kể cả trong MAT. 		X

TIÊU CHUẨN 6.0: CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ VÀ TRI THỨC	Đối với người cung cấp	Đối với người sử dụng
<ul style="list-style-type: none"> • Phổ biến rõ ràng nhu cầu, khó khăn, hạn chế của chuyển giao công nghệ, khó khăn, hạn chế, vv. 	X	X
<ul style="list-style-type: none"> • Dựa trên kiến thức về công nghệ sẵn có, đánh giá nhu cầu công nghệ ưu tiên thông qua tham vấn với nhà cung cấp nguồn gen và tri thức truyền thống gắn với nguồn gen và thông qua xem xét năng lực địa phương và quốc gia trong phạm vi cả nước... • Thiết kế và thực hiện các cơ chế phù hợp liên quan đến việc chuyển giao và ứng dụng công nghệ có lợi cho việc chuyển giao công nghệ. • Chuyển giao công nghệ có thể bao gồm (miễn phí hoặc theo các điều khoản và giấy phép ưu đãi hoặc ưu đãi): chuyển giao bí quyết, giao thức, công nghệ, thiết bị và cơ sở hạ tầng, bao gồm các nhà nghiên cứu địa phương và hợp tác nghiên cứu, để xây dựng một cơ sở lâu dài cho nghiên cứu và phát triển về nguồn gen và tri thức truyền thống gắn liền. • Trong phạm vi có thể, tiếp cận và chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ mới nhất. • Các hoạt động cụ thể phân biệt với các hoạt động khác bởi sự tập trung vào thúc đẩy việc cung cấp công nghệ, tiếp nhận, thích ứng, và phổ biến công nghệ. • Trong quá trình đàm phán chuyển giao công nghệ, cần cung cấp thông tin về những công nghệ sẵn có, bao gồm cả chi phí dự kiến, rủi ro, lợi ích, và hạn chế, cơ sở hạ tầng cần thiết, nhân viên, và năng lực, tính bền vững, vv. • Đánh giá trước khả năng thích ứng của những công nghệ tiềm năng được chuyển giao. Nhận thức được, và hành động trên, nhu cầu xây dựng năng lực của người cung cấp và đảm bảo tính bền vững của công nghệ chuyển giao. • Nhận thức, và tuân thủ các quy định có liên quan của các nước cung cấp. • Khuyến khích sự phát triển quan hệ đối tác và/hoặc hệ thống quan hệ hợp tác bao gồm các bên liên quan, khi thích hợp. 		X

TIÊU CHUẨN 6.0: CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ VÀ TRI THỨC	Đối với người cung cấp	Đối với người sử dụng
<p>Lời khuyên hữu ích</p> <ul style="list-style-type: none"> Quá trình dẫn đến chuyển giao công nghệ sẽ khác nhau tùy thuộc vào điều kiện kinh tế-xã hội và văn hóa cũng như các loại hình công nghệ được chuyển giao. Do đó, quá trình này cần phải linh hoạt, có sự tham gia, và theo nhu cầu. Chuyển giao công nghệ, đặc biệt là trong bối cảnh mục tiêu thứ ba của Công ước và Nghị định thư Nagoya, sẽ không hiệu quả nếu được thực hiện như một hoạt động một lần và một chiều, do đó để chuyển giao công nghệ hiệu quả cần có sự tham gia của các bên trong quá trình ra quyết định và sau đó lồng ghép thành sự hợp tác khoa học và công nghệ lâu dài. Khuyến khích xem xét các thỏa thuận chuyển giao công nghệ hiện tại hoặc xem xét các quy định/điều khoản chuyển giao công nghệ trong các thỏa thuận khác. Cũng có thể tiến hành phân tích các mẫu hiện tại cho thỏa thuận/quy định/điều khoản chuyển giao công nghệ chuẩn việc và những thực hành tốt/tốt nhất để áp dụng thỏa thuận/quy định/điều khoản chuyển giao công nghệ. 	X	X

PHẦN II:

Công cụ hỗ trợ

Phần này bao gồm một chuỗi công cụ giúp người sử dụng và cung cấp ABS tham gia đàm phán các thỏa thuận ABS. Những công cụ nhằm bổ sung hướng dẫn và thông tin cho người sử dụng của ABS-MT.

1

LỘ TRÌNH LỒNG GHÉP KHUNG PHÁP LÝ QUỐC GIA VÀ ABS-MT

Lộ trình này nhằm đưa ra những đề xuất để xác định khuôn khổ pháp lý hiện hành và để cải thiện sự chắc chắn pháp lý trước khi bước vào đàm phán ABS. Dưới đây là danh sách các bước xác định các quy định pháp lý có liên quan đối với ABS tại quốc gia có quyền cấp phép tiếp cận. Các nguồn thông tin liên quan khác được cung cấp trong phần II Mục 8 có thể bổ sung thêm cho lộ trình này.

Bước 1

Kiểm tra xem hoạt động nghiên cứu có phải là đối tượng của các yêu cầu về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích hay ở mức độ rộng hơn, nghiên cứu đó có liên quan đến tiếp cận nguồn gen và sử dụng nguyên liệu sinh học hay không. Tùy thuộc vào các yêu cầu pháp lý của từng quốc gia, có thể không phải sử dụng ABS-MT hoặc không xin phê duyệt ABS. Có thể yêu cầu phê duyệt hay giấy phép suu tầm khác.

Bước 2

Kiểm tra xem nguồn gen được truy cập được có thuộc phạm vi quy định của Hiệp ước Quốc tế về Tài nguyên di truyền thực vật cho Lương thực và Nông nghiệp hay không (Hệ thống đa phương về ABS của ITPGRFA) và kiểm tra liệu quốc gia nơi xảy ra sự tiếp cận nguồn gen đã phê chuẩn Hiệp ước chưa. Nếu đây là trường hợp, bạn không cần phải sử dụng ABS-MT hoặc đàm phán một thỏa thuận ABS thuộc khu vực trung tâm. Tuy nhiên, Hiệp định chuyển giao nguyên liệu của Hiệp ước phải được thương lượng và ký kết. Hãy nhớ rằng ITPGRFA không áp dụng cho công nghiệp và dược phẩm. Sử dụng như vậy sẽ mang lại cho Nghị định thư Nagoya vào chơi.

Bước 3

Nếu nguồn gen không được quy định trong ITPGRFA hoặc quốc gia nơi có nguồn gen được tiếp cận không phải là thành viên của Hiệp ước, kiểm tra xem quốc gia đó đã phê chuẩn Công ước chưa.

Bước 4

Xác định luật pháp quốc gia liên quan đến Công ước về Đa dạng sinh học, Nghị định thư Nagoya, và đến tiếp cận và chia sẻ lợi ích. Kiểm tra liệu đã có đầu mối quốc gia hoặc cơ quan thẩm quyền quốc gia đối với Công ước và ABS chưa. Kiểm tra cơ sở dữ liệu về các biện pháp ABS của Công ước Đa dạng sinh học để có thông tin về sự giao lưu trao đổi chính thức giữa các quốc gia về pháp luật ABS. Tìm kiếm thông tin trên Cổng thông tin ABS.

Bước 5

Kiểm tra với các đầu mối quốc gia hoặc cơ quan quốc gia có thẩm quyền về một khuôn khổ pháp lý quốc gia cụ thể, bao gồm cả biện pháp hành chính và chính sách về ABS. Nếu chưa có luật pháp quốc gia liên quan, có thể cấp giấy phép tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể, dựa trên nguyên tắc luật pháp chung hay dựa trên những yêu cầu và thủ tục tương tự. Đồng thời kiểm tra liệu các quốc gia đã quyết định phát triển luật pháp yêu cầu PIC và có xem xét đặc biệt cho mục đích sử dụng cụ thể hoặc các nguồn gen đặc biệt trong khu vực

Bước 6

Xác định các vấn đề về lợi ích như quyền sở hữu nguồn gen, quyền sử dụng đất, quyền của cộng đồng bản địa và địa phương trong cả nước, cũng như năng lực hành chính, hệ thống cấp phép sử dụng tài nguyên thiên nhiên, và luật thương mại và hợp đồng có liên quan, vv. Quy trình ABS có thể được kết hợp với việc cấp giấy phép cho các hoạt động khác (ví dụ, nghiên cứu, xuất khẩu, bộ sưu tập, Công ước CITES, vv).

Bước 7

Liên hệ với đầu mối quốc gia để được hướng dẫn đến cơ quan thẩm quyền quốc gia để được cung cấp thông tin về:

- a) thỏa thuận thông báo trước
- b) điều khoản đồng thuận giữa các bên
- c) quy định chia sẻ lợi ích
- d) thông tin liên quan khác

Những thông tin này bao gồm các thủ tục cần thiết để đạt được thỏa thuận thông báo trước hoặc sự phê duyệt và sự tham gia của người dân bản địa và cộng đồng địa phương, cơ quan thẩm quyền của người dân bản địa và cộng đồng địa phương, các điều khoản hợp đồng mẫu và quy tắc ứng xử và thực hành tốt nhất, và những thông tin về nghĩa vụ của người sử dụng tiềm năng liên quan đến việc sử dụng tri thức truyền thống gắn liền với nguồn gen, và những thông tin khác.

Bước 8

Thu thập thông tin từ các nguồn liên quan ở địa phương (như các tổ chức đối tác) và các chuyên gia pháp lý.

Bước 9

Thu thập thông tin về kinh nghiệm thực tế của đồng nghiệp và người sử dụng khác cũng như thông tin về khung pháp lý quốc gia.

Các thỏa thuận ABS là hợp đồng giữa người sử dụng và người cung cấp nguồn gen, quy định quyền và nghĩa vụ của các bên, bao gồm những điều khoản tiếp cận nguồn gen và những lợi ích đem lại liên quan đến việc tiếp cận.

Một số loại thỏa thuận ABS thường được sử dụng được liệt kê dưới đây³². Nhiều thỏa thuận ABS trong thực tế kết hợp cùng lúc nhiều loại thỏa thuận ABS được liệt kê dưới đây, tùy thuộc vào từng bối cảnh cụ thể của nguồn gen là đối tượng thỏa thuận và mối quan hệ giữa người sử dụng và người cung cấp nguồn gen đó.

A. Các loại thỏa thuận ABS

Biên bản ghi nhớ hay Thỏa thuận khung

Các thỏa thuận này ghi nhớ sự thỏa thuận ban đầu về khung hợp tác tổng thể được đề xuất bao gồm các sắp xếp thương mại có thể áp dụng, và đảm bảo rằng các cuộc đàm phán trong tương lai về chi tiết của hợp đồng hoặc giấy phép được dựa trên sự hiểu biết rõ ràng;

Thỏa thuận bảo mật hay Thỏa thuận không tiết lộ thông tin

Các thỏa thuận này yêu cầu bên nhận thông tin không được tiết lộ thông tin liên quan đến chẳng hạn nguồn gốc của nguồn gen, các tri thức truyền thống hay bí quyết đi kèm, có thể được sử dụng để tiếp cận nguồn gen nhằm mục đích định giá, phát triển hợp tác nghiên cứu, hoặc là điều kiện để tuyển dụng; những thỏa thuận này thường giới hạn mục đích sử dụng các thông tin đề cập trên đây – tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể, có thể giới hạn mục đích sử dụng ở định giá, nghiên cứu hoặc các mục đích phi thương mại, hoặc giới hạn ở những mục đích nhất định đã được thỏa thuận.

Thỏa thuận nghiên cứu hoặc Thỏa thuận nghiên cứu phát triển

Các thỏa thuận này xác định các đầu vào khác nhau đối với hoạt động nghiên cứu phát triển, bao gồm vốn, nguyên liệu (bao gồm nguồn gen) và các đóng góp trí tuệ; xác định các trách nhiệm khác nhau có liên quan đến việc thực hiện nghiên cứu phát triển sản phẩm và các quy trình mới; và xác định cách thức quản lý và chia sẻ các lợi ích tiền tệ và phi tiền tệ từ hoạt động nghiên cứu phát triển.

Thỏa thuận chuyển giao nguyên liệu (MTA)³³

Những công cụ phổ biến trong các mối quan hệ đối tác nghiên cứu thương mại và nghiên cứu khoa học bao gồm sự chuyển giao nguyên liệu sinh học, chẳng hạn như giống cây, vi sinh vật và quy trình nuôi cấy tế bào. Trong hầu hết các MTA, người cung cấp đồng ý cung cấp nguyên liệu vật lý đã được xác định cho người nhận và người nhận đồng ý giới hạn việc sử dụng đối với nguyên liệu hoặc sự cải thiện và phát sinh của nguyên liệu;

³² Một số thông tin được cung cấp trong phần này dựa trên tài liệu của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), W IPO/GRTKF/IC/7/9 tháng 7 2004. Nguồn gen: Dự thảo Hướng dẫn Sở hữu trí tuệ về Tiếp cận và Chia sẻ công bằng (văn bản được Ban thư ký soạn thảo).

³³ Thông tin thêm về MTA và những ví dụ về cách thức áp dụng MTA trong đàm phán ABS được trình bày trong Phần III, Mục 4.

Thỏa thuận cấp phép

Thỏa thuận cấp phép quy định những ứng dụng nhất định đối với nguyên liệu hoặc quyền mà người cung cấp được quyền cung cấp, chẳng hạn như các thỏa thuận cấp phép sử dụng nguồn gen làm công cụ nghiên cứu hoặc cấp phép sử dụng tri thức truyền thống gắn với nguồn gen hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác.

Các ví dụ về 2 loại thỏa thuận, Thỏa thuận chuyển giao nguyên liệu và Hợp đồng ABS được trình bày dưới đây.

Ngoài ra, các đường link về nguồn thông tin, MTA và hợp đồng ABS được trình bày trong Mục 8 dưới đây, bao gồm dữ liệu của WIPO về MTA và hợp đồng ABS (bao gồm MTA của Viện ung thư quốc gia, Trung tâm CGIAR... (xem link www.wipo.int/tk/en/databases/contracts/).

B. Các yếu tố ảnh hưởng đến Nội dung của Thỏa thuận ABS

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến các thành phần và nội dung cơ bản của thỏa thuận ABS. Một số yếu tố ảnh hưởng được trình bày dưới đây.

<p>Luật pháp áp dụng:</p>	<p>Thành phần của Thỏa thuận chuyển giao nguyên liệu hoặc hợp đồng ABS chịu ảnh hưởng của yếu tố luật pháp quốc tế, khu vực hay quốc gia có liên quan. Sự đa dạng của luật pháp quốc gia – cả luật pháp về ABS/nguồn gen và luật pháp về hợp đồng – và sự đa dạng của các mối quan tâm trên thực tế của người cung cấp và người nhận chuyển giao dẫn đến nhiều lựa chọn đa dạng khi đàm phán và soạn thảo các điều khoản trong thực tế của MTA và hợp đồng ABS. Trước khi tham gia vào thỏa thuận hợp đồng có tính ràng buộc về mặt pháp luật trong đó đặt ra các điều khoản đồng thuận về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích, tất cả các bên tham gia hợp đồng cần được tư vấn về mặt pháp lý của chuyên gia.</p>
<p>Nguồn gen:</p>	<p>Nguồn gen có thể gồm nhiều vật liệu di truyền đa dạng, có nguồn gốc thực vật, động vật hay vi sinh vật. Vật liệu di truyền có thể có giá trị thực tế dễ thấy; có giá trị tiềm năng cao; giá trị có thể chưa được kiểm định hoặc chưa được xác định chắc chắn; hoặc vật liệu di truyền có thể có những ứng dụng và giá trị không xác định trước được, phát sinh bất ngờ và không thể dự đoán đối với các ngành khác nhau.</p>

Người cung cấp và người sử dung:

Người cung cấp và người sử dụng có thể thuộc nhà nước (các bộ ngành, cơ quan chính phủ (ở cấp quốc gia, khu vực hoặc địa phương), bao gồm các cơ quan chịu trách nhiệm quản lý vườn quốc gia và đất công); các ngành thương mại, công nghiệp (các doanh nghiệp dược phẩm, thực phẩm, nông nghiệp, trồng trọt và mỹ phẩm); các tổ chức nghiên cứu (các trường đại học, ngân hàng gen, vườn thực vật, bộ sưu tập vi sinh vật); cơ sở lưu giữ nguồn gen và người nắm giữ tri thức truyền thống (các hiệp hội thầy thuốc, người dân bản địa và cộng đồng địa phương, các tổ chức của người dân, các cộng đồng canh tác truyền thống); và các đối tượng khác (người sở hữu đất tư nhân, các nhóm bảo tồn...).

Bản chất mối quan hệ

Trong một giao dịch hay mối quan hệ hợp tác cụ thể, thì bản chất và các điều khoản hợp đồng có thể được soạn thảo phù hợp với nhu cầu của 2 bên nhằm tạo ra được một mối quan hệ hợp tác/giao dịch tối ưu. Các bên đàm phán thông thường sẽ được tư vấn trước tiên về thỏa thuận hay quan hệ đối tác thực tế mà các bên mong muốn tham gia, sau đó sẽ xem xét thỏa thuận sẽ được thể hiện bằng những điều khoản có tính pháp lý. Cách làm này sẽ hiệu quả hơn so với việc chỉ giới hạn phạm vi hợp tác và chia sẻ lợi ích trong một mô hình có sẵn. Những thảo luận và tiền lệ có từ trước có thể được sử dụng để tham khảo về các phương án lựa chọn và sẽ không đóng vai trò quyết định các phương án lựa chọn của người cung cấp và người nhận trong các tình huống. Tất cả các bên thông thường sẽ cần phải tìm chuyên gia tư vấn có kinh nghiệm về (các) hệ thống pháp luật quốc gia có liên quan, theo đó³⁴:

- a) Đảm bảo thỏa thuận phản ánh đúng đắn nội dung dự án tiếp cận hoặc mối quan hệ hợp tác nghiên cứu;
- b) Xác định rõ các quyền và nghĩa vụ có hợp lý, công bằng và hợp pháp hay không, và xác định rõ các nghĩa vụ theo thỏa thuận có thể được thực hiện khi cần thiết hay không và cách thức thực hiện.

Những thông tin như vậy không thể có được từ các thỏa thuận mẫu hoặc thỏa thuận thực tế của các định chế hay tổ chức khác; mối quan hệ đối tác đang được xây dựng làm cơ sở cho các cuộc đàm phán hợp đồng (không phải là các thỏa thuận được xây dựng trong những bối cảnh khác) càng cụ thể thì thỏa thuận đạt được càng khả thi và đảm bảo lợi ích cả đôi bên.

³⁴ WIPO, op cit.

3

THỎA THUẬN CHUYỂN GIAO NGUYÊN LIỆU (MTA)

Mục đích của MTA là quy định về chuyển giao nguồn gen cho mục đích nghiên cứu hoặc thương mại hóa cũng như quy định quyền và nghĩa vụ của cả bên cung cấp và bên sử dụng, bao gồm những lợi ích có thể phát sinh từ việc thương mại hóa. Ví dụ về loại văn kiện được sử dụng trong đàm phán ABS này được trình bày dưới đây. Văn kiện được xây dựng để phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi trường hợp và không nhất thiết phải xử lý đầy đủ toàn bộ yêu cầu của các bên tham gia đàm phán ABS. Do vậy, văn kiện này trình bày những thành phần có thể sẽ được xem xét khi xây dựng MTA.

Phụ lục 1 trong Hướng dẫn Bonn trình bày những thành phần gợi ý cho một Thỏa thuận chuyển giao nguyên liệu. Các thành phần của MTA trình bày dưới đây giống với MTA trong Hướng dẫn Bonn, bên cạnh đó còn bổ sung thêm nội dung và định hướng.

Các thành phần của Thỏa thuận chuyển giao nguyên liệu

Thỏa thuận này quy định về việc chuyển giao (các) nguyên liệu được đề cập trong Phụ lục 1 từ Người cung cấp (Tên người cung cấp) cho Người nhận (Tên người sử dụng) với mục đích **nghiên cứu khoa học phi thương mại/ HOẶC mục đích nghiên cứu thương mại.**

THEO ĐÓ, (Tên người cung cấp) sẽ cung cấp (Tên người nhận) những nguyên liệu cụ thể được đề cập dưới đây (sau đây sẽ được gọi tắt là “nguyên liệu”);

Người nhận mong muốn đánh giá nguyên liệu trong nghiên cứu của mình;

.... (những mục đích khác)

Sau khi xem xét các cam kết và giao ước giữa hai bên trong Thỏa thuận này, các Bên thống nhất lập thỏa thuận với nội dung sau:

CÁC ĐIỀU KHOẢN CỦA THỎA THUẬN

“Nguyên liệu” có nghĩa là nguyên liệu sinh học hoặc hóa học xuất phát từ tài nguyên sinh học có trong đa dạng sinh học (tên quốc gia) bao gồm sinh vật sống hoặc đã chết, chiết xuất, phần tử, hợp chất thiên nhiên được cô lập như protein, enzym, chất béo, chất cacbon, axit nucleic, chất chuyển hóa sơ cấp và thứ cấp, và các vật liệu khác; vi sinh vật được cô lập, thông tin di truyền, gen nhân bản, axit nucleic cường hóa, hoặc vật liệu xuất phát từ vật liệu của mỗi Bên; hoặc nguyên liệu sinh học biến đổi gen Phụ lục 1 trình bày các nguyên liệu thuộc phạm vi Thỏa thuận này³⁵.

“Người nhận” là.....

³⁵ Thỏa thuận chuyển giao nguyên liệu không áp dụng đối với việc chuyển giao vật liệu di truyền của con người, nằm ngoài phạm vi của Công ước Đa dạng sinh học

“Người cung cấp” là.....

“Bên” nghĩa là Người cung cấp và/hoặc Người nhận

“Các Bên” nghĩa là Người cung cấp và Người nhận

“Bên thứ ba” nghĩa là một bên không phải là Người cung cấp và Người nhận.

Bên cung cấp đồng ý chuyển giao Nguyên liệu như trình bày trong Phụ lục 1 cho:....

Không có quyền đối với bất kỳ tài sản trí tuệ của (Tên Quốc gia) hoặc quyền đối với bất kỳ tài liệu hoặc thông tin bí mật khác được cung cấp bởi (Tên người cung cấp) đến (Tên người nhận) theo Thỏa thuận này được cấp hay xem như kết quả của việc cung cấp nguyên liệu này (Người nhận), trừ khi được đề cập ở đây.

(Tên người nhận) sẽ sử dụng (các) Nguyên liệu chỉ cho nghiên cứu phi thương mại và nghiên cứu khoa học sau: *Mô tả các hoạt động nghiên cứu được thực hiện trên các Nguyên liệu*

Nếu người nhận mong muốn sử dụng Nguyên liệu cho mục đích thương mại, Người nhận đồng ý trước với mục đích sử dụng đó, tham gia đàm phán với Người cung cấp để thiết lập các điều khoản của giấy phép thương mại. Chi tiết về chia sẻ lợi ích sẽ được quy định trong một thỏa thuận riêng, và được đàm phán một cách thiện chí với các Bên tham gia.

Người nhận có thể chuyển giao (các) nguyên liệu, đạt được theo Thỏa thuận này, chỉ với sự cho phép trước bằng văn bản từ Người cung cấp và chỉ được sử dụng cho mục đích khoa học và phi thương mại. Tất cả các điều khoản và điều kiện của Thỏa thuận này sẽ áp dụng chung công bằng cho các bên thứ ba. Người nhận có trách nhiệm đảm bảo sự tuân thủ của các bên thứ ba. Biên bản với quy định “Tài liệu này đã được tiếp nhận theo một Thỏa thuận chuyển giao nguyên liệu trong đó bao gồm các điều khoản và điều kiện sử dụng dành cho Bên thứ ba” sẽ áp dụng cho tất cả các chuyển giao. Việc tái sản xuất hay nhân vật liệu cũng bị cấm, trừ trường hợp có giấy phép trước bằng văn bản của....*Tùy chọn cho phép chuyển giao chỉ với thông báo trước hoặc không có hạn chế.*

Các bên công nhận quyền của nhau về trình bày hoặc công bố thông tin liên quan đến nguyên liệu. Bất cứ sự công bố thông tin trên các tạp chí khoa học sẽ phải có sự đồng thuận của Bên kia, sự đồng thuận này không được từ chối một cách bất hợp lý và phải được thông báo cho Bên yêu cầu công bố trong vòng 30 ngày kể từ ngày được yêu cầu đồng thuận từ Bên yêu cầu công bố. Hơn nữa, các Bên đồng ý xóa bất kỳ thông tin bí mật thuộc sở hữu của Người cung cấp trong công bố đề xuất phải có yêu cầu bằng văn bản đến Người cung cấp. Nếu công bố đề xuất bao gồm những thông tin yêu cầu bảo hộ sáng chế, các Bên sẽ đồng thuận trì hoãn việc công bố lên đến sáu mươi (60) ngày kể từ khi nhận được đề xuất xuất bản để có thời gian hoàn thiện hồ sơ xin cấp bằng sáng chế.

Người nhận sẽ thừa nhận Thỏa thuận này và những đóng góp của các nhà nghiên cứu thuộc Bên cung cấp trong tất cả và bất kỳ ấn phẩm hoặc thuyết trình liên quan đến sử dụng các nguyên liệu nhận được (s).

Người nhận đồng ý cung cấp báo cáo về những đánh giá, phân tích và/hoặc nghiên cứu các nguyên liệu dưới hình thức tóm tắt bằng văn bản tất cả các kết quả thí nghiệm và các dữ liệu được tạo ra khi sử dụng Nguyên liệu (“Báo cáo”). Người nhận đồng ý cung cấp báo cáo trong vòng ba mươi (30) ngày hoặc (i) sau khi kết thúc tiến hành điều tra, hoặc (ii) sau khi kết thúc Thỏa thuận này, tùy thuộc thời điểm nào sớm hơn. Nội dung của Báo cáo này sẽ được giữ kín.

(Các) nguyên liệu được hiểu là thử nghiệm về bản chất. Người cung cấp không đưa ra bất kỳ hình thức bảo đảm, dù thể hiện hay ngụ ý. Người cung cấp sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ thiệt hại nào do nguyên liệu gây ra, ví dụ, bằng nhưng thiệt hại do sử dụng sai hoặc xử lý lơ là. Người nhận sẽ bảo đảm cho Người cung cấp không chịu tác động từ bất kỳ khiếu nại, hành động, thiệt hại hoặc chi phí nào phát sinh từ hoặc liên quan đến việc sử dụng của người Nhận (các) Nguyên liệu nhận được.

Những sửa đổi đối với Thỏa thuận này phải được chấp thuận bằng văn bản bởi tất cả các Bên tham gia Thỏa thuận này.

Quyền và nghĩa vụ theo Thỏa thuận này, sẽ không được giao hoặc chuyển nhượng, trực tiếp hoặc gián tiếp, toàn bộ hoặc một phần, bởi một trong hai bên, mà không có sự đồng thuận trước bằng văn bản của cả hai Bên, đồng thuận này có thể được cấp hoặc giữ lại theo quyết định duy nhất và tuyệt đối của mỗi Bên;

Thỏa thuận này và quyền và nhiệm vụ như được đề cập trên đây của các Bên được sẽ được giải thích theo luật pháp của

Các Bên đại diện và đảm bảo rằng mỗi Bên đều có thẩm quyền để thực hiện các nghĩa vụ được quy định trong Thỏa thuận này mà không vi phạm bất kỳ nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc theo luật định đối với Bên còn lại thỏa thuận này cấu thành trên cơ sở tất cả những thỏa thuận và hiểu biết giữa các Bên tham gia đối với vấn đề được đề cập. Thỏa thuận kết hợp và thay thế tất cả các thỏa thuận và hiểu biết trước đây giữa hai bên.

Khi kết thúc hoặc chấm dứt Hiệp định này và theo yêu cầu của các nhà cung cấp, người Nhận đồng ý (i) tiêu hủy bất kỳ Nguyên liệu còn lại, và (ii) trả lại tất cả tài liệu và các mặt hàng hữu hình khác có chứa hoặc đại diện cho thông tin bí mật được cung cấp bởi các Người cung cấp, và tất cả các bản sao liên quan. Người nhận có thể giữ một bản sao của nguyên liệu và tài liệu đó để lưu hồ sơ.

Theo Hiệp định này, người nhận có thể giữ lại nguyên liệu để sử dụng trong trong thời hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày nhận được nguyên liệu. Mọi nghĩa vụ sẽ chấm dứt sau khoảng thời gian đó. Tuy nhiên, nghĩa vụ quy định tại **Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, và 16 của Hiệp định này sẽ vẫn có hiệu lực.**

Lời khuyên dành cho người sử dụng và người cung cấp khi thực hiện đàm phán ABS:

Người sử dụng nên:

- **Bắt đầu đàm phán bằng những cơ chế pháp lý phù hợp** nhằm bảo vệ lợi ích của mình như thỏa thuận không tiết lộ thông tin. Cần phải được tư vấn về mặt pháp lý và có đầy đủ thông tin về đối tác. Hình dung bên còn lại là đối tác tiềm năng (và đáng tin cậy).
- **Duy trì liên lạc với đối tác tiềm năng.** Giữ liên lạc qua điện thoại hoặc các cuộc gặp trực tiếp nếu có thể để trao đổi toàn bộ thông tin liên quan cần thiết cho việc phát triển một mối quan hệ hợp tác ABS tiềm năng. Nếu dự án ABS bao gồm hợp phần hợp tác nghiên cứu, thì cần phải có một kế hoạch nghiên cứu rõ ràng.
- **Sau khi chia sẻ những thông tin chung** và nếu có tiềm năng hợp tác/cung cấp mẫu, thì có thể bắt đầu soạn thảo thỏa thuận sử dụng các mẫu trước đây, các hợp đồng mẫu hoặc các công cụ hỗ trợ của ABS-MT. Tuy nhiên, các cuộc đàm phán ABS luôn có đặc điểm riêng.
- **Sau khi đã có đủ sự thống nhất/hiểu rõ về hầu hết các điều khoản đồng thuận,** bao gồm các điều khoản về tài chính, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên... gửi bảo thảo thỏa thuận đến cho đối tác và bắt đầu đàm phán những vấn đề hóc búa vẫn chưa đạt được sự thống nhất hoặc còn có những chi tiết cần phải được thống nhất. Tiếp tục duy trì liên lạc thường xuyên với đối tác sau khi gửi/nhận thỏa thuận. Dành thời gian nghiên cứu các điều khoản và đề xuất một cách thận trọng nhưng không nhất thiết phải trì hoãn quá lâu khi trả lời đối tác. Tránh sự không rõ ràng và minh bạch trong các điều khoản đồng thuận.
- **Lưu ý các định nghĩa, hoạt động do mỗi bên thực hiện** (đảm bảo có đủ năng lực và quyền về mặt pháp lý để thực hiện nghiên cứu hoặc cung cấp mẫu); các điều khoản về chia sẻ lợi ích (thời điểm, mức độ và khoảng thời gian chia sẻ lợi ích); quyền sở hữu trí tuệ; nghĩa vụ báo cáo; chuyển giao cho bên thứ ba các mẫu và kết quả nghiên cứu; thời hạn; và các nghĩa vụ lưu tồn. Nếu còn vấn đề thắc mắc, hãy tìm sự tư vấn thích hợp.
- **Kinh nghiệm cho thấy sẽ hữu ích khi thống nhất về mặt nguyên tắc** đối với những phần quan trọng và/hoặc hóc búa của hợp đồng trước khi thống nhất những điều khoản ít quan trọng/hóc búa. Chẳng hạn, có thể có phần theo dõi trong một “bảng các điều khoản” xử lý các điều khoản như các nguồn gen cụ thể được tiếp cận hoặc chuyển giao được thống nhất về nguyên tắc. Những điều khoản này có thể được đưa vào hợp đồng dự thảo xử lý các điều khoản để thống nhất hơn chẳng hạn như điều khoản về thời hạn hợp đồng.

Người cung cấp nên³⁶:

- **Phải có chính sách tổ chức rõ ràng** đối với các tiêu chí cần thiết trong việc tìm kiếm đàm phán hợp đồng. Chính sách này sẽ giúp đưa ra các quy định về yêu cầu tối thiểu để bắt đầu tham gia đàm phán. Chính sách tổ chức đưa ra sự minh bạch và chắc chắn cho các cuộc đàm phán trong tương lai.
- **Năng lực của nền khoa học quốc gia** và, theo đó là khả năng gia tăng giá trị cho các thành phần đa dạng sinh học sẽ làm tăng sức mạnh đàm phán và khả năng chia sẻ lợi ích được quy định trong các thỏa thuận hợp đồng. Những năng lực này cần phải làm gia tăng giá trị cho nguyên liệu, chiết xuất... Đây là vấn đề rất quan trọng nếu người cung cấp không muốn chỉ đơn thuần là người cung cấp nguồn gen.
- **Hiểu biết những thay đổi và chuyển biến** diễn ra trong ngành và các quá trình khoa học công nghệ đằng sau những chuyển biến sẽ giúp xác định các cơ chế tiếp cận và chia sẻ lợi ích. Cần có hiểu biết về các thức các thị trường vận hành và về các hoạt động tiếp cận và chia sẻ lợi ích diễn ra trên các thị trường này vì những điều này thay đổi tùy thuộc vào ngày và các động lực kinh tế của thị trường thực phẩm dinh dưỡng, cây cảnh, bảo vệ thực vật, mỹ phẩm, dược phẩm là phức tạp và đa dạng. Người cung cấp cần những kiến thức này để đàm phán tiền bản quyền và các điều khoản thanh toán khác.
- **Năng lực đàm phán**, bao gồm kỹ năng tham vấn và pháp lý về các khía cạnh luật pháp chủ chốt liên quan đến các vấn đề môi trường và thương mại. Một trong những yếu tố chủ chốt cần nắm được là các cuộc đàm phán bao gồm khía cạnh khoa học (có vai trò quan trọng trong việc xác định các lĩnh vực quan tâm chẳng hạn như sản phẩm...); khía cạnh *thương mại*; khía cạnh *đàm phán*; và các khía cạnh *pháp lý* liên quan. Khía cạnh pháp lý không chỉ liên quan đến luật thương mại quốc gia, mà còn liên quan đến luật môi trường quốc tế, giải quyết tranh chấp và sở hữu trí tuệ. Vì những lý do này, việc thành lập nhóm làm việc toàn diện đóng vai trò quan trọng.
- **Năng lực đổi mới sáng tạo** để thu được lợi ích. Có rất nhiều lợi ích tiềm năng tồn tại. Và các thỏa thuận hợp đồng sẽ cho phép các bên có sự lựa chọn phù hợp với tình hình trong từng trường hợp cụ thể và từ đó tiếp tục soạn thảo các quy định và điều khoản mới.
- **Hiểu rõ những vấn đề** như: quyền sở hữu trí tuệ; tầm quan trọng của sự đảm bảo về mặt luật pháp; những quy định về phương thức ước tính lợi ích (lợi ích thuần, lợi ích gộp...); những yêu cầu và giới hạn đối với việc chuyển nhượng nguyên liệu cho bên thứ ba (bao gồm cả các công ty con...) và nghĩa vụ của các bên; xác định rõ các định nghĩa nếu các định nghĩa này là điều kiện và cơ sở xác định các nghĩa vụ quan trọng khác (sản phẩm, chiết suất, nguyên liệu, đơn vị hóa học...); xác định rõ quyền sở hữu (quyền sở hữu trí tuệ và các quyền sở hữu khác) đối với các kết quả nghiên cứu và các mối quan hệ hợp tác...; các điều khoản về bảo mật trong các thỏa thuận và cách thức cân bằng giữa việc bảo mật

³⁶ Những lời khuyên trên đây chủ yếu dành cho người cung cấp có năng lực khoa học công nghệ, có thể tăng thêm giá trị cho nguồn gen.

và nhu cầu minh bạch các điều khoản trong thỏa thuận hợp đồng; việc chấm dứt các nghĩa vụ và định nghĩa hiệu lực lưu tồn của quyền và nghĩa vụ (gồm tiền bản quyền, bảo mật....); và giải quyết tranh chấp.

- **Chủ động dựa trên các chính sách tổ chức.** Không nên thụ động chờ đợi các công ty khác chủ động tiếp cận và đàm phán. Tích cực đàm phán dựa trên chính sách đã được xác định của chính tổ chức có thể đem lại những lợi ích quan trọng.
- **Nắm rõ nhu cầu quốc gia và địa phương** về công nghệ, đào tạo và hợp tác nghiên cứu. Cần phải thiết lập những mối quan hệ hợp tác quốc tế chiến lược. Ngay cả khi một tổ chức hay một cộng đồng có đủ nguồn lực để đáp ứng nhu cầu nhất định, thì việc hiểu rõ tình hình của quốc gia và các nhu cầu chiến lược sẽ giúp có được các thỏa thuận có lợi hơn và không chỉ đơn thuần đạt được lợi ích của tổ chức mà còn đem lại lợi ích cho xã hội nói chung và thể hiện khả năng của thiện chất lượng sống của xã hội nói riêng.
- **Tìm kiếm những lợi ích chắc chắn và tức thời** có giá trị cao đối với người cung cấp và chi phí thấp với người sử dụng.
- Mấu chốt của một mối quan hệ hợp tác công bằng và lâu bền là sự hiểu biết lẫn nhau về giá trị của những đóng góp của mỗi bên – một mặt là giá trị của nguồn gen và tri thức truyền thống đi kèm được cung cấp và mặt khác là giá trị của các nghiên cứu, phát triển, quản trị rủi ro và đầu tư dựa trên sử dụng nguồn gen. Mỗi bên cần nắm rõ những hạn chế của những đóng góp của mình đối với một thỏa thuận tiềm năng cũng như những khía cạnh có giá trị của những đóng góp này. Chẳng hạn, sẽ rất có ích nếu hai bên nhận thức được những kỳ vọng và quan điểm khác nhau về giá trị mà mỗi bên đem ra thảo luận³⁷.
- Trước khi tham gia vào các cuộc đàm phán về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích, người cung cấp nguồn gen và tri thức truyền thống đi kèm cần xác định và rà soát một cách hệ thống các tài sản có thể cung cấp. Sự đánh giá có thể cho ra một kết quả kiểm kê, tách biệt giữa tài nguyên vật chất và tài nguyên tri thức. Việc xác định và rà soát nói trên có thể xác định tài nguyên mà người cung cấp không muốn cho phép tiếp cận hoặc tài nguyên có thể được để dành cho tiếp cận về sau nếu mối quan hệ hợp tác được xây dựng thành công. Điều này sẽ tạo ra cơ hội tiếp cận người cung cấp để xác định và đạt được những kết quả toàn diện hơn³⁸.

Người cung cấp nguồn gen sẽ có lợi trong các cuộc đàm phán nếu **nhận thức và nắm bắt được cách thức người tiếp nhận tiềm năng đánh giá nguồn gen và tri thức truyền thống đi kèm**. Các yếu tố có thể được sử dụng gồm có³⁹:

nguồn cung cấp thay thế - nguồn cung cấp nguyên liệu mà người tiếp nhận quan tâm và chi phí cũng như điều kiện tiếp cận đối với những nguồn cung cấp thay thế này?

³⁷ WIPO, op cit.

³⁸ WIPO, op cit.

³⁹ WIPO, op cit.

khả năng thương mại hóa – chi phí, thời gian, tài chính, nguồn lực khoa học và nguồn nhân lực của các khoản đầu tư nghiên cứu phát triển để tạo ra một sản phẩm có thể bán trên thị trường.

rủi ro thất bại về mặt kỹ thuật – triển vọng đạt được một sản phẩm đem lại doanh thu xét từ quan điểm khoa học?

rủi ro về luật pháp – triển vọng và chi phí để được cấp phép bán sản phẩm ra thị trường?

cơ hội đầu tư thay thế – có các cơ hội đầu tư khác mang lại lợi suất cao hơn với rủi ro thấp hơn hay không?

quyền cung cấp sự đồng ý – người cung cấp có quyền đồng ý với thỏa thuận thông báo trước hay không? và các bên khác hoặc chính quyền có yêu cầu sự đồng ý hay không?

5

NHỮNG YÊU CẦU VỀ THÔNG TIN ĐỐI VỚI PIC

Dưới đây là những gợi ý, có thể được áp dụng phù hợp với hoàn cảnh quốc gia; đây không được xem là những yêu cầu bắt buộc.

- Tư cách pháp nhân của người nộp đơn xin tiếp cận và/hoặc người sưu tập và người liên lạc khi người nộp đơn là một tổ chức.
- Loại và số lượng nguồn gen xin tiếp cận.
- Ngày bắt đầu và thời gian của hành động.
- Khu vực thăm dò địa lý.
- Những đánh giá tác động của hoạt động tiếp cận đối với bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học để xác định chi phí và lợi ích của việc cấp giấy phép tiếp cận.
- Những đánh giá sự hỗ trợ của các hoạt động tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích đối với bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên sinh học.
- Những thông tin chính xác liên quan đến việc mục đích sử dụng (ví dụ, phân loại, thu thập, nghiên cứu và thương mại hóa).
- Địa điểm được xác định tiến hành nghiên cứu và phát triển.
- Thông tin về cách thức tiến hành nghiên cứu và phát triển.
- Các cơ quan địa phương được xác định tham gia cộng tác trong nghiên cứu và phát triển.
- Sự tham gia có thể của bên thứ ba.
- Mục đích thu thập, nghiên cứu và kết quả mong đợi.
- Các loại lợi ích có thể đạt được từ tiếp cận nguồn gen, bao gồm cả lợi ích từ các dẫn xuất và các sản phẩm phát sinh từ việc sử dụng nguồn gen cho mục đích thương mại và cho các mục đích khác.
- Chỉ định các thỏa thuận chia sẻ lợi ích.
- Cơ chế giám sát được xây dựng và áp dụng.
- Ngân sách.
- Quy định đối với thông tin mật.

Dưới đây là danh các lợi ích ngắn hạn, trung hạn và dài hạn như được đề cập trong Phụ lục II của Hướng dẫn Bonn và trong Phụ lục của Nghị định thư Nagoya.

NGẮN HẠN

- Chi phí tiếp cận/mẫu thu thập hay đạt được
- Chi trước
- Lệ phí đặc biệt trả cho các tổ chức ủy thác hỗ trợ bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học
- Lương và các điều khoản ưu đãi mà hai bên thỏa thuận
- Sự cộng tác, hợp tác và đóng góp trong giáo dục và đào tạo (ngắn, trung, hoặc dài hạn)
- Sự cho phép tiếp cận các cơ sở chuyển chỗ của nguồn gen và tiếp cận cơ sở dữ liệu
- Chuyển giao cho người cung cấp nguồn gen của tri thức và công nghệ theo các điều khoản công bằng và thuận lợi nhất, bao gồm các điều khoản ưu đãi theo thỏa thuận, đặc biệt, kiến thức và công nghệ có sử dụng nguồn gen, bao gồm công nghệ sinh học, hoặc kiến thức và công nghệ có liên quan đến bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học; (ngắn, trung, hoặc dài hạn)
- Đào tạo về nguồn gen với sự tham gia đầy đủ của bên cung cấp, nếu có thể (ngắn, trung, hoặc dài hạn)
- Tiếp cận thông tin khoa học có liên quan đến bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học, bao gồm cả những nghiên cứu về lưu giữ và phân loại sinh học (ngắn hoặc trung hạn)
- Nghiên cứu về nhu cầu ưu tiên, chẳng hạn như sức khỏe và an ninh lương thực, quan tâm đến việc sử dụng trong nước nguồn gen của các nước cung cấp
- Mối quan hệ thể chế và chuyên nghiệp có thể phát sinh từ thỏa thuận tiếp cận và chia sẻ lợi ích và các hoạt động hợp tác; (ngắn hoặc trung hạn)

NGẮN HẠN

- Sự cộng tác, hợp tác và đóng góp vào các chương trình nghiên cứu khoa học và phát triển, đặc biệt là các hoạt động nghiên cứu về công nghệ sinh học, nếu có thể tại các quốc gia cung cấp; (ngắn hoặc trung hạn)
- Chi phí tiếp cận/mẫu thu thập hay đạt được
- Chi trước
- Lệ phí đặc biệt trả cho các tổ chức ủy thác hỗ trợ bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học
- Lương và các điều khoản ưu đãi mà hai bên thoả thuận
- Sự cộng tác, hợp tác và đóng góp trong giáo dục và đào tạo (ngắn, trung, hoặc dài hạn)
- Sự cho phép tiếp cận các cơ sở chuyển chỗ của nguồn gen và tiếp cận cơ sở dữ liệu
- Chuyển giao cho người cung cấp nguồn gen của tri thức và công nghệ theo các điều khoản công bằng và thuận lợi nhất, bao gồm các điều khoản ưu đãi theo thỏa thuận, đặc biệt, kiến thức và công nghệ có sử dụng nguồn gen, bao gồm công nghệ sinh học, hoặc kiến thức và công nghệ có liên quan đến bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học; (ngắn, trung, hoặc dài hạn)
- Đào tạo về nguồn gen với sự tham gia đầy đủ của bên cung cấp, nếu có thể (ngắn, trung, hoặc dài hạn)
- Tiếp cận thông tin khoa học có liên quan đến bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học, bao gồm cả những nghiên cứu về lưu giữ và phân loại sinh học (ngắn hoặc trung hạn)
- Nghiên cứu về nhu cầu ưu tiên, chẳng hạn như sức khỏe và an ninh lương thực, quan tâm đến việc sử dụng trong nước nguồn gen của các nước cung cấp
- Mối quan hệ thể chế và chuyên nghiệp có thể phát sinh từ thỏa thuận tiếp cận và chia sẻ lợi ích và các hoạt động hợp tác; (ngắn hoặc trung hạn)

TRUNG HẠN

- Kinh phí nghiên cứu; (trung hoặc dài hạn)
- Thanh toán một khoản lớn; (trung hoặc dài hạn)
- Phí giấy phép trong trường hợp thương mại hóa; (trung hoặc dài hạn)
- Chia sẻ kết quả nghiên cứu và phát triển; (trung hoặc dài hạn)
- Nguồn nhân lực, vật lực để tăng cường năng lực quản lý và thực thi các quy định về tiếp cận, (trung hoặc dài hạn)
- Sự tham gia trong phát triển sản phẩm; (trung hoặc dài hạn)
- Sở hữu chung của quyền sở hữu trí tuệ có liên quan; (trung hoặc dài hạn)
- Phí giấy phép trong trường hợp thương mại hóa; (trung hoặc dài hạn)
- Kinh phí nghiên cứu; (trung hoặc dài hạn)
- Sở hữu chung của quyền sở hữu trí tuệ có liên quan; (trung hoặc dài hạn)
- Chia sẻ kết quả nghiên cứu và phát triển; (trung hoặc dài hạn)
- Sự tham gia trong phát triển sản phẩm; (trung hoặc dài hạn)
- Tăng cường năng lực về chuyển giao công nghệ cho bên sử dụng là các nước đang phát triển và cho các nước có nền kinh tế trong quá trình chuyển đổi và tăng cường năng lực phát triển công nghệ trong nước cung cấp nguồn gen. Ngoài ra, phát huy khả năng bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen mà cộng đồng bản địa và địa phương nắm giữ; (trung hoặc dài hạn)
- Nguồn nhân lực, vật lực để tăng cường năng lực quản lý và thực thi các quy định về tiếp cận, (trung hoặc dài hạn)
- Sở hữu chung của quyền sở hữu trí tuệ có liên quan. (Trung hoặc dài hạn)

DÀI HẠN

- Tiền bản quyền
- Xây dựng năng lực thể chế
- Đóng góp vào nền kinh tế địa phương
- Những lợi ích về an ninh lương thực và sinh kế
- Sự thừa nhận của xã hội
- Tiền bản quyền
- Liên doanh
- Xây dựng năng lực thể chế
- Đóng góp vào nền kinh tế địa phương
- Những lợi ích về an ninh lương thực và sinh kế
- Sự thừa nhận của xã hội

7

ĐƯỜNG LINK ĐẾN CÁC HƯỚNG DẪN

Phi thương mại

Bộ quy tắc ứng xử: Các nguyên tắc về Tiếp cận nguồn gen và Chia sẻ lợi ích (<http://www.bgci.org/resources/abs/>); Hiệp hội dân tộc học quốc tế (<http://ethnobiology.net/code-of-ethics/>).

Tiêu chuẩn EMBRAPA tiếp cận các cộng đồng địa phương và bản địa (www.embrapa.br/english); Hướng dẫn Braxin về Bảo vệ di sản văn hóa, tự nhiên và tinh thần dành cho Người bản địa, Cộng đồng địa phương và Hộ nông dân (<http://www.inbrapi.org.br/>).

Tiêu chuẩn chuyên nghiệp về tính trung thực và cởi mở trong nghiên cứu khoa học: Văn phòng NIH về tính trung thực trong nghiên cứu (www.ori.dhhs.gov/policies/).

Các thủ tục tiêu chuẩn xử lý nguyên liệu (đặc biệt là các mẫu vật) và nghiên cứu khoa học: Quy tắc quốc tế về gọi tên động vật (<http://www.nhm.ac.uk/hosted-sites/iczn/code/>); Quy tắc quốc tế về gọi tên thực vật (www.ibot.sav.sk/icbn/main.htm); Tiêu chuẩn của FAO về thu thập thực vật (<http://www.fao.org/nr/cgrfa/cgrfa-global/cgrfa-codes/en/>).

Tiêu chuẩn dữ liệu quản lý các bộ sưu tập và theo dõi các giao dịch và sự tuân thủ: hệ thống trao đổi IPEN (<http://www.bgci.org/resources/ipen/>), Nhóm làm việc về cơ sở dữ liệu phân loại học (<http://www.tdwg.org/>); tiêu chuẩn nhập dữ liệu thực vật của FAO (<http://www.fao.org/nr/cgrfa/cgrfa-global/cgrfa-codes/en/>).

Hướng dẫn thực hành ABS tốt: Những thực hành tốt trong Nghiên cứu hàn lâm về Nguồn gen của Thụy Sĩ (<http://abs.scnat.ch/>), Hướng dẫn về ABS của Viện nghiên cứu Đức (www.dfg.de/forschungsfoerderung/formulare/download/1_021e.rtf)

Chính sách và thỏa thuận chuẩn về ABS của tổ chức đã được các tổ chức xây dựng (chẳng hạn Vườn thực vật hoàng gia, Kew (www.kew.org/conservation), Viện Đa dạng sinh học quốc gia Nam Phi (SANBI) (<http://www.sanbi.org/>), Phòng tiêu bản quốc gia Ethiopia (<http://www.abc.gov.et/>); NIH (www.ori.dhhs.gov/policies/), Vườn thực vật Rio (<http://www.jbrj.gov.br/>); MOSAICC (<http://bccm.belspo.be/projects/mosaicc/>); Liên đoàn thế giới về Sưu tập văn hóa (www.wdcm.nig.ac.jp/wfcc/) và nhiều link khác)

Dược phẩm và công nghệ sinh học

- Hiệp hội các Nhà quản lý Công nghệ đại học (AUTM) Thỏa thuận chuyển giao nguyên liệu sinh học thống nhất (MTA)
- Thỏa thuận chuyển giao nguyên liệu Đại học Michigan (MTA) (và các trường đại học khác)
- Hướng dẫn ABS của Liên đoàn quốc tế các nhà sản xuất và hiệp hội dược phẩm
- Hướng dẫn EuropaBio
- Hướng dẫn của Tổ chức công nghiệp công nghệ sinh học (BIO) dành cho các thành viên tham gia thăm dò sinh học
- Thư thu thập của Viện Y tế quốc gia (NIH)
- Điều kiện dịch vụ vườn quốc gia chung của Hoa Kỳ dành cho Giấy phép thu thập và nghiên cứu khoa học.
- Hướng dẫn của Hiệp hội công nghiệp sinh học Nhật Bản (JBA) và Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp (METI) về sử dụng nguồn gen
- Các chính sách cụ thể của các doanh nghiệp (xem ví dụ ở trang sau)

Các hướng dẫn quốc tế

Hướng dẫn Bonn về Tiếp cận Nguồn gen và Chia sẻ công bằng và hợp lý Lợi ích có được từ việc sử dụng nguồn gen/Quyết định CBD V/26

FAO. (1993). *Bộ quy tắc quốc tế về Thu thập và chuyển giao giống cây trồng*. Xem tại <http://www.fao.org/nr/cgrfa/cgrfa-global/cgrfa-codes/en/>

FAO. (2001). *Hiệp ước Quốc tế về Tài nguyên Di truyền Thực vật đối với Lương thực và Nông nghiệp*. Ủy ban về Nguồn gen trong Lương thực và Nông nghiệp. Xem tại <http://www.planttreaty.org/>

Văn phòng chính sách khoa học liên bang Bỉ (2001). *MOSAICC: Bộ quy tắc quốc tế quy định về Tiếp cận và Sử dụng bền vững vi sinh vật*. Xem tại <http://bccm.belspo.be/projects/mosaicc/index.php>.

Cây thuốc: *Tiêu chuẩn quốc tế về thu thập cây thuốc và hương liệu trong tự nhiên (Phiên bản 1.0 2007)* BfN, Nhóm chuyên gia cây thuốc/Ủy ban về sự tồn tại của các loài/ IUCN - Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế

Bộ nguyên tắc của ngành

Vườn thực vật Đại học bang Irkutsk (2000). *Hướng dẫn chính sách chung cho các Tổ chức tham gia: Nguyên tắc về Tiếp cận nguồn gen và Chia sẻ lợi ích*. Xem tại www.isu.ru/insts/botsad/cbd/principles2000_e.htm.

Latorre García, F., Williams, C., ten Kate, K. & Cheyne, P. (2001). “*Nguyên tắc về Tiếp cận nguồn gen và Chia sẻ lợi ích dành cho các Tổ chức tham gia*”. Kết quả Dự án thí điểm dành cho các vườn thực vật - Nguyên tắc về Tiếp cận nguồn gen và Chia sẻ lợi ích, Hướng dẫn chính sách chung nhằm hỗ trợ thực hiện và tài liệu giải thích. Vườn thực vật hoàng gia, Kew. Xem tại <http://www.bgci.org/worldwide/article/0007/>

Hiệp hội kinh tế học thực vật (1995). *Hướng dẫn đạo đức nghề nghiệp: Lịch sử tóm lược về Hướng dẫn Đạo đức nghề nghiệp của Hiệp hội kinh tế học thực vật*. Xem tại http://www.econbot.org/_about_/index.php?sm=03

<http://www.sd.qld.gov.au/dsdweb/v3/documents/objdirtrled/nonsecure/pdf/4130.pdf>

Chính quyền Queensland (2001). *Thực hành đạo đức đối với công nghệ sinh học tại Queensland: Tiến bộ thông qua thực hành an toàn và đạo đức*. Cục Đổi mới và kinh tế thông tin WIPO. (2002). *Thỏa thuận mẫu về Chia sẻ lợi ích khám phá sinh học*. Cơ sở dữ liệu Tri thức truyền thống và Hợp đồng có tác động văn hóa WIPO. Xem tại <http://www.wipo.int/tk/en/databases/contracts/texts/queensland.html>

Bộ quy tắc và chính sách của doanh nghiệp

Novozymes

NovoNordisk. (1998). *Báo cáo môi trường 1999: Đa dạng sinh học*. Xem tại www.novonordisk.com

NovoNordisk. (1999). *Báo cáo môi trường 1998: Tóm tắt đánh giá đạo đức sinh học bên ngoài*. Xem tại www.novonordisk.com

NovoNordisk. (1999a). *Báo cáo môi trường 1998: Làm việc với Công ước đa dạng sinh học*. Xem tại www.novonordisk.com

Novozymes. (2000). *Chính sách môi trường và đạo đức sinh học*. Xem tại www.novozymes.com

Novozymes. (2000a). *Chính sách trách nhiệm xã hội*. Xem tại www.novozymes.com

GlaxoSmithKline

GlaxoSmithKline. (2002). *Báo cáo về Môi trường, Sức khỏe và An toàn 2001*. Xem tại www.gsk.com/ser/2001/ehs01/rep-37.html

GlaxoSmithKline. (2003). *Báo cáo về Sự bền vững về Môi trường, Sức khỏe và An toàn 2002*. Xem tại www.gsk.com/financial/reps02/EHS02/GSKehs-32.htm

Các chương trình nghiên cứu về tập quán

Castillo, G. (2001). *Đem lại lợi ích cho cộng đồng. Hiệp hội sinh thái Kuna và Chương trình quản lý sinh thái cho Kuna Yala Wildlands*. www.itto.int/direct/topics/topics_pdf_download/topics_id=1330000&no=1

Viện Ung thư quốc gia: Thư thu tập

Cragg, G.M. & Newman, D.J. (2003). Viện Ung thư Quốc gia Hoa Kỳ (NCI) Chương trình phát triển và khám phá các sản phẩm thuốc tự nhiên. Trình bày cho Hội thảo quốc tế, Cây thuốc: Tiếp cận, sử dụng và chia sẻ lợi ích trong bối cảnh của Công ước Đa dạng sinh học. Tổ chức bởi Trung tâm Phát triển và Môi trường (SUM), Đại học Oslo, Na Uy. Ngày 03-05 tháng 4 năm 2003.

WIPO. (1999). Thỏa thuận chuyển giao nguyên liệu và các sản phẩm tự. *Viện Ung thư quốc gia, Viện Y tế Quốc gia*. có sẵn tại <http://www.wipo.int/tk/en/databases/contracts/texts/ncimta.html>

Hội đồng doanh nghiệp thế giới vì sự phát triển bền vững. (2002). *Quyền sở hữu trí tuệ trong công nghệ sinh học và chăm sóc sức khỏe: Kết quả của đối thoại các bên liên quan*. Có tại <http://www.wbcasd.org/pages/edocument/edocumentdetails.aspx?id=89&nosearchcontextkey=True>

8

CÁC NGUỒN THAM KHẢO HỮU ÍCH KHÁC

Thông tin pháp lý

Một số tổ chức đã phát triển các nghiên cứu về pháp luật ABS hoặc duy trì cơ sở dữ liệu về các biện pháp pháp lý, thể chế và hành chính ABS: Những nghiên cứu này có thể là một nguồn thông tin hữu ích.

Cabrera Medaglia, J. (2004). *Phân tích về thực hiện truy cập và chia sẻ lợi ích quy định ở một số nước. Dự án ABS. Bonn; IUCN.*

Carrizosa, S., Brush, S.B., Wright, B.D. & McGuire, P.E. (Eds.) (2004). *Tiếp cận đa dạng sinh học và chia sẻ các lợi ích: Những bài học từ thực tiễn Công ước về Đa dạng sinh học, Chính sách môi trường của IUCN và Luật luận số 54, Gland, Cambridge and Bonn, 2004.*

Dross, M. & Wolff, F. (2005). *Các yếu tố mới của chế độ quốc tế về Tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích - Vai trò của Chứng chỉ xuất xứ. Bonn: BfN.*

Garforth, K., Lopez Noriega, I., Cabrera Medaglia, J., Nnadozie, K. & Nemoga, G.R. (2005). *Tổng quan về các biện pháp thực hiện quốc gia và khu vực về Tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích. Trung tâm Luật Phát triển bền vững quốc tế, Montreal, Tái bản lần thứ ba. (Nghiên cứu này đã được cập nhật vào năm 2011 để phân tích cách thức lồng ghép các biện pháp ABS với Nghị định thư Nagoya bởi Cabrera Medaglia et al.).*

Kamau, E. & Winter, G. (Eds.) (2009). *Nguồn gen, tri thức truyền thống và LUẬT Các giải pháp tiếp cận và chia sẻ lợi ích. London: Earthscan.*

Nnadozie, K., Lettington, R., Bruch, C. & Bass, S. (Eds.) (2003). *Triển vọng Châu Phi về Tài nguyên di truyền. Washington: Environmental Law Institute.*

Các nguồn khác bao gồm:

- Cơ chế chia sẻ thông tin CBD sm (<http://www.cbd.int/CHM/>)
- Trung tâm luật phát triển bền vững quốc tế (www.cisd.org)
- Trung tâm Luật Môi trường (www.iucn.org)
- Hành động quốc tế về nguồn gen (www.grain.org)
- Cơ sở dữ liệu của WIPO về văn bản pháp luật về bảo vệ tri thức truyền thống, văn hóa truyền thống và văn bản pháp luật có liên quan đến nguồn gen (www.wipo.int/tk/en/laws/index.html)
- Website của các đầu mối quốc gia và cơ quan thẩm quyền quốc gia (<http://www.cbd.int/doc/lists/nfp-cbd.pdf>).

Thông tin khác

Những tình huống nghiên cứu CBD, bao gồm một báo cáo toàn diện năm 2008 có tại: <http://www.cbd.int/abs/casestudies/>

Báo cáo Thăm dò sinh học của UNU / IAS có tại: <http://www.ias.unu.edu/>

IPGRI: Các tình huống nghiên cứu về tiếp cận và chia sẻ lợi ích <http://www.biodiversityinternational.org/>

Viện Fridtjof Nansen: Quyền lợi của người nông dân tại Ethiopia: www.fni.no/doc&pdf/FNI-R0706.pdf

Nhiều nghiên cứu liên quan khác từ Genbenefit: www.uclan.ac.uk

Ngoài ra còn có nhiều nguồn thông tin hữu ích khác về thỏa thuận và/hoặc trường hợp nghiên cứu ABS:

Cơ sở dữ liệu hợp đồng của WIPO (<http://www.wipo.int/tk/en/databases/contracts/>):

Cơ sở dữ liệu trực tuyến và có thể tìm kiếm được về các thỏa thuận tiếp cận và chia sẻ lợi ích liên quan đa dạng sinh học có sẵn trên trang web của WIPO, với sự nhấn mạnh đặc biệt vào các khía cạnh sở hữu trí tuệ của các hiệp định đó.

Trung tâm thông tin về Thăm dò sinh học của UNU / IAS (<http://www.ias.unu.edu/>).

Nguồn thông tin này đang được phát triển và duy trì bởi Đại học Liên Hiệp Quốc - Viện nghiên cứu cao cấp và bao gồm các khu vực sau: Nam Cực, Thái Bình Dương, Hàng hải, và Bắc Cực, cung cấp quyền truy cập vào cơ sở dữ liệu trên web để hỗ trợ việc đánh giá và ghi lại mức độ thăm dò sinh học trong những vùng đó.

Sáng kiến Phát triển năng lực ABS cho Châu Phi (www.abs-africa.info).

Sáng kiến cung cấp trên trang web những tóm tắt ngắn về một số trường hợp bioprospecting trong các nước châu Phi khác nhau.

Cuốn cẩm nang có chứa một số mẫu hợp đồng và MTA, các trường hợp nghiên cứu về các vấn đề IP, các thỏa thuận cấp phép, kỹ thuật và phương pháp liên quan đến đàm phán; thỏa thuận ABS: www.ipHandbook.org

Đối với hợp đồng ABS và thăm dò sinh học:

Cabrera Medaglia, J. (2004). *Elementos básicos para la negociación de contratos de bioprospección*. Có tại http://cmsdata.iucn.org/downloads/cel10_medaglia_2.pdf

Downes, D., Laird, S., Klein, C. Carney & Kramer, B. (1993). *Hợp đồng khảo sát Đa dạng sinh học*. . In *W.V. Reid và các cộng sự. (Biên soạn) Khảo sát đa dạng sinh học. Sử dụng bền vững tài nguyên di truyền*, Tái bản lần thứ nhất. San Jose, Viện Tài nguyên Thế giới.

Cho sử dụng thương mại đa dạng sinh học:

Laird, S. *Tiếp cận ABS theo ngành: Nghiên cứu cơ bản do Ban thư ký CBD*. Có tại <http://www.cbd.int/doc/publications/cbd-ts-38-en.pdf>

Kate, K. & Laird, S. (1999). *Sử dụng thương mại Đa dạng sinh học*. Luân Đôn: Earthscan.



Chương trình Môi trường Liên Hiệp Quốc



Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF)



Trung tâm Đa dạng Sinh học Đông Nam Á



Cục Bảo tồn đa dạng sinh học (BCA)

Địa chỉ: Số 10 Tôn Thất Thuyết, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3795 6868 (ext: 3113) - Fax: (84-4) 3941 2028